

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên
- Tên dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Địa điểm thực hiện: Sở Công thương tỉnh Hưng Yên, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Tên gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày

- Mục tiêu thực hiện:

Số hóa và xây dựng Cơ sở dữ liệu tập trung toàn bộ thông tin về quy hoạch, đất đai, hạ tầng, doanh nghiệp, lao động, môi trường và hoạt động đầu tư của tất cả các Khu kinh tế (viết tắt KKT), Khu công nghiệp (viết tắt KCN), Cụm công nghiệp (viết tắt CCN) trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý với các công cụ báo cáo, thống kê, phân tích chuyên sâu và dự báo, cung cấp kịp thời thông tin đa chiều, chính xác phục vụ công tác điều hành của lãnh đạo các cấp.

Quản lý hạ tầng kỹ thuật và môi trường các CCN, KCN, KKT; tích hợp dữ liệu vào bản đồ GIS nhằm trực quan hóa thông tin, hỗ trợ giám sát, phân tích và ra quyết định quản lý.

Cung cấp cổng thông tin tập trung, minh bạch, thân thiện, hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư tiếp cận, khai thác dữ liệu nhanh chóng và thuận tiện.

Góp phần cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy thu hút đầu tư và phát triển bền vững khu vực công nghiệp của tỉnh.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung

2.1.1 Yêu cầu lựa chọn giải pháp công nghệ, kỹ thuật

- Kiến trúc, mô hình

Hệ thống phải được xây dựng dựa trên một kiến trúc, mô hình chuẩn, được áp dụng xuyên suốt trong quá trình phát triển của hệ thống.

Kiến trúc phải có tính mở, kế thừa, phù hợp với phát triển trong tương lai.

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến

Hệ thống phải được xây dựng trên cơ sở nền tảng công nghệ thông tin hiện đại với công nghệ tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của CNTT trên thế giới như Big Data, ... nhằm tận dụng các thành quả của các công nghệ mới, giúp hệ thống hoạt động hiệu quả trong thời gian lâu dài. Đây cũng là yếu tố quan trọng để bảo vệ thành quả đầu tư.

Ưu tiên lựa chọn công nghệ mở (không có phí bản quyền nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu và hàng năm) nếu công nghệ mở đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của dự án. Trong trường hợp không có công nghệ mở đáp ứng yêu cầu của dự án thì lựa chọn công nghệ đóng phù hợp đáp ứng yêu cầu.

- Tính linh hoạt và khả năng mở rộng

Hệ thống cần được thiết kế và triển khai dựa trên các mô-đun thành phần, có khả năng triển khai linh hoạt trên các môi trường, hạ tầng kỹ thuật khác nhau, đảm bảo khả năng tận dụng các trang thiết bị sẵn có cũng như đáp ứng khả năng cung cấp dịch vụ theo các mô hình, hình thức khác nhau tùy thuộc nhu cầu, yêu cầu thực tế.

Hệ thống cần có khả năng mở rộng theo từng mô-đun thành phần, đáp ứng nhu cầu mở rộng phạm vi, quy mô triển khai trong tương lai theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn.

- Tính sẵn sàng và độ tin cậy

Hệ thống cần có tính sẵn sàng và độ tin cậy cao, đảm bảo khả năng hoạt động một cách chính xác, ổn định.

- Khả năng quản trị, vận hành và hỗ trợ kỹ thuật

Với quy mô triển khai rộng rãi trên cả nước, hệ thống cần có công cụ phục vụ công tác quản trị, vận hành thuận lợi, tiện dụng, ứng dụng các công nghệ mới trong tự động hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm giảm thiểu các tác vụ thủ công đơn giản, giúp các cán bộ, chuyên viên kỹ thuật nghiệp vụ có thể thực hiện nghiệp vụ một cách dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả.

Đồng thời, khả năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cũng là một yếu tố quan trọng trong quá trình đưa hệ thống vào khai thác, vận hành. Việc cung cấp các hỗ trợ về mặt kỹ thuật kịp thời sẽ giúp các cán bộ vận hành, quản trị hệ thống có khả năng xử lý, giải quyết các nguy cơ, sự cố sớm hơn, hiệu quả hơn, giảm thiểu các ảnh hưởng, thiệt hại.

Khả năng quản trị, vận hành đơn giản, hiệu quả cũng góp phần giảm thiểu các chi phí liên quan như đào tạo, hướng dẫn cũng như bảo hành, bảo trì hệ thống.

- Đảm bảo an toàn thông tin

Kiểm soát truy cập: chỉ những người có quyền mới được truy cập. Mọi truy cập đều được kiểm soát bởi hệ thống.

Đảm bảo tính bí mật: thông tin không bị tiết lộ cho những người không có thẩm quyền.

Đảm bảo tính thống nhất, toàn vẹn: thông tin không bị thay đổi, phá hủy.

Đảm bảo tính sẵn sàng: có khả năng truy xuất khi cần thiết.

Đảm bảo tính xác thực: xác nhận tính hợp lệ của truy cập.

Đảm bảo tính thừa nhận: xác định rõ nguồn tin.

2.1.2 Yêu cầu về kiến trúc phần mềm

Triển khai kiến trúc đa tầng làm nền tảng, tích hợp nguyên tắc SOA cho các dịch vụ và kết nối bên ngoài, đảm bảo:

- + Dữ liệu được quản lý tập trung và an toàn.
- + Hệ thống có thể mở rộng, nâng cấp và tích hợp linh hoạt trong tương lai.
- + Phù hợp với lộ trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh của tỉnh Hưng Yên.

2.1.3 Yêu cầu về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, công nghệ lập trình cho ứng dụng web, công nghệ lập trình cho ứng dụng di động, công nghệ hiển thị bản đồ

a. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Sử dụng SQL Server 2022 trở lên, Nhà thầu có thể đề xuất các giải pháp công nghệ khác bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ, đồng thời tối ưu chi phí đầu tư.

b. Công nghệ lập trình cho ứng dụng web:

- Sử dụng C# và ASP.NET bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, tính ổn định, bảo mật, khả năng tích hợp và mở rộng của hệ thống, đồng thời tối ưu chi phí vận hành và bảo trì trong dài hạn.

- Cấu hình môi trường phát triển và triển khai:

Môi trường phát triển (Development Environment)

Hệ điều hành: Windows 11 Professional hoặc Windows Server 2022 Standard.

Ngôn ngữ lập trình: C# (phiên bản .NET 8.0 hoặc mới hơn).

Nền tảng phát triển: ASP.NET Core 8.0 trở lên.

Công cụ phát triển (IDE): Microsoft Visual Studio, Visual Code.

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Microsoft SQL Server 2022 Developer Edition.

Công cụ quản lý mã nguồn: Git (GitHub, TFS hoặc GitLab).

Công cụ hỗ trợ phát triển: Postman hoặc Swagger – kiểm thử API; Docker Desktop – kiểm thử container hóa ứng dụng; Microsoft Edge/Chrome – kiểm thử giao diện web.

Môi trường kiểm thử và triển khai (Testing & Production Environment):

Hệ điều hành máy chủ: Windows Server 2022 Datacenter Edition.

Nền tảng ứng dụng: .NET Core Runtime 8.0 (64-bit).

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Microsoft SQL Server 2022 Standard/Enterprise Edition.

Máy chủ web: Internet Information Services (IIS) 10.0 hoặc mới hơn.

Hạ tầng triển khai: Máy chủ vật lý hoặc máy ảo đặt tại trung tâm dữ liệu của Tỉnh; Hỗ trợ triển khai trên môi trường container (Docker/Kubernetes) nếu cần mở rộng quy mô.

Công cụ giám sát và sao lưu: Windows Admin Center, SQL Server Management Studio (SSMS); Giải pháp sao lưu định kỳ dữ liệu và cấu hình hệ thống.

- Đề xuất kỹ thuật bổ sung:

Khuyến nghị sử dụng chứng chỉ số SSL/TLS để bảo mật giao tiếp giữa các dịch vụ.

Cấu hình tường lửa và phân quyền truy cập theo mô hình **multi-tier** (Web – Application – Database).

Thiết lập cơ chế logging, auditing và cảnh báo tự động để bảo đảm an toàn, giám sát và vận hành hệ thống ổn định.

c. Công nghệ lập trình cho ứng dụng di động

- Sử dụng React Native làm nền tảng phát triển ứng dụng di động của dự án

- Cấu hình môi trường phát triển và triển khai:

Môi trường phát triển

Ngôn ngữ và nền tảng phát triển: Nền tảng chính: React Native (phiên bản mới nhất ổn định); Ngôn ngữ lập trình: JavaScript/TypeScript; Framework hỗ trợ: React (v18 trở lên).

Công cụ phát triển (IDE và tiện ích): Visual Studio Code: IDE chính thức, nhẹ, đa nền tảng, hỗ trợ tốt cho React Native; Android Studio: dùng để biên dịch, mô phỏng và kiểm thử ứng dụng trên thiết bị Android; Xcode (trên macOS): dùng

để biên dịch và kiểm thử ứng dụng trên iOS; Postman/Swagger: phục vụ kiểm thử API kết nối với hệ thống backend.

Bộ công cụ và thư viện phụ trợ: Node.js (v18.x trở lên): môi trường chạy JavaScript phía server, yêu cầu cho React Native CLI; npm hoặc yarn: trình quản lý gói thư viện; Expo CLI (tuỳ chọn): hỗ trợ khởi tạo, build và test ứng dụng nhanh trong giai đoạn đầu; React Navigation: quản lý điều hướng trong ứng dụng; Axios / Fetch API: thư viện kết nối API và xử lý dữ liệu; Redux Toolkit hoặc Zustand: quản lý trạng thái ứng dụng; AsyncStorage hoặc SecureStore: lưu trữ dữ liệu cục bộ và thông tin xác thực.

Công cụ build và kiểm thử: Gradle (cho Android) và Xcode Build System (cho iOS); Jest / React Native Testing Library: phục vụ kiểm thử đơn vị và kiểm thử giao diện; Git (GitHub, TFS hoặc GitLab): quản lý phiên bản mã nguồn và phối hợp nhóm phát triển.

Môi trường triển khai và vận hành

Nền tảng triển khai: Android: hỗ trợ từ phiên bản Android 8.0 (API level 26) trở lên; iOS: hỗ trợ từ phiên bản iOS 13.0 trở lên.

Quy trình triển khai: Ứng dụng được biên dịch thành file APK/AAB (Android) và IPA (iOS); Kiểm thử nội bộ (beta test) thông qua Firebase App Distribution hoặc TestFlight; Phát hành chính thức trên Google Play Store và Apple App Store sau khi được nghiệm thu.

Tích hợp và bảo mật: Tích hợp với hệ thống API Gateway và dịch vụ định danh người dùng (SSO/OAuth2); Mã hóa dữ liệu truyền tải qua HTTPS/TLS 1.2+; Hỗ trợ thông báo đẩy (Firebase Cloud Messaging / Apple Push Notification Service); Bảo đảm tương thích với kiến trúc hệ thống backend của dự án.

d. Yêu cầu về công nghệ hiển thị bản đồ

Lựa chọn nền tảng QGIS cho hệ thống:

+ **QGIS Server** sử dụng để quản lý, phân tích dữ liệu địa lý và cung cấp dịch vụ bản đồ qua mạng.

+ **QGIS** được sử dụng để biên tập, hiển thị và khai thác dữ liệu 2D/3D phục vụ nghiệp vụ quản lý. Giải pháp này đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm khả năng mở rộng, tính tương thích, hiệu năng và tối ưu chi phí đầu tư – vận hành của dự án.

2.2 Yêu cầu về phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

2.2.1 Yêu cầu về trao đổi thông tin, dữ liệu

Yêu cầu trong tổ chức trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các HTTT:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu;

- Cần lập kế hoạch trước khi tạo ra hoặc thu thập dữ liệu mới với mục đích sử dụng rõ ràng, xác định rõ phạm vi khai thác dữ liệu và vai trò của dữ liệu cung cấp cho mỗi cơ quan khác khai thác, sử dụng;

- Dữ liệu trao đổi cần phải được chuẩn hóa, có tính ổn định;

- Dữ liệu trao đổi phải có cấu trúc dữ liệu tham chiếu. Mỗi bên khi cung cấp có trách nhiệm xây dựng và ban hành cấu trúc dữ liệu;

- Công bố công khai các cấu trúc dữ liệu trao đổi, mô tả nội dung, thành phần dữ liệu, đầu mối tiếp nhận yêu cầu khai thác dữ liệu. Đối với việc trao đổi dữ liệu trực tuyến trên mạng, cần công bố rõ địa chỉ kết nối cung cấp dữ liệu;

2.2.2 Cách thức trao đổi

Bên cung cấp và bên khai thác có thể trao đổi qua các cách thức sau:

- Trao đổi trực tiếp: Hệ thống thông tin của bên khai thác có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu kết nối trực tiếp tới hệ thống thông tin của bên cung cấp để truy cập thông tin, dữ liệu.

- Khai thác trực tuyến: Bên khai thác truy cập vào cổng thông tin điện tử cung cấp dữ liệu của bên cung cấp để chọn, trích lọc dữ liệu và tải về hoặc tải dữ liệu đã chuẩn bị sẵn để nhập vào hệ thống của bên khai thác.

2.2.3 Giao thức trao đổi

Thống nhất giao thức trao đổi dữ liệu sẽ đảm bảo dữ liệu chuyển từ bên cung cấp tới bên khai thác trọn vẹn. Các yêu cầu sau phải được áp dụng thống nhất:

- Thống nhất sử dụng giao thức mạng TCP để trao đổi dữ liệu trong môi trường mạng và các giao thức khác như LGSP/NGSP;

- Đối với việc trao đổi bằng phương thức khai thác trực tuyến trên môi trường mạng, sử dụng các giao thức HTTP/FTP khi không đòi hỏi mức độ bảo mật và giao thức HTTPS/FTPS khi đòi hỏi mức độ bảo mật.

2.2.4 Đối với phương thức trao đổi trực tiếp:

Thống nhất sử dụng dịch vụ web (webservice) trên nền tảng giao thức HTTP hoặc HTTPS trong trao đổi dữ liệu trực tiếp giữa các hệ thống thông tin;

Sử dụng ngôn ngữ WSDL để mô tả dịch vụ web được cung cấp, sử dụng tiêu chuẩn SOAP và RESTful API để đóng gói yêu cầu truy vấn dữ liệu và dữ liệu cần trao đổi.

❖ Ngôn ngữ, định dạng trao đổi

Đảm bảo bên cung cấp và bên khai thác có thể hiểu được nội dung thông điệp dữ liệu trao đổi. Ngôn ngữ mô tả, định dạng dữ liệu trao đổi cần áp dụng các tiêu chuẩn thống nhất:

Sử dụng ngôn ngữ XML là ngôn ngữ mô tả dữ liệu phục vụ trao đổi. Nội dung dữ liệu được mô tả bằng ngôn ngữ XML phải chặt chẽ, tường minh; Kiểu dữ liệu được mô tả theo quy định thống nhất của lược đồ dữ liệu cơ bản XML (W3C XMLSchema);

Thông tin mô tả trong ngôn ngữ XML sử dụng thống nhất bảng mã UTF8;

Cấu trúc dữ liệu được mô tả dưới dạng lược đồ cấu trúc dữ liệu. Lược đồ cấu trúc dữ liệu xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn XML Schema - XSD. Dữ liệu trao đổi mô tả bằng ngôn ngữ XML phải thống nhất và tham chiếu tới các lược đồ này;

Sử dụng tiêu chuẩn XSLT (Extensible Stylesheet Language Transformations) làm ngôn ngữ mô tả để chuyển đổi, trình diễn dữ liệu trao đổi dưới dạng thân thiện, trực quan với người sử dụng;

Các thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi chuyên ngành như dữ liệu địa lý, dữ liệu giao dịch điện tử,... sử dụng các ngôn ngữ mô tả mở rộng từ ngôn ngữ XML như GML, ebXML... và tuân thủ, tham chiếu tường minh các lược đồ dữ liệu tương ứng.

Các điều kiện, yêu cầu khác thúc đẩy trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin thống nhất

Thống nhất, đồng bộ và nhất quán cách thức mã hóa thông tin giữa các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước, cụ thể:

Các thuộc tính dữ liệu được lưu dưới dạng mã (mã đơn vị hành chính, mã quốc gia,...) sử dụng theo các quy định hiện hành trong cơ quan nhà nước, không tạo ra các hệ thống mã danh mục riêng đặc thù cho từng HTTT, cơ sở dữ liệu;

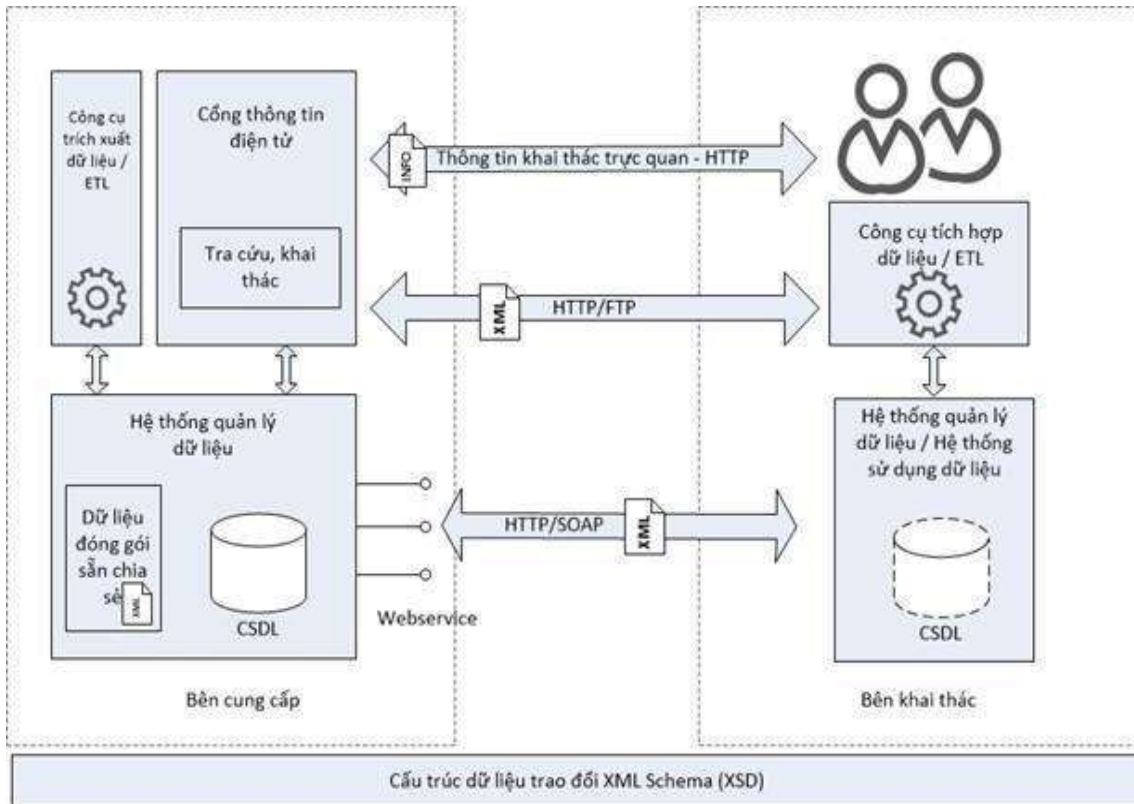
Tham khảo và sử dụng danh mục dữ liệu dùng chung được Cục Thống kê Việt Nam, Bộ Tài chính và các danh mục dữ liệu chuyên ngành do Bộ, ngành chuyên ngành ban hành đảm bảo thống nhất thông tin khi tích hợp dữ liệu.

Một thành phần thông tin có một cấu trúc dữ liệu thuộc một lược đồ mô tả. Không xây dựng lại các cấu trúc dữ liệu của thành phần thông tin đã có, nếu cần sử dụng phải tham chiếu và sử dụng chung.

Đối với việc đảm bảo an toàn, an ninh, các đơn vị có thể áp dụng các biện pháp: triển khai đường truyền mạng phù hợp, sử dụng giao thức mã hóa đường truyền, sử dụng chữ ký số, đăng nhập xác thực tài khoản và các biện pháp khác phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, nhu cầu trong trao đổi dữ liệu trên thực tế. Phương pháp cần công bố cụ thể cho bên khai thác sử dụng.

2.2.5 Các phương án trao đổi dữ liệu

Mô hình và quy trình trao đổi dữ liệu tổng thể giữa các hệ thống thông tin có các phương án như sau:



Sử dụng phương án trao đổi giữa hệ thống phần mềm quản lý thông tin cơ sở trên nền tảng Internet với các hệ thống khác thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu NGSP quốc gia, trực LGSP của tỉnh.

2.2.6 Giải pháp kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan

a) Các liên kết, trao đổi giữa hệ thống trong Sở Công thương sẽ được thực hiện dưới dạng API thông qua nền tảng LGSP:

Các liên kết và trao đổi thông tin giữa các hệ thống thuộc Sở Công Thương sẽ được thực hiện thông qua giao thức API (Application Programming Interface), bảo đảm tự động hóa việc chia sẻ, đồng bộ và cập nhật dữ liệu giữa các phân hệ nghiệp vụ.

Việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu sẽ được triển khai thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP – Local Government Service Platform), tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền số cấp tỉnh.

b) Các liên kết, trao đổi giữa hệ thống với CSDL Quốc gia, các HTTT Bộ, ngành, địa phương khác:

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh được thiết kế theo kiến trúc mở, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu linh hoạt với các nền tảng và hệ thống bên ngoài.

Các liên kết và trao đổi dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của Bộ, ngành, địa phương khác sẽ được thực hiện thông qua nền tảng

tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam và các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Giải pháp kết nối giúp hình thành hệ sinh thái dữ liệu dùng chung, phục vụ chia sẻ, khai thác và ra quyết định dựa trên dữ liệu thống nhất, góp phần xây dựng chính quyền số, quản trị công nghiệp hiện đại và phát triển bền vững.

2.3 Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6, phương án đảm bảo an toàn an ninh thông tin

2.3.1 Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6

Hệ thống được triển khai xây dựng phù hợp và hoạt tốt trên môi trường mạng IPv4 và IPv6.

Hệ thống được thiết kế, hiệu chỉnh cho phép tương thích với IP version người sử dụng thiết lập trên máy.

Hệ thống được thiết kế phù hợp và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật truyền dữ liệu trên mạng qua IPv4 và IPv6.

2.3.2. Phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Hệ thống Cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh đề xuất cấp độ 3

2.4. Hệ thống Trung tâm QL các cụm KCN, các KCN và các Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh

2.4.1 Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng

Phần mềm được xây dựng thuộc hoạt động này đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị áp dụng
1.3		RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị áp dụng
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng
1.5	Truyền thư điện tử	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc áp dụng
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng
		IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc áp dụng
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị áp dụng
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful service	Representational state transfer	Khuyến nghị áp dụng
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS- MetadataExchange	Web Services Metadata Exchange	Khuyến nghị áp dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5thEdition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2ndEdition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc áp dụng
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng
2.7	Trình diễn bộ ký tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị áp dụng
2.11	Số đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Số đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836- 1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma separated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wmv), (.wma)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công nghệ thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		JSR286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng

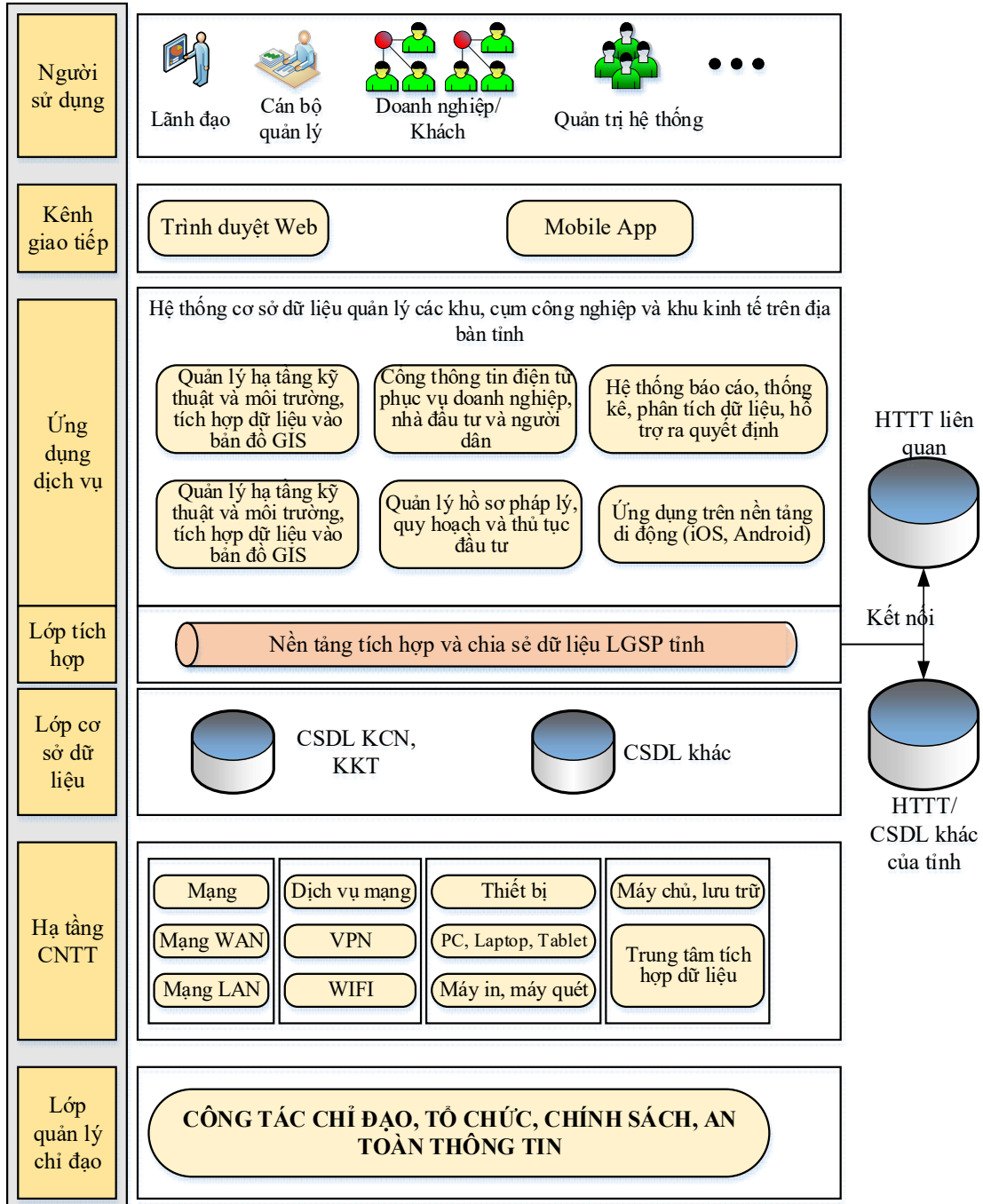
STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
4.5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị áp dụng
		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị áp dụng
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.17	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị áp dụng
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 6960	On-line Certificate status protocol	
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008	Information technology Security techniques - Time stamping services		
	ISO/IEC 18014-2:2009	Part 1: Framework		
	ISO/IEC 18014-3:2009	Part 2: Mechanisms producing independent tokens		
	ISO/IEC 18014-4:2015	Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources		
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

2.4.2. Yêu cầu Mô hình kiến trúc tổng thể

Mô hình kiến trúc tổng thể được thiết kế phù hợp với mô hình khung Chính phủ số Việt Nam phiên bản 4.0. Hệ thống được thiết kế như sau



- Người sử dụng: Là các đối tượng tham gia, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin và tương tác với Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh có thể bao gồm: Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Khách, Quản trị hệ thống ...

- Kênh giao tiếp: là hình thức, phương tiện truy cập của người sử dụng vào dịch vụ của hệ thống ứng dụng bao gồm Trình duyệt Web, Mobile App.

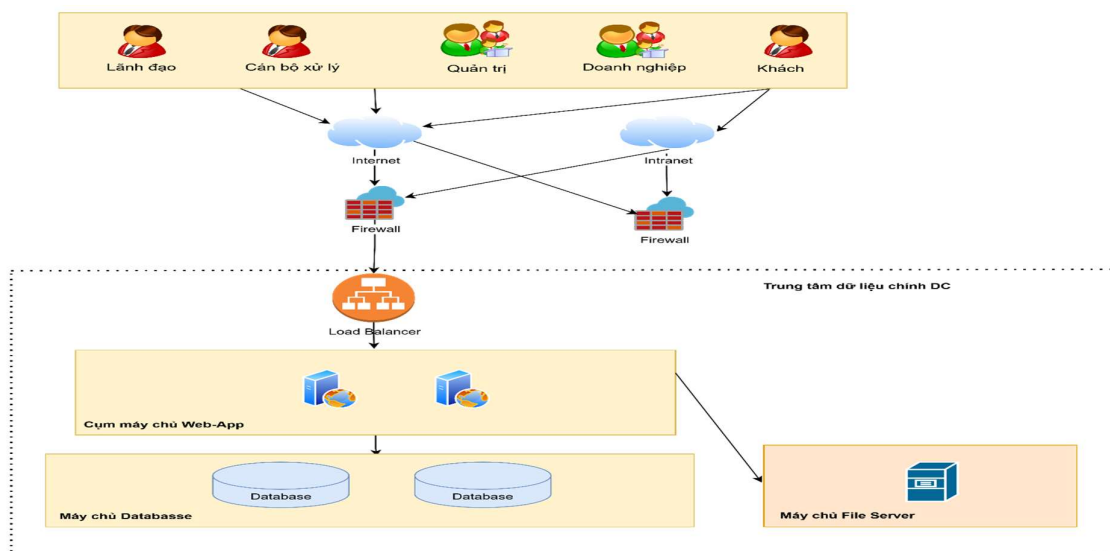
- Ứng dụng và CSDL: bao gồm các chức năng trong Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Các CSDL được hình thành từ việc cập nhật dữ liệu theo thời gian, hình thành kho dữ liệu về các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, giúp cho việc quản lý, tổng hợp, ra quyết định phù hợp và nhanh chóng

- Lớp tích hợp và chia sẻ bao gồm dịch vụ thư mục dùng chung, quản lý định danh, xác thực người dùng, phân quyền, dịch vụ kết nối, tích hợp dữ liệu và kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống CSDL khác của tỉnh thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP; đặc biệt sẵn sàng tích hợp với Hệ thống camera từ các doanh nghiệp về, Hệ thống báo cháy tại các doanh nghiệp, các KCN, Tích hợp số liệu quan trắc môi trường; các CSDL/HTTT khác của tỉnh thông qua các API được cung cấp.

- Hạ tầng CNTT bao gồm mạng, dịch vụ mạng và các thiết bị CNTT bao gồm máy chủ, thiết bị lưu trữ phục vụ cho toàn bộ hệ thống ứng dụng vận hành. Các thiết bị máy chủ, lưu trữ được trang bị, sử dụng và đặt tại hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh

- Lớp quản lý chỉ đạo bao gồm công tác tổ chức, chính sách để đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hiệu quả, phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động quản lý quá trình thực hiện trong chương trình mục tiêu quốc gia toàn thành phố; đảm bảo an toàn thông tin cũng tuân thủ theo quy định của pháp luật về An toàn thông tin, An ninh không gian mạng

2.4.3 Mô hình cài đặt và triển khai phần mềm



Hệ thống phần mềm được cài đặt tập trung tại Cài tại Trung tâm tích hợp dữ liệu các đơn vào đây để khai thác và cập nhật dữ liệu mà không cần phải cài đặt phần mềm và CSDL tại từng đơn vị.

Hạ tầng máy chủ được sử dụng công nghệ ảo hóa nhằm phân phối tài nguyên hợp lý, linh hoạt.

Cụm Server-Web: Các module web cần được public ra internet cho người sử dụng. Để đảm bảo ATTT, các module này được đặt qua các thiết bị bảo mật, thiết bị cân bằng tải và các thiết bị mạng chuyên dụng;

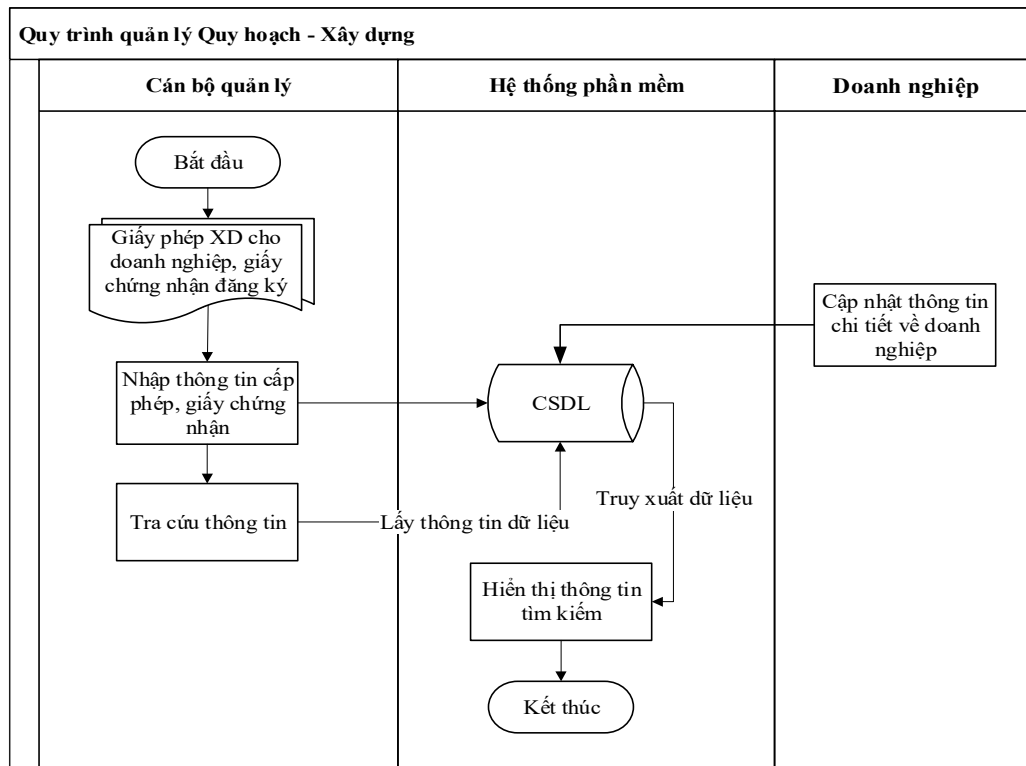
Cụm Server -Database: Xử lý lưu trữ, truy xuất dữ liệu;

Cụm Server-File: Xử lý lưu trữ file như video, media, tệp đính kèm,....

2.4.4 Yêu cầu về kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ

2.4.4.1. Yêu cầu quy trình nghiệp vụ cần tin học hóa

a. Quy trình quản lý Quy hoạch – xây dựng



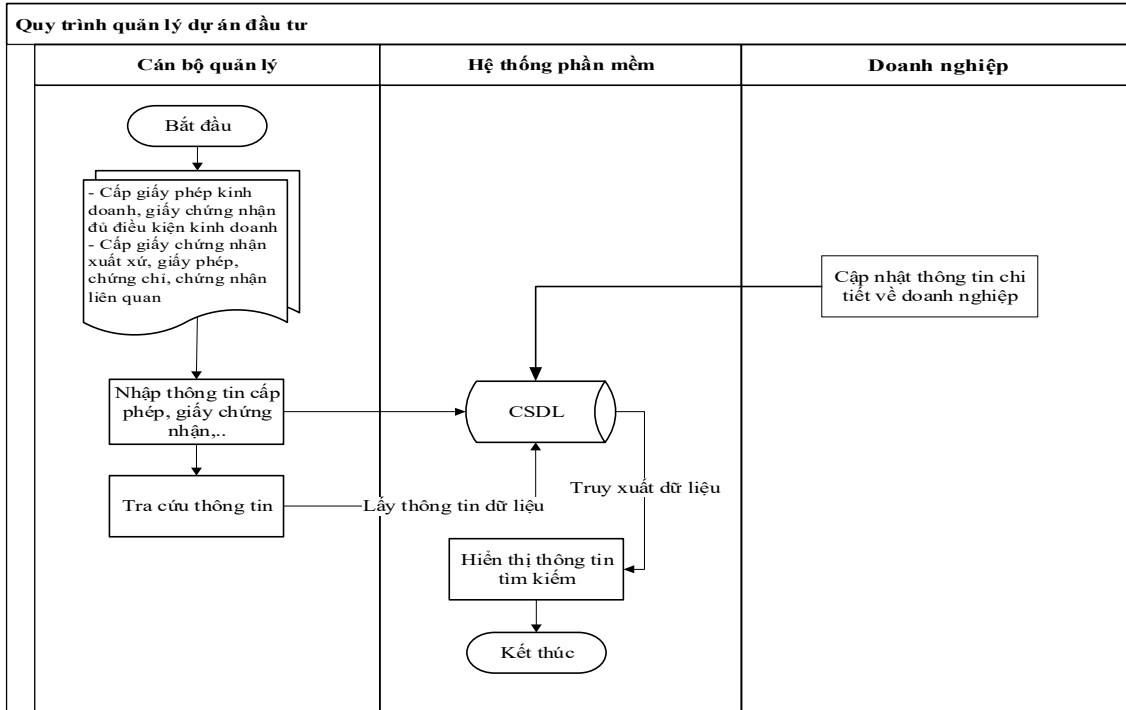
Mô tả quy trình:

- Cán bộ quản lý nhập thông tin xây dựng cấp phép, giấy chứng nhận theo form nhập của phần mềm; Doanh nghiệp cập nhật thông tin chi tiết về doanh nghiệp liên quan đến Quy hoạch – xây dựng.

- Dữ liệu lưu vào CSDL của phần mềm;
- Người sử dụng tra cứu thông tin theo các tiêu chí của phần mềm
- Hệ thống hiển thị thông tin tra cứu cho người sử dụng.

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Nhập thông tin ban đầu	Cán bộ quản lý nhập dữ liệu về quy hoạch, xây dựng, cấp phép, giấy chứng nhận... theo các biểu mẫu điện tử được chuẩn hóa trên phần mềm.	Cán bộ quản lý (Sở Công Thương, Ban quản lý các KCN tỉnh và Ban Quản lý KKT và các KCN)	Thông tin, hồ sơ điện tử được khởi tạo và lưu tạm trên hệ thống.
2	Cập nhật thông tin doanh nghiệp	Doanh nghiệp đăng nhập vào hệ thống để cập nhật, bổ sung thông tin chi tiết về hoạt động, quy hoạch, xây dựng, lao động, môi trường...	Doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT	Dữ liệu chi tiết về doanh nghiệp, dự án, quy hoạch được bổ sung vào hồ sơ.
3	Lưu trữ dữ liệu	Toàn bộ thông tin được ghi nhận và lưu trữ tập trung vào cơ sở dữ liệu của phần mềm, bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật và sẵn sàng khai thác.	Hệ thống phần mềm	Dữ liệu được chuẩn hóa, lưu trữ tập trung trong CSDL, sẵn sàng khai thác.
4	Tra cứu thông tin	Người dùng lựa chọn tiêu chí tìm kiếm (tên doanh nghiệp, vị trí quy hoạch, tình trạng cấp phép, loại hình hoạt động...) để truy xuất dữ liệu.	Người sử dụng hệ thống	Yêu cầu tra cứu được gửi đến hệ thống để xử lý và lọc dữ liệu phù hợp.
5	Hiện thị kết quả tra cứu	Hệ thống xử lý yêu cầu và hiện thị kết quả tương ứng trên giao diện người dùng, cho phép xem chi tiết, thống kê hoặc xuất báo cáo.	Hệ thống phần mềm	Kết quả tra cứu hiện thị trên giao diện; người dùng có thể in, xuất báo cáo.

b. Quy trình quản lý dự án đầu tư

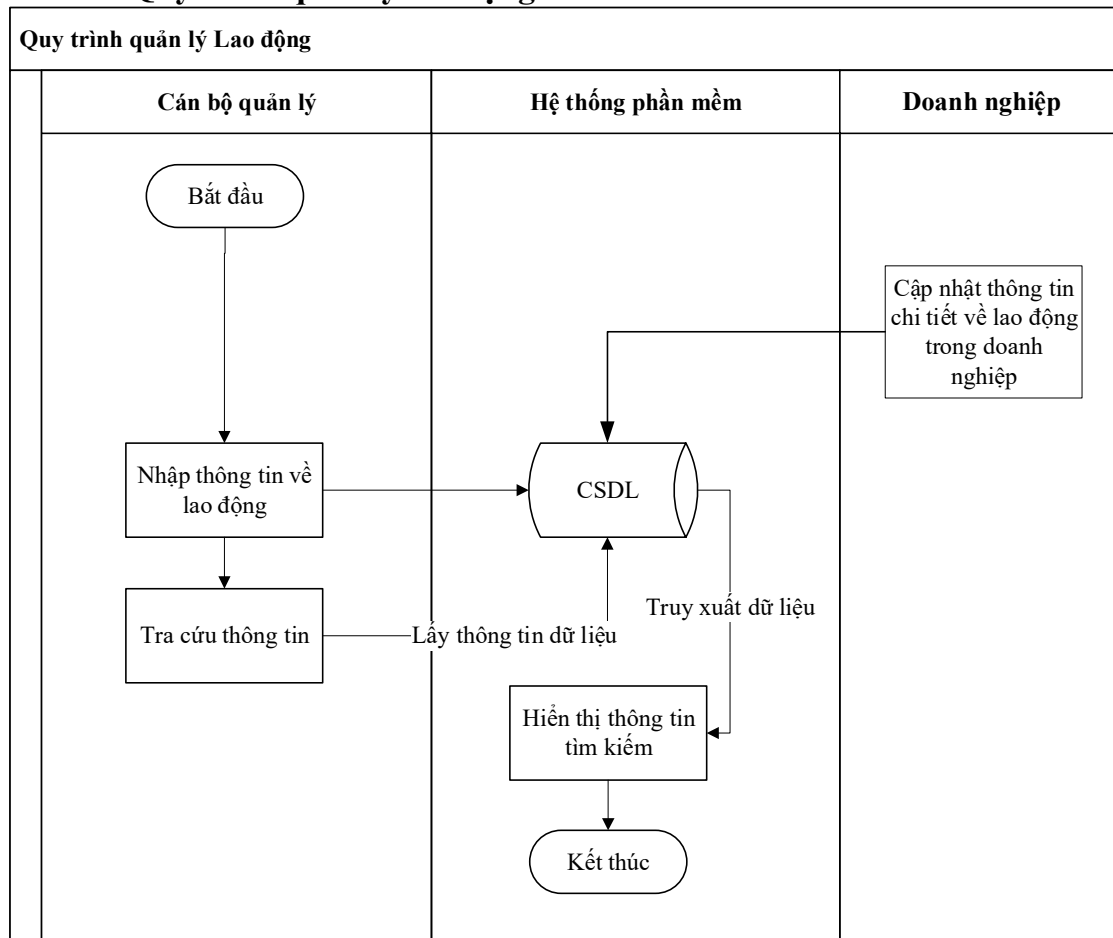


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Nhập thông tin cấp phép và chứng nhận	Cán bộ quản lý nhập dữ liệu về: Cấp giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận xuất xứ, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận liên quan... theo biểu mẫu điện tử của phần mềm.	Cán bộ quản lý (thuộc Sở Công Thương và các đơn vị liên quan)	Thông tin hồ sơ cấp phép, chứng nhận được khởi tạo và lưu tạm trên hệ thống.
2	Cập nhật thông tin doanh nghiệp và dự án	Doanh nghiệp đăng nhập để cập nhật thông tin chi tiết về doanh nghiệp, dự án đầu tư, tình hình hoạt động, sản xuất, nhân lực, môi trường, quy hoạch...	Doanh nghiệp/nhà đầu tư	Thông tin doanh nghiệp và dự án đầu tư được cập nhật đầy đủ vào hệ thống.
3	Lưu trữ và quản lý dữ liệu	Hệ thống tự động ghi nhận và lưu trữ toàn bộ dữ liệu đã nhập vào cơ sở dữ liệu tập trung; đảm bảo tính toàn vẹn, đồng bộ và bảo mật.	Hệ thống phần mềm	Dữ liệu được lưu trữ tập trung trong CSDL dùng chung, sẵn sàng cho tra cứu và phân tích.
4	Tra cứu thông tin	Người sử dụng lựa chọn tiêu chí (tên doanh nghiệp, loại giấy phép, số chứng nhận, mã dự án, thời hạn hiệu lực...) để thực hiện tìm kiếm dữ liệu.	Người sử dụng hệ thống (lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ, doanh nghiệp, nhà đầu tư)	Hệ thống xử lý yêu cầu và lọc dữ liệu phù hợp với tiêu chí tra cứu.

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
5	Hiển thị kết quả tra cứu	Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm trên giao diện người dùng; cho phép xem chi tiết, xuất báo cáo hoặc in hồ sơ điện tử.	Hệ thống phần mềm	Kết quả tra cứu hiển thị đầy đủ, chính xác; có thể trích xuất báo cáo, thống kê theo nhu cầu.

c. Quy trình quản lý lao động

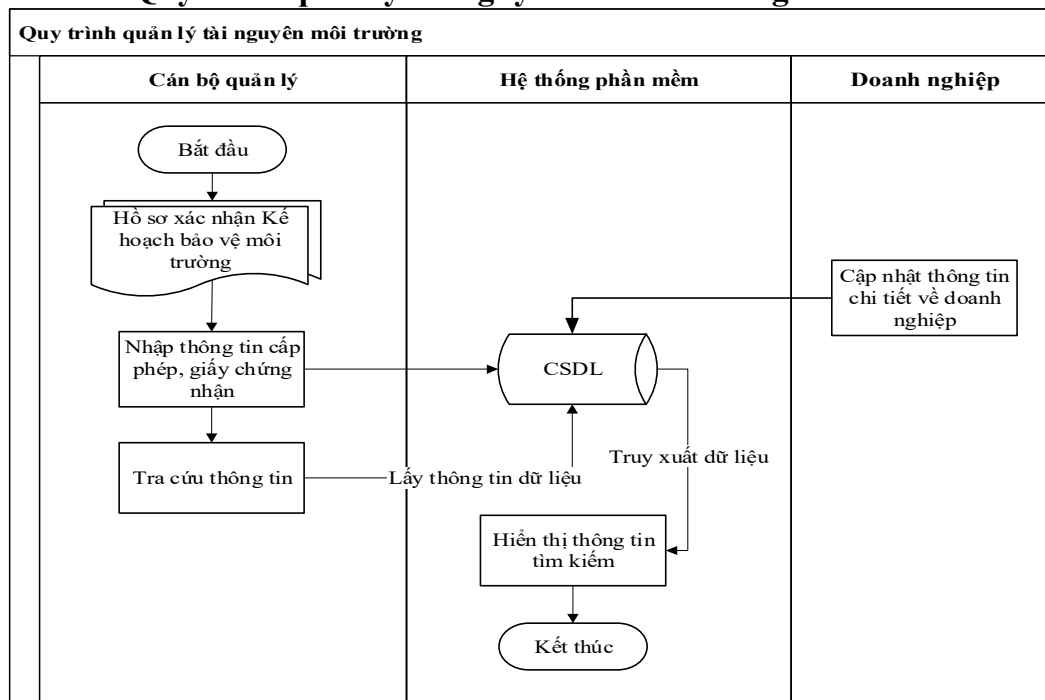


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Nhập thông tin lao động	Cán bộ quản lý nhập thông tin về lao động (số lượng, giới tính, quốc tịch, vị trí việc làm, hợp đồng, bảo hiểm, v.v.) theo biểu mẫu nhập liệu của phần mềm.	Cán bộ quản lý (Sở Công Thương, BQL KCN/KKT)	Hồ sơ dữ liệu lao động được khởi tạo và lưu tạm trong hệ thống.
2	Cập nhật thông tin doanh nghiệp liên	Doanh nghiệp đăng nhập hệ thống để cập nhật thông tin chi tiết về lao động của đơn vị: biến động lao động, người lao động nước ngoài, danh	Doanh nghiệp/nhà đầu tư	Dữ liệu lao động của từng doanh nghiệp được bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện.

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
	quan đến lao động	sách nhân sự, chức danh công việc, mức lương, v.v.		
3	Lưu trữ và quản lý dữ liệu	Hệ thống tự động ghi nhận và lưu trữ toàn bộ thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu tập trung, bảo đảm tính toàn vẹn, nhất quán và an toàn.	Hệ thống phần mềm	Thông tin lao động được lưu trữ tập trung trong CSDL dùng chung, sẵn sàng cho khai thác, thống kê.
4	Tra cứu thông tin lao động	Người sử dụng lựa chọn tiêu chí tìm kiếm (tên doanh nghiệp, loại hình lao động, quốc tịch, giới tính, vị trí việc làm...) để tra cứu dữ liệu.	Người sử dụng (lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ, nhà đầu tư)	Hệ thống truy xuất dữ liệu theo tiêu chí và lọc kết quả phù hợp.
5	Hiển thị và xuất kết quả tra cứu	Hệ thống hiển thị thông tin kết quả tra cứu trên giao diện, cho phép xem chi tiết, xuất báo cáo thống kê hoặc tải về hồ sơ điện tử.	Hệ thống phần mềm	Kết quả tra cứu đầy đủ, chính xác; hỗ trợ in, thống kê, phân tích dữ liệu lao động.

d. Quy trình quản lý tài nguyên và môi trường

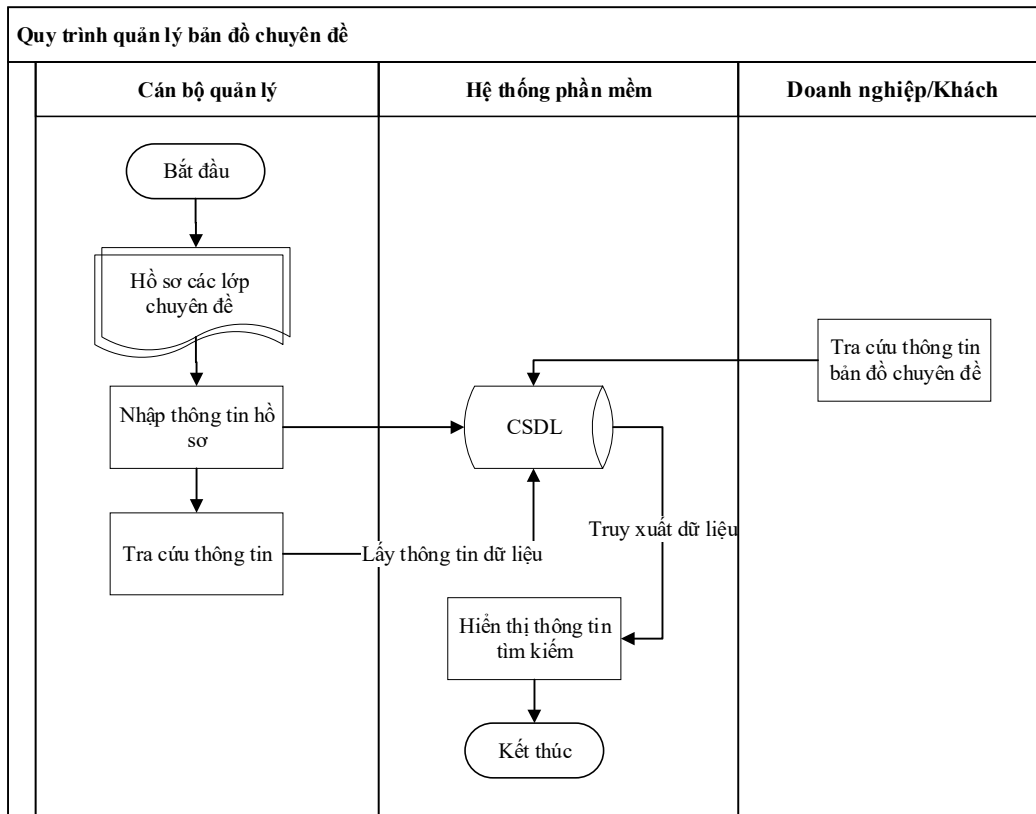


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Nhập thông tin hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường	Cán bộ quản lý nhập thông tin hồ sơ xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (tên cơ sở, loại hình sản xuất, quy mô, nội dung xác nhận, thời hạn, yêu cầu BVMT)	Cán bộ quản lý (Sở Công Thương, BQL KCN/KKT)	Hồ sơ kế hoạch BVMT được khởi tạo và lưu tạm trong hệ thống.

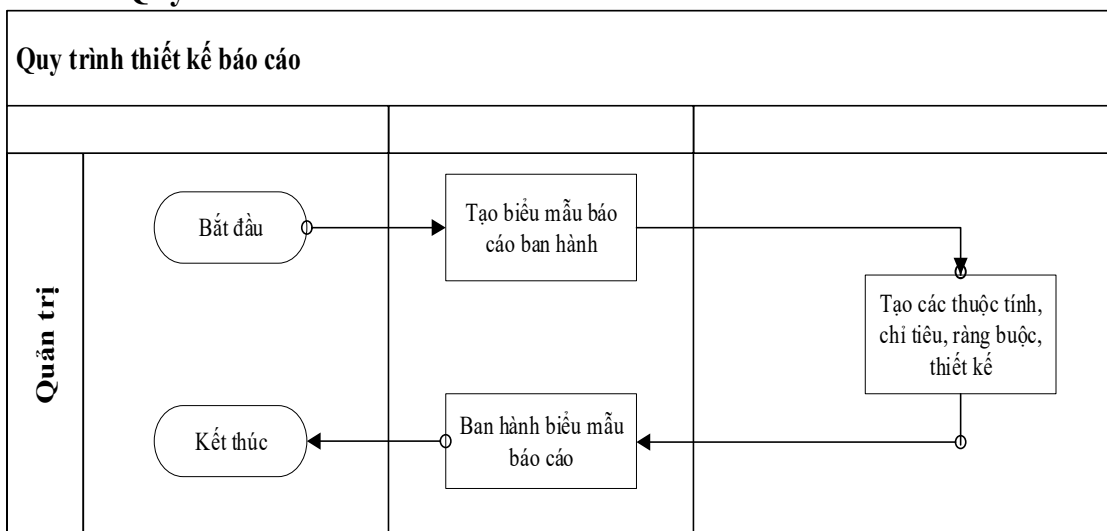
STT	Tên bước	Nội dung	Tác nhân	Kết quả đầu ra
		kèm theo...) theo biểu mẫu nhập liệu của phần mềm.		
2	Cập nhật thông tin doanh nghiệp liên quan đến môi trường	Doanh nghiệp đăng nhập hệ thống để cập nhật thông tin chi tiết về cơ sở, hoạt động sản xuất, các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, giấy phép môi trường liên quan.	Doanh nghiệp/nhà đầu tư	Dữ liệu môi trường của doanh nghiệp được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ với hồ sơ xác nhận BVMT.
3	Lưu trữ và quản lý dữ liệu	Hệ thống tự động ghi nhận và lưu trữ toàn bộ thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu tập trung, đảm bảo an toàn và khả năng truy xuất khi cần thiết.	Hệ thống phần mềm	Thông tin về kế hoạch BVMT được lưu trữ tập trung, sẵn sàng khai thác và thống kê.
4	Tra cứu thông tin hồ sơ môi trường	Người sử dụng lựa chọn tiêu chí tra cứu (tên doanh nghiệp, loại hình sản xuất, thời hạn giấy phép, ngày xác nhận...) để truy xuất dữ liệu.	Người sử dụng (lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ, nhà đầu tư)	Hệ thống truy xuất dữ liệu theo tiêu chí tìm kiếm và lọc kết quả phù hợp.
5	Hiện thị và xuất kết quả tra cứu	Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu trên giao diện, cho phép xem chi tiết, tải xuống hồ sơ điện tử hoặc xuất báo cáo tổng hợp.	Hệ thống phần mềm	Kết quả tra cứu đầy đủ, chính xác; hỗ trợ in ấn, báo cáo và phân tích dữ liệu môi trường.

e. Quy trình quản lý bản đồ chuyên đề



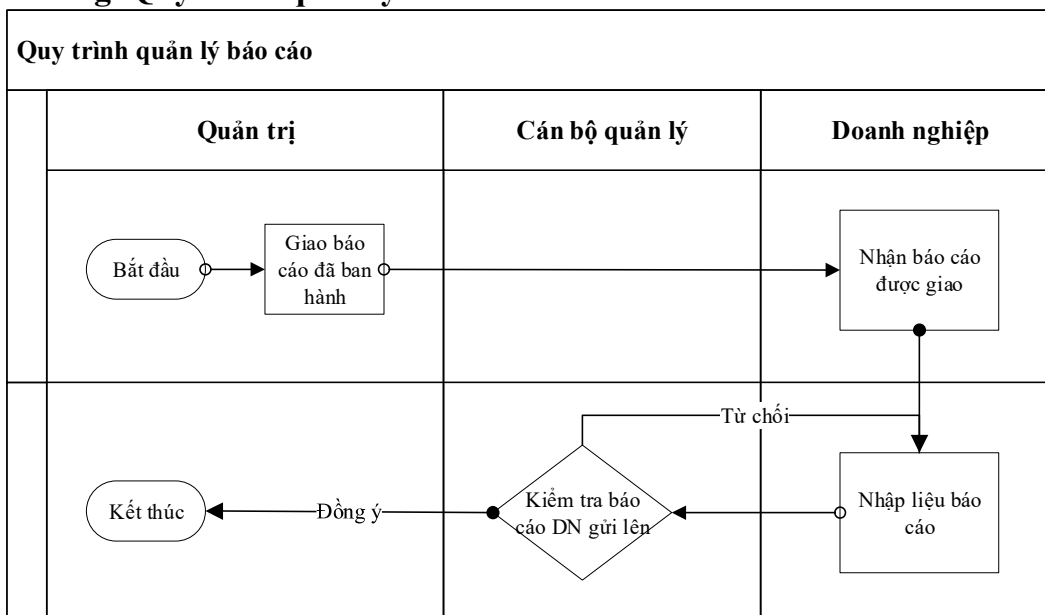
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Nhập thông tin hồ sơ lớp chuyên đề	Cán bộ quản lý nhập thông tin chi tiết về hồ sơ các lớp chuyên đề (tên lớp, thời gian, địa điểm, nội dung, giảng viên, danh sách học viên...) theo biểu mẫu quy định trong phần mềm.	Cán bộ quản lý	Hồ sơ lớp chuyên đề được tạo mới và ghi nhận trên hệ thống.
2	Lưu trữ dữ liệu	Thông tin được hệ thống tự động lưu trữ vào cơ sở dữ liệu tập trung, đảm bảo an toàn, bảo mật và sẵn sàng phục vụ tra cứu, tổng hợp.	Hệ thống phần mềm	Dữ liệu lớp chuyên đề được lưu trữ tập trung trong CSDL.
3	Tra cứu thông tin nội bộ	Cán bộ quản lý sử dụng chức năng tra cứu trong phần mềm để tìm kiếm thông tin lớp chuyên đề theo các tiêu chí như tên lớp, thời gian tổ chức, giảng viên, hoặc đối tượng tham dự.	Cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ	Kết quả tra cứu hiển thị theo tiêu chí lựa chọn, phục vụ công tác quản lý, tổng hợp.
4	Tra cứu thông tin bên ngoài	Doanh nghiệp hoặc khách quan tâm có thể truy cập và tra cứu thông tin công khai về các lớp chuyên đề qua giao diện web, không cần đăng nhập hệ thống nội bộ.	Doanh nghiệp, khách bên ngoài	Doanh nghiệp/khách dễ dàng tiếp cận và theo dõi thông tin công khai.
5	Hiển thị kết quả tra cứu	Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu chi tiết và cho phép người dùng xem, tải về hoặc in báo cáo theo định dạng mong muốn.	Hệ thống phần mềm	Kết quả tra cứu chính xác, đầy đủ, hỗ trợ tra cứu và báo cáo nhanh chóng.

f. Quy trình thiết kế báo cáo**Mô tả quy trình:**

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Xác định yêu cầu và khởi tạo báo cáo	Sau khi tổng hợp đầy đủ thông tin, dữ liệu và yêu cầu báo cáo từ các phòng, ban chuyên môn, Quản trị hệ thống tiến hành khởi tạo biểu mẫu báo cáo mới trên phần mềm.	Quản trị hệ thống	Yêu cầu tạo báo cáo được khởi tạo trên hệ thống.
2	Thiết kế và cấu hình báo cáo	Quản trị hệ thống cấu hình các thuộc tính, chỉ tiêu, tham số, ràng buộc và bố cục hiển thị của báo cáo theo yêu cầu nghiệp vụ; định nghĩa nguồn dữ liệu đầu vào.	Quản trị hệ thống	Biểu mẫu báo cáo được thiết kế và cấu hình hoàn chỉnh.
3	Ban hành và công bố biểu mẫu báo cáo	Sau khi hoàn tất thiết kế và kiểm tra, Quản trị hệ thống thực hiện ban hành biểu mẫu báo cáo, cho phép các người dùng có thẩm quyền truy cập và sử dụng.	Quản trị hệ thống	Biểu mẫu báo cáo được ban hành, sẵn sàng sử dụng trên hệ thống.

g. Quy trình quản lý báo cáo

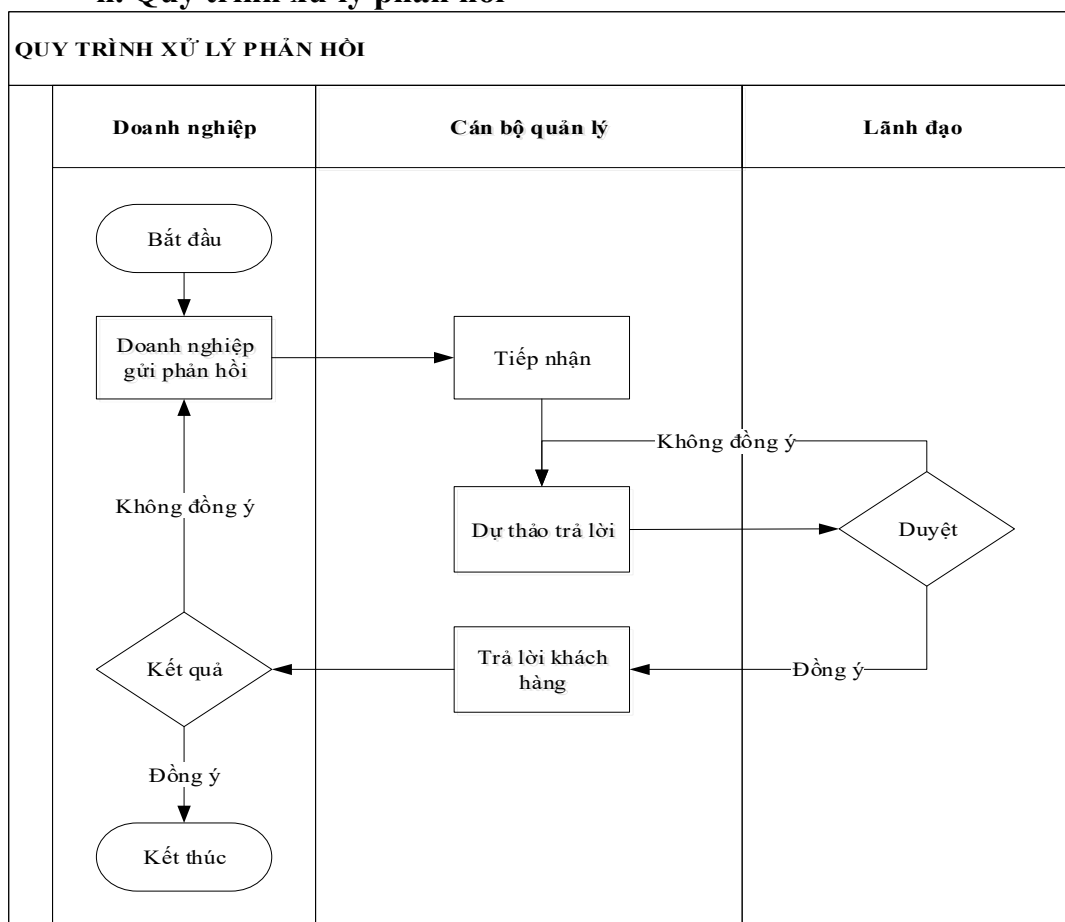


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Giao báo cáo cho doanh nghiệp	Sau khi biểu mẫu báo cáo được ban hành, Quản trị hệ thống (hoặc Cán bộ quản lý Ban) thực hiện giao báo cáo cho các doanh nghiệp theo phạm vi quản lý và kỳ báo cáo.	Quản trị hệ thống / Cán bộ quản lý	Báo cáo được giao cho các doanh nghiệp trên hệ thống.
2	Doanh nghiệp nhập và gửi báo cáo	Doanh nghiệp đăng nhập hệ thống, tiếp nhận báo cáo đã được giao, thực hiện nhập dữ liệu theo biểu mẫu; sau khi hoàn thiện, doanh nghiệp gửi báo cáo đã nhập lên Ban quản lý.	Doanh nghiệp	Báo cáo được gửi lên hệ thống chờ kiểm tra, phê duyệt.

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
3	Kiểm tra và phê duyệt báo cáo	Cán bộ quản lý – Ban tiếp nhận báo cáo do doanh nghiệp gửi lên, thực hiện kiểm tra nội dung, đối chiếu số liệu và thông tin. Nếu đạt yêu cầu thì phê duyệt, kết thúc quy trình; nếu không đạt thì từ chối và chuyển lại cho doanh nghiệp để chỉnh sửa, nhập lại.	Cán bộ quản lý – Ban	Báo cáo được phê duyệt (hoặc trả lại để chỉnh sửa).

h. Quy trình xử lý phản hồi

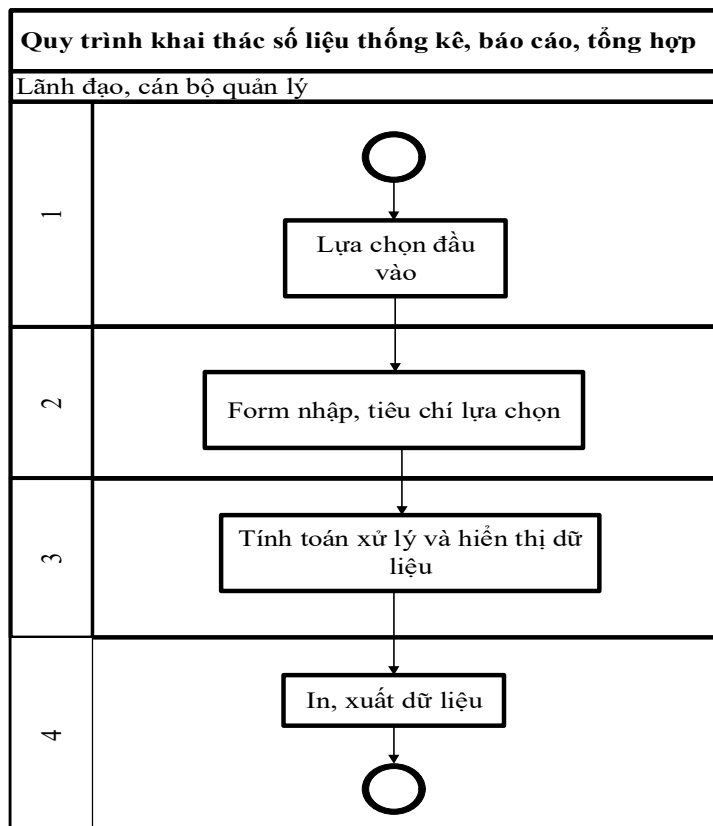


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Gửi phản hồi	Doanh nghiệp thực hiện gửi phản hồi, kiến nghị hoặc góp ý đến Ban thông qua phần mềm.	Doanh nghiệp	Phản hồi được gửi lên hệ thống, chờ xử lý.
2	Tiếp nhận và dự thảo trả lời	Cán bộ quản lý tiếp nhận phản hồi của Doanh nghiệp, kiểm tra thông tin, soạn dự thảo nội dung	Cán bộ quản lý	Dự thảo nội dung trả lời được trình lãnh đạo Ban phê duyệt.

STT	Tên bước	Nội dung thực hiện	Tác nhân	Kết quả đầu ra
		trả lời và trình lãnh đạo Ban xem xét, phê duyệt.		
3	Phê duyệt nội dung trả lời	Lãnh đạo Ban xem xét dự thảo nội dung trả lời: • Nếu đồng ý: chuyển lại cho Cán bộ quản lý để gửi phản hồi chính thức cho Doanh nghiệp. • Nếu không đồng ý: ghi ý kiến chỉ đạo, trả lại cho Cán bộ quản lý chỉnh sửa và trình lại.	Lãnh đạo Ban	Nội dung trả lời được phê duyệt (hoặc trả lại để chỉnh sửa).
4	Gửi và tiếp nhận kết quả trả lời	Cán bộ quản lý gửi nội dung trả lời đã được duyệt cho Doanh nghiệp. Doanh nghiệp tiếp nhận và xem nội dung trả lời. • Nếu đồng ý: quy trình kết thúc. • Nếu không đồng ý: Doanh nghiệp phản hồi lại, quy trình quay lại Bước 2.	Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp	Doanh nghiệp nhận được kết quả trả lời (hoặc phản hồi lại nếu chưa đồng ý).

i. Quy trình khai thác số liệu thống kê, báo cáo, tổng hợp



Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Mô tả quy trình	Tác nhân	Kết quả đầu ra
1	Lựa chọn đầu vào	- Lãnh đạo hoặc cán bộ quản lý đăng nhập vào hệ thống.- Lựa chọn loại dữ liệu, số liệu cần thống kê, báo cáo hoặc tổng hợp.- Xác định các tiêu chí, chỉ tiêu cần sử dụng trong báo cáo.	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý	Bộ tiêu chí và phạm vi dữ liệu đầu vào được lựa chọn để làm báo cáo.
2	Form nhập tiêu chí, lựa chọn	Hệ thống hiển thị form nhập và các tiêu chí lựa chọn tương ứng với yêu cầu người dùng đã chọn ở bước trước, cho phép điều chỉnh hoặc bổ sung.	Hệ thống phần mềm	Dữ liệu đầu vào và tiêu chí thống kê được xác nhận và hoàn thiện.
3	Tính toán, xử lý và hiển thị số liệu	- Hệ thống thực hiện phân tích, xử lý, tổng hợp và trích rút số liệu theo tiêu chí người dùng lựa chọn.- Kết quả được hiển thị ở nhiều định dạng: bảng dữ liệu, biểu đồ, bản in, v.v...- Nếu dữ liệu đạt yêu cầu → chuyển sang bước tiếp theo; nếu không → kết thúc quy trình.	Hệ thống phần mềm	Số liệu thống kê/tổng hợp được hiển thị trên giao diện hệ thống.
4	In hoặc xuất số liệu	Người dùng lựa chọn xuất dữ liệu hoặc in báo cáo theo các định dạng khác nhau (PDF, Excel, Word, v.v...) để phục vụ công tác lưu trữ, báo cáo hoặc chia sẻ.	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo	File báo cáo/tổng hợp được in hoặc xuất ra theo định dạng mong muốn.

2.4.4.2 Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ giữa chúng

TT	Tên tác nhân	Mô tả vai trò	Phân loại
1	Lãnh đạo	Thực hiện theo dõi báo cáo, thống kê; duyệt nội dung trả lời phản hồi của doanh nghiệp; khai thác dữ liệu được cập nhật trong hệ thống	Phức tạp
2	Cán bộ quản lý	Thực hiện quản lý báo cáo định kỳ của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế; xử lý phản hồi của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế	Phức tạp
3	Doanh nghiệp	Thực hiện cập nhật các báo cáo định kỳ được giao, thông tin liên quan tới doanh nghiệp, phản hồi các thông tin tới Sở Công thương; Các đơn vị liên quan	Phức tạp
4	Người dân	Thực hiện khai thác thông tin công khai từ Cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	Phức tạp
5	Quản trị hệ thống	Thực hiện các công việc cấu hình, phân quyền, quản lý người dùng, quản lý chỉ tiêu, quản lý báo cáo... của hệ thống phần mềm	Phức tạp
6	Các hệ thống khác	Là các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu trong và ngoài Sở thực hiện tích hợp và chia sẻ dữ liệu	Đơn giản

TT	Tên tác nhân	Mô tả vai trò	Phân loại
		với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế	

2.4.4.3 Danh sách yêu cầu của người sử dụng

a. Yêu cầu đối với Ứng dụng web

TT	Yêu cầu của người dùng
A	Cổng thông tin điện tử phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân
1	Khai thác thông tin tuyển dụng
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách lọc tuyển dụng theo tiêu chí. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
2	Khai thác thông tin phản ánh
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách lọc phản ánh theo tiêu chí. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
3	Gửi phản ánh
	Doanh nghiệp, Khách tạo phản ánh. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xác thực thông tin. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách gửi phản ánh. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem phản ánh đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
4	Khai thác Thông báo, tin tức
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách lọc thông báo, tin tức theo tiêu chí thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

5	Khai thác thông tin các Khu công nghiệp
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các Khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
6	Khai thác thông tin các Cụm công nghiệp
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
7	Khai thác thông tin các khu chức năng Khu kinh tế
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết khu chức năng Khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu chức năng Khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
8	Khai thác thông tin khác
	Doanh nghiệp, Khách xem thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem thư viện ảnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem thư viện video. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem tin tức hoạt động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách xem văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Khai thác bản đồ GIS các cụm công nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh
9	Xem danh sách khu công nghiệp trên bản đồ
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
10	Xem danh sách dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
11	Xem danh sách cụm công nghiệp trên bản đồ
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
12	Xem danh sách dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
13	Xem danh sách khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ
	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
14	Xem danh sách dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ

	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
B	QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, LAO ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH.
I	CHỨC NĂNG DÀNH CHO DOANH NGHIỆP
15	Dashboard doanh nghiệp
	Doanh nghiệp xem tổng kê của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
16	Xem thông báo
	Doanh nghiệp xem danh sách thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
17	Thông tin tài nguyên
	Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
18	Thông tin môi trường
	Doanh nghiệp xem thông tin môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
19	Thông tin chứng nhận PCCC
	Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
20	Danh sách người lao động nước ngoài
	Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
21	Đào tạo tập huấn
	Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp thêm mới thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
22	Đăng ký nội quy
	Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp thêm mới thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
23	Nhu cầu tuyển dụng
	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
24	Nhu cầu làm thêm giờ
	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
25	Quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
	Doanh nghiệp xem danh sách tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp thêm mới thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
26	Gửi phản hồi

	Doanh nghiệp thêm mới phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Doanh nghiệp đính kèm phản hồi. Hệ thống đính kèm phản hồi, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp gửi phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
27	Danh sách phản hồi của doanh nghiệp
	Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
II	CHỨC NĂNG DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
II.1	Dashboard phục vụ điều hành
28	Tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
29	Tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
30	Tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
31	Tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
32	Tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
33	Tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
34	Tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
II.2	Quản lý thông tin doanh nghiệp
35	Quản lý các doanh nghiệp trong các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem danh sách các doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
36	Quản lý các giấy phép cấp cho doanh nghiệp
	Cán bộ quản lý xem danh sách các giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép cấp cho Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
II.3	Quản lý lao động
37	Quản lý tuyển dụng lao động của doanh nghiệp
	Cán bộ quản lý xem danh sách tuyển dụng của Doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
38	Quản lý danh sách người lao động nước ngoài
	Cán bộ quản lý xem danh sách người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý lọc danh sách người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý xóa thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xem QR code người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xem lịch sử dữ liệu người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
39	Quản lý danh sách vị trí sử dụng
	Cán bộ quản lý xem danh sách vị trí sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
40	Quản lý đào tạo, tập huấn lao động
	Cán bộ quản lý xem danh sách đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
41	Quản lý đăng ký giờ làm thêm
	Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
42	Quản lý đăng ký nội quy
	Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký nội quy. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
43	Quản lý thỏa ước lao động

	Cán bộ quản lý xem danh sách thỏa ước lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
44	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
45	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ
	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
46	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc
	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
47	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp
	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình

II.4	Quản lý dự án đầu tư
48	Quản lý dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
49	Quản lý dự án đầu tư thứ cấp trong các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư thứ cấp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư thứ cấp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư thứ cấp khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án đầu tư thứ cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
C	QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, TÍCH HỢP DỮ LIỆU VÀO BẢN ĐỒ GIS
I	Quản lý tài nguyên và môi trường
50	Quản lý đánh giá các báo cáo quan trắc môi trường của DN
	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý đánh giá các báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
51	Quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường
	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
52	Quản lý hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem danh sách hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
53	Quản lý thông tin về Môi trường
	Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin về Môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin về Môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin về Môi trường. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
54	Quản lý thông tin về Tài nguyên
	Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Tài nguyên. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin về Tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin về Tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin về Tài nguyên. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
II	Quản lý hạ tầng kỹ thuật

55	Quản lý cấp giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng
	Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
56	Quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật
	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý cấp chứng Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
57	Quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
58	Quản lý giấy phép xây dựng
	Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý lọc giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
59	Quản lý hạng mục công trình trong giấy phép
	Cán bộ quản lý xem danh sách hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
60	Quản lý cấp lại giấy phép xây dựng
	Cán bộ quản lý xem danh sách cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
61	Quản lý điều chỉnh giấy phép xây dựng
	Cán bộ quản lý xem danh sách điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
62	Quản lý gia hạn giấy phép xây dựng
	Cán bộ quản lý xem danh sách gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
63	Quản lý miễn cấp phép
	Cán bộ quản lý xem danh sách miễn cấp phép. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin miễn cấp phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý sửa thông tin miễn cấp phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin miễn cấp phép. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
64	Thông kê báo cáo giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
65	Thông kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
III	Quản lý bản đồ
66	Quản lý thông tin bản đồ
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
67	Cấu hình lớp bản đồ
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ để cấu hình. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ cần cấu hình. Hệ thống hiển thị danh sách đề lựa chọn
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý cấu hình các lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý lưu lại kết quả. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
68	Bật/tắt lớp bản đồ

	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ muốn thực hiện bật/tắt. Hệ thống hiển thị danh sách để lựa chọn
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý bật/tắt lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chồng xếp lớp bản đồ theo tùy chọn sắp xếp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
69	Quản lý chủ đề dữ liệu
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách chủ đề dữ liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
70	Quản lý bản đồ chuyên đề
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ chuyên đề. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
71	Nhập/Xuất dữ liệu cho lớp dữ liệu
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp được chọn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp mới. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem nhật ký nhập dữ liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất toàn bộ dữ liệu thuộc lớp. Hệ thống xuất dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất dữ liệu theo điều kiện lọc. Hệ thống xuất dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
72	Quản trị nội dung bản đồ
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem thông tin chi tiết nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý phân quyền truy cập vào nhóm lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị thông báo phân quyền thành công lên màn hình

	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sắp xếp trật tự xuất hiện nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
D	HỆ THỐNG BÁO CÁO, THỐNG KÊ, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU, HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH.
I	Quản lý danh mục báo cáo
73	Quản lý danh mục kỳ báo cáo
	Quản trị hệ thống xem danh sách kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
74	Quản lý danh mục chế độ báo cáo
	Quản trị hệ thống xem danh sách chế độ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
75	Quản lý biểu mẫu báo cáo
	Quản trị hệ thống xem danh sách biểu mẫu báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới biểu mẫu báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin biểu mẫu báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa biểu mẫu báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
II	Gửi báo cáo
76	Nhắc việc báo cáo
	Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo cần nhập. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo sắp đến hạn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
77	Quản lý danh sách báo cáo cần nhập của đơn vị
	Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo năm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp tạo lập báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp gửi duyệt báo cáo. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
78	Quản lý danh sách báo cáo chưa gửi
	Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa báo cáo chưa gửi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa báo cáo chưa gửi. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xuất danh sách báo cáo chưa gửi. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp gửi báo cáo chưa gửi. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
III	Nhận báo cáo
79	Nhắc việc nhận báo cáo
	Cán bộ quản lý xem nhắc việc báo cáo cần duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
80	Quản lý danh sách báo cáo nhận
	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
81	Quản lý danh sách báo cáo nhận chưa duyệt
	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý duyệt báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý yêu cầu báo cáo lại báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận đã duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
IV	Báo cáo thống kê
82	Báo cáo thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
83	Báo cáo thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
84	Báo cáo thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN và KKT
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
85	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
86	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
87	Báo cáo thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống xuất danh sách và hiển thị kết quả lên màn hình
88	Báo cáo thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống xuất danh sách và hiển thị kết quả lên màn hình
89	Báo cáo thống kê tình hình đào tạo lao động
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
90	Báo cáo thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình
V	Tiện ích
91	Quản lý thông báo cho doanh nghiệp
	Cán bộ quản lý xem danh sách thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
92	Tích hợp gửi thông báo qua email
	Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua email. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua email. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua email. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
93	Tích hợp gửi thông báo qua zalo
	Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua zalo. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua zalo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua zalo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
94	Tìm kiếm thông tin doanh nghiệp nâng cao
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo vị trí địa lý. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo quy mô đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo số lượng lao động. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
95	Gửi văn bản cho doanh nghiệp
	Cán bộ quản lý xem danh sách văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý xóa văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
96	Quản trị chuyên mục tin
	Cán bộ quản lý xem danh sách chuyên mục tin. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới chuyên mục tin. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin chuyên mục tin. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa chuyên mục tin. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
97	Quản lý tin tức
	Cán bộ quản lý xem danh sách tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới tin tức. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin tin tức. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa tin tức. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
98	Quản lý thư viện ảnh
	Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện ảnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thư viện ảnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện ảnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thư viện ảnh. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
99	Quản lý thư viện Video
	Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện video. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thư viện video. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện video. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thư viện video. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
VI	Quản trị hệ thống
100	Quản trị nhóm người dùng
	Quản trị hệ thống tạo mới nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin nhóm người dùng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình

	Quản trị hệ thống xem thông tin nhóm người dùng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
101	Quản trị người dùng
	Quản trị hệ thống tạo mới tài khoản cho người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin tài khoản người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin tài khoản người dùng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm người dùng vào nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
102	Quản trị tài liệu hướng dẫn
	Quản trị hệ thống xem danh sách tài liệu hướng dẫn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới tài liệu hướng dẫn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin tài liệu hướng dẫn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin tài liệu hướng dẫn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
103	Đổi mật khẩu
	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu của mình. Hệ thống kiểm tra dữ liệu do người dùng nhập vào, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông báo lưu dữ liệu thành công, cập nhật lại mật khẩu hoặc hiển thị màn hình thông báo thông tin không hợp lệ
	Quản trị hệ thống có quyền cấp lại mật khẩu cho người sử dụng trong trường hợp người sử dụng yêu cầu cấp lại mật khẩu. Hệ thống hiển thị form cấp lại mật khẩu, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông báo đã gửi yêu cầu cấp lại mật khẩu
104	Đăng nhập và quản lý thông tin tài khoản
	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu đã đăng ký. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập và thiết lập phiên làm việc nếu thông tin đăng nhập hợp lệ
	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống xem thông tin cá nhân sau khi đăng nhập hệ thống. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống sửa thông tin cá nhân. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
105	Nhật ký hệ thống
	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký của toàn bộ hệ thống phần mềm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký đăng nhập của người sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký sử dụng chức năng phần mềm của người sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa nhật ký. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình

VII	Quản trị danh mục
106	Quản trị danh mục chức vụ
	Quản trị hệ thống xem thông tin danh mục chức vụ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục chức vụ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục chức vụ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa danh mục chức vụ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
107	Quản trị danh mục học vấn
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục học vấn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục học vấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục học vấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa danh mục học vấn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
108	Quản trị danh mục dân tộc
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục dân tộc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục dân tộc. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục dân tộc. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa danh mục dân tộc. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
109	Quản trị danh mục quốc tịch
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục quốc tịch. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục quốc tịch. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa danh mục quốc tịch. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
110	Quản lý danh mục loại CCN, KCN
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình

	Quản trị hệ thống xóa danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
111	Quản lý danh mục loại doanh nghiệp
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới loại doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin loại doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin loại doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
112	Quản lý danh mục tình trạng hoạt động
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
113	Quản lý danh mục địa bàn hành chính
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
114	Quản lý danh sách các CCN, KCN, KKT
	Quản trị hệ thống xem danh sách các CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm mới CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
VIII	Tích hợp các hệ thống khác
115	Chia sẻ dữ liệu danh sách CCN, KCN và KKT
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình

	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
116	Chia sẻ dữ liệu danh sách doanh nghiệp
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách doanh nghiệp lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
117	Chia sẻ dữ liệu tình hình sử dụng lao động Việt Nam
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
118	Chia sẻ dữ liệu tình hình sử dụng lao động nước ngoài
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
119	Chia sẻ dữ liệu tình hình thực hiện dự án đầu tư
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình

	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
120	Chia sẻ dữ liệu về quy hoạch xây dựng
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
121	Chia sẻ dữ liệu về môi trường
	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công
E	QUẢN LÝ HỒ SƠ PHÁP LÝ, QUY HOẠCH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ
122	Quản lý bản đồ Quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
123	Quản lý bản đồ Quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT
	Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
124	Quản lý thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
125	Quản lý kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng
	Cán bộ quản lý xem thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
126	Quản lý thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
127	Quản lý Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
	Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
128	Quản lý Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng
	Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
129	Quản lý thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
130	Quản lý danh mục loại tài liệu
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại tài liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
131	Quản lý danh mục loại hồ sơ
	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại hồ sơ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
132	Quản lý hồ sơ pháp lý
	Quản trị hệ thống xem danh sách hồ sơ pháp lý. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
133	Khai thác tài liệu trong kho

	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tìm kiếm, xem thông tin tài liệu trong kho nếu được phân quyền xem. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình theo điều kiện tìm kiếm
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tải tài liệu về máy cá nhân với những tài liệu cho phép tải. Hệ thống truy vấn CSDL và tải tài liệu về máy cá nhân
134	Quản lý văn bản quy phạm pháp luật
	Quản trị hệ thống xem danh sách văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống thêm thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống sửa thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Quản trị hệ thống xóa thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

b. Yêu cầu đối với ứng dụng mobile

TT	Yêu cầu của người dùng
I	CẬP NHẬT CÁ NHÂN TRÊN ỨNG DỤNG NỀN TẢNG DI ĐỘNG
135	Đăng nhập, đăng xuất trên ứng dụng nền tảng di động
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống điền các thông tin về tài khoản và mật khẩu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ và đưa ra thông báo
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập và thiết lập phiên làm việc nếu thông tin đăng nhập hợp lệ
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống lưu mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống lưu vào CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng xuất khỏi hệ thống phần mềm trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống đăng xuất khỏi phiên làm việc
136	Đổi mật khẩu trên ứng dụng nền tảng di động
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu cũ trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu mới, nhập lại mật khẩu mới trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra dữ liệu do người dùng nhập vào, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông báo lưu dữ liệu thành công, cập nhật lại mật khẩu hoặc hiển thị màn hình thông báo thông tin không hợp lệ
II	CẬP NHẬT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP TRÊN ỨNG DỤNG NỀN TẢNG DI ĐỘNG
137	Dashboard doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem thống kê của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
138	Xem thông báo trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem danh sách thông báo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
139	Thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
140	Thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
141	Thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
142	Danh sách người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
143	Đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp tìm kiếm đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp xem chi tiết đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
144	Đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp tìm kiếm đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp xem chi tiết đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
145	Nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp tìm kiếm nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp xem chi tiết nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
III	PHẢN HỒI DOANH NGHIỆP TRÊN ỨNG DỤNG NỀN TẢNG DI ĐỘNG
III.1	Gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
146	Gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp thêm mới phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo
	Doanh nghiệp đính kèm phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống đính kèm phản hồi, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
147	Danh sách phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm
	Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình
IV	GỬI NHẬN BÁO CÁO TRÊN ỨNG DỤNG NỀN TẢNG DI ĐỘNG
IV.1	Gửi báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
148	Nhắc việc báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo đến hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
149	Quản lý danh sách báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
	Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
IV.2	Nhận báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
150	Nhắc việc nhận báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
151	Quản lý danh sách báo cáo nhận trên ứng dụng nền tảng di động
	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc
	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình

c. Yêu cầu về các chức năng của phần mềm:

TT	Mô tả yêu cầu
PHẦN I	ỨNG DỤNG TRÊN NỀN TẢNG WEB
1	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách tuyển dụng
2	Doanh nghiệp, Khách lọc tuyển dụng theo tiêu chí
3	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang tuyển dụng
4	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết tuyển dụng
5	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách phản ánh
6	Doanh nghiệp, Khách lọc phản ánh theo tiêu chí
7	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang phản ánh
8	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết phản ánh
9	Doanh nghiệp, Khách tạo phản ánh
10	Doanh nghiệp, Khách xác thực thông tin
11	Doanh nghiệp, Khách gửi phản ánh
12	Doanh nghiệp, Khách xem phản ánh đã gửi
13	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách thông báo, tin tức
14	Doanh nghiệp, Khách lọc thông báo, tin tức theo tiêu chí thông báo, tin tức
15	Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang thông báo, tin tức
16	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết thông báo, tin tức
17	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu công nghiệp
18	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu công nghiệp
19	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các Khu công nghiệp
20	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu công nghiệp
21	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các cụm công nghiệp

TT	Mô tả yêu cầu
22	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm cụm công nghiệp
23	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các cụm công nghiệp
24	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong cụm công nghiệp
25	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu chức năng khu kinh tế
26	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu chức năng khu kinh tế
27	Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết khu chức năng Khu kinh tế
28	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu chức năng Khu kinh tế
29	Doanh nghiệp, Khách xem thông báo
30	Doanh nghiệp, Khách xem thư viện ảnh
31	Doanh nghiệp, Khách xem thư viện video
32	Doanh nghiệp, Khách xem tin tức hoạt động
33	Doanh nghiệp, Khách xem văn bản quy phạm pháp luật
34	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu công nghiệp trên bản đồ
35	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu công nghiệp
36	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu công nghiệp
37	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu công nghiệp trên bản đồ
38	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ
39	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp
40	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp
41	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ
42	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách cụm công nghiệp trên bản đồ
43	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ cụm công nghiệp
44	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ cụm công nghiệp
45	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết cụm công nghiệp trên bản đồ
46	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ
47	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp
48	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp
49	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ
50	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ
51	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế
52	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế
53	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ
54	Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ
55	Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế
56	Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế
57	Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ
58	Doanh nghiệp xem thống kê của doanh nghiệp
59	Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp
60	Doanh nghiệp xem danh sách thông báo

TT	Mô tả yêu cầu
61	Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo
62	Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên
63	Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên
64	Doanh nghiệp xem thông tin môi trường
65	Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường
66	Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC
67	Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC
68	Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài
69	Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài
70	Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn
71	Doanh nghiệp thêm mới thông tin đào tạo tập huấn
72	Doanh nghiệp sửa thông tin đào tạo tập huấn
73	Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn
74	Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy
75	Doanh nghiệp thêm mới thông tin đăng ký nội quy
76	Doanh nghiệp sửa thông tin đăng ký nội quy
77	Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy
78	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng
79	Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu tuyển dụng
80	Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu tuyển dụng
81	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng
82	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu làm thêm giờ
83	Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu làm thêm giờ
84	Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu làm thêm giờ
85	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu làm thêm giờ
94	Doanh nghiệp xem danh sách tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
95	Doanh nghiệp thêm mới thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
96	Doanh nghiệp sửa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
97	Doanh nghiệp xóa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
98	Doanh nghiệp thêm mới phản hồi
99	Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi
100	Doanh nghiệp đính kèm phản hồi
101	Doanh nghiệp gửi phản hồi
102	Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi
103	Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi
104	Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi
105	Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi
106	Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi
107	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án
108	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án
109	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo loại dự án
110	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo loại dự án
111	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề
112	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề
113	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo ngành nghề

TT	Mô tả yêu cầu
114	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo ngành nghề
115	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ
116	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ
117	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ
118	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ
119	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT
120	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT
121	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT
122	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT
123	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí
124	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí
125	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo vị trí
126	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo vị trí
127	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch
128	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch
129	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo quốc tịch
130	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo quốc tịch
131	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT
132	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT
133	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT
134	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT
135	Cán bộ quản lý xem danh sách các doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT
136	Cán bộ quản lý thêm mới doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT
137	Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT
138	Cán bộ quản lý xóa thông tin Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT

TT	Mô tả yêu cầu
139	Cán bộ quản lý xem danh sách các giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT
140	Cán bộ quản lý thêm mới giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT
141	Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT
142	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép cấp cho Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT
143	Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về PCCC ở doanh nghiệp
144	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin về PCCC ở doanh nghiệp
145	Cán bộ quản lý sửa thông tin về PCCC ở doanh nghiệp
146	Cán bộ quản lý xóa thông tin về PCCC ở doanh nghiệp
147	Cán bộ quản lý xem danh sách tuyển dụng của Doanh nghiệp
148	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp
149	Cán bộ quản lý sửa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp
150	Cán bộ quản lý xóa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp
151	Cán bộ quản lý xem danh sách người lao động nước ngoài
152	Cán bộ quản lý lọc danh sách người lao động nước ngoài
153	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin người lao động nước ngoài
154	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin người lao động nước ngoài
155	Cán bộ quản lý sửa thông tin người lao động nước ngoài
156	Cán bộ quản lý xóa thông tin người lao động nước ngoài
157	Cán bộ quản lý xem QR code người lao động nước ngoài
158	Cán bộ quản lý xem lịch sử dữ liệu người lao động nước ngoài
159	Cán bộ quản lý xem danh sách vị trí sử dụng
160	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin vị trí sử dụng
161	Cán bộ quản lý sửa thông tin vị trí sử dụng
162	Cán bộ quản lý xóa thông tin vị trí sử dụng
163	Cán bộ quản lý xem danh sách đào tạo, tập huấn lao động
164	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đào tạo, tập huấn lao động
165	Cán bộ quản lý sửa thông tin đào tạo, tập huấn lao động
166	Cán bộ quản lý xóa thông tin đào tạo, tập huấn lao động
167	Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký giờ làm thêm
168	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký giờ làm thêm
169	Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký giờ làm thêm
170	Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký giờ làm thêm
171	Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký nội quy
172	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký nội quy
173	Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký nội quy
174	Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký nội quy
175	Cán bộ quản lý xem danh sách thỏa ước lao động
176	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thỏa ước lao động
177	Cán bộ quản lý sửa thông tin thỏa ước lao động
178	Cán bộ quản lý xóa thông tin thỏa ước lao động
179	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT
180	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT

TT	Mô tả yêu cầu
181	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT
182	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT
183	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ
184	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ
185	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ
186	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ
187	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc
188	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc
189	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc
190	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc
191	Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp
192	Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp
193	Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp
194	Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp
195	Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT
196	Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT vào danh sách
197	Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách
198	Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT khỏi danh sách
199	Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách
200	Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách
201	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT
202	Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách
203	Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư thứ cấp trong các CCN, KCN, KKT
204	Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư thứ cấp vào danh sách
205	Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách
206	Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư thứ cấp khỏi danh sách
207	Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách
208	Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách

TT	Mô tả yêu cầu
209	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án đầu tư thứ cấp
210	Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách
211	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý đánh giá các báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp
212	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách
213	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách
214	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp khỏi danh sách
215	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường
216	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý công bố công bố kế hoạch bảo vệ môi trường
217	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường
218	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường
219	Cán bộ quản lý xem danh sách hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT
220	Cán bộ quản lý thêm thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT
221	Cán bộ quản lý sửa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT
222	Cán bộ quản lý xóa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT
223	Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Môi trường
224	Cán bộ quản lý thêm thông tin về Môi trường
225	Cán bộ quản lý sửa thông tin về Môi trường
226	Cán bộ quản lý xóa thông tin về Môi trường
227	Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Tài nguyên
228	Cán bộ quản lý thêm thông tin về Tài nguyên
229	Cán bộ quản lý sửa thông tin về Tài nguyên
230	Cán bộ quản lý xóa thông tin về Tài nguyên
231	Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT
232	Cán bộ quản lý thêm giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng vào danh sách
233	Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng trong danh sách
234	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng khỏi danh sách
235	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật
236	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào danh sách
237	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong danh sách
238	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khỏi danh sách
239	Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT

TT	Mô tả yêu cầu
240	Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT vào danh sách
241	Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT trong danh sách
242	Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT khỏi danh sách
243	Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng
244	Cán bộ quản lý lọc giấy phép xây dựng
245	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin giấy phép xây dựng
246	Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng
247	Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng
248	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin giấy phép xây dựng
249	Cán bộ quản lý xem danh sách hạng mục công trình trong giấy phép
250	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin hạng mục công trình trong giấy phép
251	Cán bộ quản lý sửa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép
252	Cán bộ quản lý xóa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép
253	Cán bộ quản lý xem danh sách cấp lại giấy phép xây dựng
254	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin cấp lại giấy phép xây dựng
255	Cán bộ quản lý sửa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng
256	Cán bộ quản lý xóa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng
257	Cán bộ quản lý xem danh sách điều chỉnh giấy phép xây dựng
258	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng
259	Cán bộ quản lý sửa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng
260	Cán bộ quản lý xóa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng
261	Cán bộ quản lý xem danh sách gia hạn giấy phép xây dựng
262	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin gia hạn giấy phép xây dựng
263	Cán bộ quản lý sửa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng
264	Cán bộ quản lý xóa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng
265	Cán bộ quản lý xem danh sách miễn cấp phép
266	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin miễn cấp phép
267	Cán bộ quản lý sửa thông tin miễn cấp phép
268	Cán bộ quản lý xóa thông tin miễn cấp phép
269	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT
270	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT
271	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT
272	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT
273	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp
274	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp
275	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp
276	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp
277	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ

TT	Mô tả yêu cầu
278	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ
279	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ
280	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ
281	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ để cấu hình
282	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ cần cấu hình
283	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý cấu hình các lớp bản đồ
284	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý lưu lại kết quả
285	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ
286	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ muốn thực hiện bật/tắt
287	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý bật/tắt lớp bản đồ
288	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chồng xếp lớp bản đồ theo tùy chọn sắp xếp
289	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách chủ đề dữ liệu
290	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin chủ đề dữ liệu
291	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin chủ đề dữ liệu
292	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin chủ đề dữ liệu
293	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ chuyên đề
294	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ chuyên đề
295	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ chuyên đề
296	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ chuyên đề
297	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp được chọn
298	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp mới
299	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem nhật ký nhập dữ liệu
300	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất toàn bộ dữ liệu thuộc lớp
301	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất dữ liệu theo điều kiện lọc
302	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách nhóm lớp bản đồ
303	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem thông tin chi tiết nhóm lớp bản đồ
304	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý phân quyền truy cập vào nhóm lớp bản đồ
305	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin nội dung bản đồ
306	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin nội dung bản đồ
307	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin nội dung bản đồ
308	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin nội dung bản đồ
309	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sắp xếp trật tự xuất hiện nhóm lớp bản đồ
310	Quản trị hệ thống xem danh sách kỳ báo cáo
311	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin kỳ báo cáo
312	Quản trị hệ thống sửa thông tin kỳ báo cáo
313	Quản trị hệ thống xóa thông tin kỳ báo cáo
314	Quản trị hệ thống xem danh sách chế độ báo cáo
315	Quản trị hệ thống thêm mới thông tin chế độ báo cáo
316	Quản trị hệ thống sửa thông tin chế độ báo cáo
317	Quản trị hệ thống xóa thông tin chế độ báo cáo
318	Quản trị hệ thống xem danh sách biểu mẫu báo cáo
319	Quản trị hệ thống thêm mới biểu mẫu báo cáo
320	Quản trị hệ thống sửa thông tin biểu mẫu báo cáo
321	Quản trị hệ thống xóa biểu mẫu báo cáo
322	Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo cần nhập
323	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo sắp đến hạn
324	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn
325	Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo

TT	Mô tả yêu cầu
326	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu
327	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo
328	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo năm
329	Doanh nghiệp tạo lập báo cáo
330	Doanh nghiệp sửa báo cáo
331	Doanh nghiệp xóa báo cáo
332	Doanh nghiệp gửi duyệt báo cáo
333	Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo chưa gửi
334	Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo chưa gửi
335	Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo chưa gửi
336	Doanh nghiệp sửa báo cáo chưa gửi
337	Doanh nghiệp xóa báo cáo chưa gửi
338	Doanh nghiệp xuất danh sách báo cáo chưa gửi
339	Doanh nghiệp gửi báo cáo chưa gửi
340	Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo đã gửi
341	Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo đã gửi
342	Cán bộ quản lý xem nhắc việc báo cáo cần duyệt
343	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận
344	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị
345	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu
346	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo
347	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo
348	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận
349	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận chưa duyệt
350	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận chưa duyệt
351	Cán bộ quản lý duyệt báo cáo nhận chưa duyệt
352	Cán bộ quản lý yêu cầu báo cáo lại báo cáo nhận chưa duyệt
353	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận đã duyệt
354	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT
355	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT
356	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT
357	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT
358	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT
359	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT
360	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT
361	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT
362	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT
363	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT

TT	Mô tả yêu cầu
364	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT
365	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT
366	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT
367	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT
368	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
369	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
370	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
371	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
372	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
373	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
374	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
375	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
376	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
377	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
378	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp
379	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp
380	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp
381	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp
382	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê thưởng tết của người lao động trong các doanh nghiệp
383	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
384	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
385	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
386	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
387	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động
388	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình đào tạo lao động

TT	Mô tả yêu cầu
389	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình đào tạo lao động
390	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình đào tạo lao động
391	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động
392	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động
393	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
394	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
395	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
396	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
397	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
398	Cán bộ quản lý xem danh sách thông báo cho doanh nghiệp
399	Cán bộ quản lý tìm kiếm thông báo cho doanh nghiệp
400	Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin thông báo cho doanh nghiệp
401	Cán bộ quản lý thêm thông báo cho doanh nghiệp
402	Cán bộ quản lý sửa thông báo cho doanh nghiệp
403	Cán bộ quản lý xóa thông báo cho doanh nghiệp
404	Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua email
405	Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua email
406	Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua email
407	Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua zalo
408	Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua zalo
409	Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua zalo
410	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo vị trí địa lý
411	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo quy mô đầu tư
412	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo số lượng lao động
413	Cán bộ quản lý xem danh sách văn bản gửi cho doanh nghiệp
414	Cán bộ quản lý thêm mới văn bản gửi cho doanh nghiệp
415	Cán bộ quản lý sửa thông tin văn bản gửi cho doanh nghiệp
416	Cán bộ quản lý xóa văn bản gửi cho doanh nghiệp
417	Cán bộ quản lý xem danh sách chuyên mục tin
418	Cán bộ quản lý thêm mới chuyên mục tin
419	Cán bộ quản lý sửa thông tin chuyên mục tin
420	Cán bộ quản lý xóa chuyên mục tin
421	Cán bộ quản lý xem danh sách tin tức
422	Cán bộ quản lý thêm mới tin tức
423	Cán bộ quản lý sửa thông tin tin tức
424	Cán bộ quản lý xóa tin tức
425	Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện ảnh
426	Cán bộ quản lý thêm mới thư viện ảnh
427	Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện ảnh
428	Cán bộ quản lý xóa thư viện ảnh
429	Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện video

TT	Mô tả yêu cầu
430	Cán bộ quản lý thêm mới thư viện video
431	Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện video
432	Cán bộ quản lý xóa thư viện video
433	Quản trị hệ thống tạo mới nhóm người dùng
434	Quản trị hệ thống sửa thông tin nhóm người dùng
435	Quản trị hệ thống xóa thông tin nhóm người dùng
436	Quản trị hệ thống xem thông tin nhóm người dùng
437	Quản trị hệ thống tạo mới tài khoản cho người dùng
438	Quản trị hệ thống sửa thông tin tài khoản người dùng
439	Quản trị hệ thống xóa thông tin tài khoản người dùng
440	Quản trị hệ thống thêm người dùng vào nhóm người dùng
441	Quản trị hệ thống xem danh sách tài liệu hướng dẫn
442	Quản trị hệ thống thêm mới tài liệu hướng dẫn
443	Quản trị hệ thống sửa thông tin tài liệu hướng dẫn
444	Quản trị hệ thống xóa thông tin tài liệu hướng dẫn
445	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu của mình
446	Quản trị hệ thống có quyền cấp lại mật khẩu cho người sử dụng trong trường hợp người sử dụng yêu cầu cấp lại mật khẩu
447	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu đã đăng ký
448	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống xem thông tin cá nhân sau khi đăng nhập hệ thống
449	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống sửa thông tin cá nhân
450	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký của toàn bộ hệ thống phần mềm
451	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký đăng nhập của người sử dụng
452	Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký sử dụng chức năng phần mềm của người sử dụng
453	Quản trị hệ thống xóa nhật ký
454	Quản trị hệ thống xem thông tin danh mục chức vụ
455	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục chức vụ
456	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục chức vụ
457	Quản trị hệ thống xóa danh mục chức vụ
458	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục học vấn
459	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục học vấn
460	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục học vấn
461	Quản trị hệ thống xóa danh mục học vấn
462	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục dân tộc
463	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục dân tộc
464	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục dân tộc
465	Quản trị hệ thống xóa danh mục dân tộc
466	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục quốc tịch
467	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục quốc tịch
468	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục quốc tịch
469	Quản trị hệ thống xóa danh mục quốc tịch
470	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại CCN, KCN, KKT
471	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục loại CCN, KCN, KKT
472	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại CCN, KCN, KKT
473	Quản trị hệ thống xóa danh mục loại CCN, KCN, KKT
474	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại doanh nghiệp

TT	Mô tả yêu cầu
475	Quản trị hệ thống thêm mới loại doanh nghiệp
476	Quản trị hệ thống sửa thông tin loại doanh nghiệp
477	Quản trị hệ thống xóa thông tin loại doanh nghiệp
478	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục tình trạng hoạt động
479	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục tình trạng hoạt động
480	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục tình trạng hoạt động
481	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục tình trạng hoạt động
482	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục địa bàn hành chính
483	Quản trị hệ thống thêm mới danh mục địa bàn hành chính
484	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục địa bàn hành chính
485	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục địa bàn hành chính
486	Quản trị hệ thống xem danh sách các CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh
487	Quản trị hệ thống thêm mới CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh
488	Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh
489	Quản trị hệ thống xóa CCN, KCN, KKT trong danh sách
490	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT
491	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT
492	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT
493	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT lấy thông tin dữ liệu
494	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách doanh nghiệp
495	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp
496	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp
497	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách doanh nghiệp lấy thông tin dữ liệu
498	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
499	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
500	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam
501	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam lấy thông tin dữ liệu
502	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
503	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
504	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài
505	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài lấy thông tin dữ liệu
506	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
507	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư

TT	Mô tả yêu cầu
508	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư
509	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư lấy thông tin dữ liệu
510	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng
511	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng
512	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng
513	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng lấy thông tin dữ liệu
514	Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường
515	Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường
516	Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường
517	Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường lấy thông tin dữ liệu
518	Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT
519	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT
520	Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT
521	Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT
522	Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT
523	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT
524	Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT
525	Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT
526	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
527	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
528	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
529	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
530	Cán bộ quản lý xem thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng
531	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng
532	Cán bộ quản lý sửa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng
533	Cán bộ quản lý xóa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng
534	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
535	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
536	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết

TT	Mô tả yêu cầu
537	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
538	Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
539	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
540	Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
541	Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
542	Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng
543	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng
544	Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng
545	Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng
546	Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
547	Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
548	Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
549	Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
550	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại tài liệu
551	Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại tài liệu
552	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại tài liệu
553	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại tài liệu
554	Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại hồ sơ
555	Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại hồ sơ
556	Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại hồ sơ
557	Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại hồ sơ
558	Quản trị hệ thống xem danh sách hồ sơ pháp lý
559	Quản trị hệ thống thêm thông tin hồ sơ pháp lý
560	Quản trị hệ thống sửa thông tin hồ sơ pháp lý
561	Quản trị hệ thống xóa thông tin hồ sơ pháp lý
562	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tìm kiếm, xem thông tin tài liệu trong kho nếu được phân quyền xem
563	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tải tài liệu về máy cá nhân với những tài liệu cho phép tải
564	Quản trị hệ thống xem danh sách văn bản quy phạm pháp luật
565	Quản trị hệ thống thêm thông tin văn bản quy phạm pháp luật
566	Quản trị hệ thống sửa thông tin văn bản quy phạm pháp luật
567	Quản trị hệ thống xóa thông tin văn bản quy phạm pháp luật
568	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống điền các thông tin về tài khoản và mật khẩu trên ứng dụng nền tảng di động
569	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động

TT	Mô tả yêu cầu
570	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống lưu mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động
571	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng xuất khỏi hệ thống phần mềm trên ứng dụng nền tảng di động
572	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu cũ trên ứng dụng nền tảng di động
573	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu mới, nhập lại mật khẩu mới trên ứng dụng nền tảng di động
574	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động
575	Doanh nghiệp xem thống kê của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động
576	Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động
577	Doanh nghiệp xem danh sách thông báo trên ứng dụng nền tảng di động
578	Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo trên ứng dụng nền tảng di động
579	Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động
580	Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động
581	Doanh nghiệp xem thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động
582	Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động
583	Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động
584	Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động
585	Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động
586	Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động
587	Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động
588	Doanh nghiệp tìm kiếm đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động
589	Doanh nghiệp xem chi tiết đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động
590	Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động
591	Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động
592	Doanh nghiệp tìm kiếm đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động
593	Doanh nghiệp xem chi tiết đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động
594	Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động
595	Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động
596	Doanh nghiệp tìm kiếm nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động
597	Doanh nghiệp xem chi tiết nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động
598	Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động
599	Doanh nghiệp thêm mới phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
600	Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
601	Doanh nghiệp đính kèm phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
602	Doanh nghiệp gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động

TT	Mô tả yêu cầu
603	Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
604	Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
605	Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
606	Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
607	Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động
608	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo đến hạn trên ứng dụng nền tảng di động
609	Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động
610	Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo trên ứng dụng nền tảng di động
611	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động
612	Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
613	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động
614	Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận trên ứng dụng nền tảng di động
615	Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị trên ứng dụng nền tảng di động
616	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động
617	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
618	Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động
619	Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận trên ứng dụng nền tảng di động

d. Bảng chuyển đổi yêu cầu chức năng sang trường hợp sử dụng

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
PHẦN I	ỨNG DỤNG TRÊN NỀN TẢNG WEB				
A	CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NGƯỜI DÂN				
1	Khai thác thông tin tuyển dụng	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách lọc tuyển dụng theo tiêu chí. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
2	Khai thác thông tin phản ánh	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách lọc phản ánh theo tiêu chí. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết phản ánh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
3	Gửi phản ánh	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách tạo phản ánh. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xác thực thông tin. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách gửi phản ánh. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem phản ánh đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
4	Khai thác Thông báo, tin tức	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách lọc thông báo, tin tức theo tiêu chí thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp, Khách xem theo phân trang thông báo, tin tức. Hệ thống truy		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết thông báo, tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
5	Khai thác thông tin các Khu công nghiệp	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các Khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
6	Khai thác thông tin các Cụm công nghiệp	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết các cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
7	Khai thác thông tin các khu chức năng Khu kinh tế	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách các khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem chi tiết khu chức năng Khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách doanh nghiệp trong khu chức năng Khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
8	Khai thác thông tin khác	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem thư viện ảnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem thư viện video. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem tin tức hoạt động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách xem văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
	Khai thác bản đồ GIS các cụm công nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh				
9	Xem danh sách khu	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	công nghiệp trên bản đồ				
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
10	Xem danh sách dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
11	Xem danh sách cụm công nghiệp trên bản đồ	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
12	Xem danh sách dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong cụm công nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong cụm công nghiệp trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
13	Xem danh sách khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
14	Xem danh sách dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ	Doanh nghiệp, Khách		B	Trung bình
			Doanh nghiệp, Khách xem danh sách dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách zoom trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp, Khách tìm kiếm trên bản đồ dự án trong khu chức năng khu kinh tế. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp, Khách xem thông tin chi tiết dự án trong khu chức năng khu kinh tế trên bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
B	QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, LAO ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH.				
I	Chức năng dành cho doanh nghiệp				
15	Dashboard doanh nghiệp	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thống kê của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
16	Xem thông báo	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem danh sách thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
17	Thông tin tài nguyên	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
18	Thông tin môi trường	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
19	Thông tin chứng nhận PCCC	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
20	Danh sách người lao động nước ngoài	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
21	Đào tạo tập huấn	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp thêm mới thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
22	Đăng ký nội quy	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp thêm mới thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
23	Nhu cầu tuyển dụng	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
24	Nhu cầu làm thêm giờ	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp thêm mới thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu làm thêm giờ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
25	Quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp thêm mới thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
26	Gửi phản hồi	Doanh nghiệp		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp thêm mới phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Doanh nghiệp đính kèm phản hồi. Hệ thống đính kèm phản hồi, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp gửi phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
27	Danh sách phản hồi của doanh nghiệp	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
II	Chức năng dành cho cơ quan quản lý nhà nước				
II.1	Dashboard phục vụ điều hành				
28	Tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống kiểm tra điều		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo loại dự án. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
29	Tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo ngành nghề. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
30	Tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ dự án đầu tư theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
31	Tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các các CCN, KCN và KKT	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ trọng lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
32	Tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo vị trí. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
33	Tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ lao động người nước ngoài theo quốc tịch. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
34	Tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN và KKT	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý lựa chọn tiêu chí trong biểu đồ tỷ lệ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết số liệu giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất báo cáo theo biểu đồ giấy phép xây dựng theo các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
II.2	Quản lý thông tin doanh nghiệp				
35	Quản lý các doanh nghiệp trong các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách các doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
36	Quản lý các giấy phép cấp cho doanh nghiệp	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách các giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong mỗi CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý thêm mới giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý chỉnh sửa thông tin một giấy phép cấp cho doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép cấp cho Quản lý các doanh nghiệp trong CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
II.3	Quản lý lao động				
37	Quản lý tuyển dụng lao động của doanh nghiệp	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách tuyển dụng của Doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
38	Quản lý danh sách người lao động nước ngoài	Cán bộ quản lý		B	Phức tạp
			Cán bộ quản lý xem danh sách người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý lọc danh sách người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin người lao động nước ngoài. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem QR code người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem lịch sử dữ liệu người lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
39	Quản lý danh sách vị trí sử dụng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách vị trí sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin vị trí sử dụng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
40	Quản lý đào tạo, tập huấn lao động	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin đào tạo, tập huấn lao động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
41	Quản lý đăng ký giờ làm thêm	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký giờ làm thêm. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
42	Quản lý đăng ký nội quy	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách đăng ký nội quy. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin đăng ký nội quy. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
43	Quản lý thỏa ước lao động	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách thỏa ước lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin thỏa ước lao động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
44	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
45	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia,	Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	vùng lãnh thổ				
			Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo quốc gia, vùng lãnh thổ. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
46	Thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo vị trí công việc. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
47	Thống kê báo cáo lao động nước	Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	ngoài theo hình thức cấp				
			Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo lao động nước ngoài theo hình thức cấp. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
II.4	Quản lý dự án đầu tư				
48	Quản lý dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Phức tạp
			Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư hạ tầng CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
49	Quản lý dự án đầu tư thứ cấp trong các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Phức tạp
			Cán bộ quản lý xem danh sách dự án đầu tư thứ cấp trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới dự án đầu tư thứ cấp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa dự án đầu tư thứ cấp khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý cập nhật quá trình thực hiện dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin danh sách giấy phép của một dự án dân tư thứ cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Cán bộ quản lý sửa các giấy phép của dự án đầu tư thứ cấp trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
C	QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, TÍCH HỢP DỮ LIỆU VÀO BẢN ĐỒ GIS				
I	Quản lý tài nguyên và môi trường				
50	Quản lý đánh giá các báo cáo quan trắc môi trường của DN	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý đánh giá các báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý, đánh giá báo cáo quan trắc môi trường của doanh nghiệp khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
51	Quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường	Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý công bố công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý công bố kế hoạch bảo vệ môi trường. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
52	Quản lý hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tại CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
53	Quản lý thông tin về Môi trường	Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Môi trường. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin về Môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin về Môi trường. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin về Môi trường. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
54	Quản lý thông tin về Tài nguyên	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách thông tin về Tài nguyên. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin về Tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin về Tài nguyên. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin về Tài nguyên. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
II	Quản lý hạ tầng kỹ thuật				
55	Quản lý cấp giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng cho DN đầu tư hạ tầng khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
56	Quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý cấp Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý cấp chứng Chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
57	Quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách quản lý cấp khung giá cho thuê đất, cho thuê lại		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT vào danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quản lý khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất, phí hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT khỏi danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
58	Quản lý giấy phép xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý lọc giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
59	Quản lý hạng mục	Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	công trình trong giấy phép				
			Cán bộ quản lý xem danh sách hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin hạng mục công trình trong giấy phép. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
60	Quản lý cấp lại giấy phép xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin cấp lại giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
61	Quản lý điều chỉnh giấy phép xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin điều chỉnh giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
62	Quản lý gia hạn giấy phép xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin gia hạn giấy phép xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
63	Quản lý miễn cấp phép	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách miễn cấp phép. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin miễn cấp phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin miễn cấp phép. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin miễn cấp phép. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
64	Thông kê báo cáo giấy	Lãnh đạo,		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	phép xây dựng theo các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý			
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
65	Thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê báo cáo giấy phép xây dựng theo hình thức cấp. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
III	Quản lý bản đồ				
66	Quản lý thông bản đồ	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
67	Cấu hình lớp bản đồ	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ để cấu hình. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ cần cấu hình. Hệ thống hiển thị danh sách để lựa chọn		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý cấu hình các lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý lưu lại kết quả. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
68	Bật/tắt bản đồ lớp	Quản trị hệ		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
		thống, Cán bộ quản lý			
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách các lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chọn lớp bản đồ muốn thực hiện bật/tắt. Hệ thống hiển thị danh sách để lựa chọn		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý bật/tắt lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý chồng xếp lớp bản đồ theo tùy chọn sắp xếp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
69	Quản lý chủ đề dữ liệu	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách chủ đề dữ liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin chủ đề dữ liệu. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
70	Quản lý bản đồ chuyên đề	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách bản đồ chuyên đề. Hệ thống		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin bản đồ chuyên đề. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
71	Nhập/Xuất dữ liệu cho lớp dữ liệu	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp được chọn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý nhập dữ liệu cho lớp mới. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem nhật ký nhập dữ liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất toàn bộ dữ liệu thuộc lớp. Hệ thống xuất dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xuất dữ liệu theo điều kiện lọc. Hệ thống xuất dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
72	Quản trị nội dung bản đồ	Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý		B	Phức tạp
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem danh sách nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xem thông tin chi tiết nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý phân quyền truy cập vào nhóm lớp bản đồ. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị thông báo phân quyền thành công lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý thêm mới thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sửa thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý xóa thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin nội dung bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống, Cán bộ quản lý sắp xếp trật tự xuất hiện nhóm lớp bản đồ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
D	HỆ THỐNG BÁO CÁO, THỐNG KÊ, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU, HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH.				
I	Quản lý danh mục báo cáo				
73	Quản lý danh mục kỳ báo cáo	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống xóa thông tin kỳ báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
74	Quản lý danh mục chế độ báo cáo	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách chế độ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin chế độ báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
75	Quản lý biểu mẫu báo cáo	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách biểu mẫu báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới biểu mẫu báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin biểu mẫu báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa biểu mẫu báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
II	Gửi báo cáo				
76	Nhắc việc báo cáo	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo cần nhập. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo sắp đến hạn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
77	Quản lý danh sách báo cáo cần nhập của đơn vị	Doanh nghiệp		B	Phức tạp
			Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo năm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp tạo lập báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa báo cáo. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa báo cáo. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp gửi duyệt báo cáo. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
78	Quản lý danh sách báo cáo chưa gửi	Doanh nghiệp		B	Phức tạp
			Doanh nghiệp xem nhắc việc báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo chưa gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp sửa báo cáo chưa gửi. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa báo cáo chưa gửi. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xuất danh sách báo cáo chưa gửi. Hệ thống thực hiện xuất báo cáo và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp gửi báo cáo chưa gửi. Hệ thống thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem danh sách báo cáo đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem nội dung báo cáo đã gửi. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
III	Nhận báo cáo				
79	Nhắc nhở việc báo cáo	Cán bộ quản lý		B	Đơn giản
			Cán bộ quản lý xem nhắc việc báo cáo cần duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
80	Quản lý danh sách báo cáo nhận	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
81	Quản lý danh sách báo cáo nhận chưa duyệt	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý duyệt báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý yêu cầu báo cáo lại báo cáo nhận chưa duyệt. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận đã duyệt. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
IV	Báo cáo thống kê				
82	Báo cáo thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN và KKT	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hạ tầng trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
83	Báo cáo thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN và KKT	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê doanh nghiệp hoạt động trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
84	Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh trong	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	các CCN, KCN và KKT				
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh trong các CCN, KCN, KKT. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
85	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
86	Báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
87	Báo cáo thống kê thường tết của người lao động	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	trong các doanh nghiệp				
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê thường tết của người lao động trong các doanh nghiệp. Hệ thống xuất danh sách và hiển thị kết quả lên màn hình		
88	Báo cáo thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê bảo hiểm, thu nhập người lao động. Hệ thống xuất danh sách và hiển thị kết quả lên màn hình		
89	Báo cáo thống kê tình hình đào tạo lao động	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình đào tạo lao động. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
90	Báo cáo thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn kỳ báo cáo thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý chọn tiêu chí thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý thực hiện thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện thống kê		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xem chi tiết kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý xuất kết quả thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống thực hiện xuất kết quả và hiển thị kết quả lên màn hình		
V	Tiện ích				
91	Quản lý thông báo cho doanh nghiệp	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý tìm kiếm thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Cán bộ quản lý xem chi tiết thông tin thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông báo cho doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
92	Tích hợp gửi thông báo qua email	Quản trị hệ thống		M	Đơn giản

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua email. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua email. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua email. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
93	Tích hợp gửi thông báo qua zalo	Quản trị hệ thống		M	Đơn giản
			Quản trị hệ thống cấu hình tích hợp gửi thông báo qua zalo. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem thông báo đã gửi qua zalo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem thông báo gửi lỗi qua zalo. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
94	Tìm kiếm thông tin doanh nghiệp nâng cao	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý		B	Đơn giản
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo vị trí địa lý. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo quy mô đầu tư. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý tìm kiếm thông tin doanh nghiệp theo số lượng lao động. Hệ thống truy vấn CSDL, hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
95	Gửi văn bản cho doanh nghiệp	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý thêm mới văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa văn bản gửi cho doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
96	Quản trị chuyên mục tin	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách chuyên mục tin. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới chuyên mục tin. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin chuyên mục tin. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa chuyên mục tin. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
97	Quản lý tin tức	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách tin tức. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới tin tức. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin tin tức. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa tin tức. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
98	Quản lý thư viện ảnh	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện ảnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý thêm mới thư viện ảnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện ảnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thư viện ảnh. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
99	Quản lý thư viện Video	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách thư viện video. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thư viện video. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thư viện video. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thư viện video. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
VI	Quản trị hệ thống				
100	Quản trị nhóm người dùng	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống tạo mới nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin nhóm người dùng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem thông tin nhóm người dùng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
101	Quản trị người dùng	Quản trị hệ thống		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống tạo mới tài khoản cho người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin tài khoản người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin tài khoản người dùng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm người dùng vào nhóm người dùng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
102	Quản trị tài liệu hướng dẫn	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách tài liệu hướng dẫn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới tài liệu hướng dẫn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin tài liệu hướng dẫn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin tài liệu hướng dẫn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
103	Đổi mật khẩu	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống		B	Đơn giản
			Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu của mình. Hệ thống kiểm tra dữ liệu do người dùng nhập vào, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông báo lưu dữ liệu thành công, cập nhật lại		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			mật khẩu hoặc hiển thị màn hình thông báo thông tin không hợp lệ		
			Quản trị hệ thống có quyền cấp lại mật khẩu cho người sử dụng trong trường hợp người sử dụng yêu cầu cấp lại mật khẩu. Hệ thống hiển thị form cấp lại mật khẩu, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông báo đã gửi yêu cầu cấp lại mật khẩu		
104	Đăng nhập và quản lý thông tin tài khoản	Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống		B	Đơn giản
			Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu đã đăng ký. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập và thiết lập phiên làm việc nếu thông tin đăng nhập hợp lệ		
			Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống xem thông tin cá nhân sau khi đăng nhập hệ thống. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý, Lãnh đạo, Quản trị hệ thống sửa thông tin cá nhân. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
105	Nhật ký hệ thống	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký của toàn bộ hệ thống phần mềm. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký đăng nhập của người sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem danh sách nhật ký sử dụng chức năng phần mềm của người sử dụng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống xóa nhật ký. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
VII	Quản trị danh mục				
106	Quản trị danh mục chức vụ	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem thông tin danh mục chức vụ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục chức vụ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục chức vụ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa danh mục chức vụ. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
107	Quản trị danh mục học vấn	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục học vấn. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục học vấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục học vấn. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa danh mục học vấn. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
108	Quản trị danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục dân tộc. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục dân tộc. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục dân tộc. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa danh mục dân tộc. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
109	Quản trị danh mục quốc tịch	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục quốc tịch. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục quốc tịch. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục quốc tịch. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa danh mục quốc tịch. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
110	Quản lý danh mục loại CCN, KCN	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa danh mục loại CCN, KCN, KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
111	Quản lý danh mục loại doanh nghiệp	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới loại doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin loại doanh nghiệp. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin loại doanh nghiệp. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
112	Quản lý danh mục tình trạng hoạt động	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục tình trạng hoạt động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
113	Quản lý danh mục địa bàn hành chính	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống kiểm tra tính		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục địa bàn hành chính. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
114	Quản lý danh sách các CCN, KCN, KKT	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách các CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm mới CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống chỉnh sửa thông tin một CCN, KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa CCN, KCN, KKT trong danh sách. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
VIII	Tích hợp các hệ thống khác				
115	Chia sẻ dữ liệu danh sách CCN, KCN và KKT	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT. Hệ		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách CCN, KCN, KKT lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
116	Chia sẻ dữ liệu danh sách doanh nghiệp	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API lấy danh sách doanh nghiệp. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API lấy danh sách doanh nghiệp lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
117	Chia sẻ dữ liệu tình hình sử dụng lao động Việt Nam	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động Việt Nam lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
118	Chia sẻ dữ liệu tình hình sử dụng lao động nước ngoài	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình sử dụng lao động nước ngoài lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
119	Chia sẻ dữ liệu tình hình thực	Quản trị hệ thống,		M	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	hiện dự án đầu tư	Các hệ thống khác			
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API thống kê tình hình thực hiện dự án đầu tư lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
120	Chia sẻ dữ liệu về quy hoạch xây dựng	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu quy hoạch xây dựng lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
121	Chia sẻ dữ liệu về môi trường	Quản trị hệ thống, Các hệ thống khác		M	Trung bình
			Quản trị hệ thống quản lý cấu hình giới hạn gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xem lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thống kê lịch sử gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường. Hệ thống truy vấn dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Các hệ thống khác sử dụng token để gọi API chia sẻ dữ liệu môi trường lấy thông tin dữ liệu. Hệ thống nhận tham số đầu vào, thực hiện kiểm tra phân tích và trả lại thông tin báo lỗi nếu thực hiện lỗi hoặc dữ liệu đầu ra trả về cho các hệ thống khác nếu thực hiện thành công		
E	QUẢN LÝ HỒ SƠ PHÁP LÝ, QUY HOẠCH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ				
122	Quản lý bản đồ Quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch phân khu các CCN, KCN và KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
123	Quản lý bản đồ Quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin quy hoạch chi tiết các CCN, KCN và KKT. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
124	Quản lý thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
125	Quản lý kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
126	Quản lý thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
127	Quản lý Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
128	Quản lý Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
129	Quản lý thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý thêm mới thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý sửa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xóa thông tin thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
130	Quản lý danh mục loại tài liệu	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại tài liệu. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống kiểm tra tính		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại tài liệu. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
131	Quản lý danh mục loại hồ sơ	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách danh mục loại hồ sơ. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin danh mục loại hồ sơ. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
132	Quản lý hồ sơ pháp lý	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách hồ sơ pháp lý. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin hồ sơ pháp lý. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
133	Khai thác tài liệu trong kho	Lãnh đạo, Cán bộ quản		B	Đơn giản

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
		lý, Quản trị hệ thống			
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tìm kiếm, xem thông tin tài liệu trong kho nếu được phân quyền xem. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình theo điều kiện tìm kiếm		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Quản trị hệ thống tải tài liệu về máy cá nhân với những tài liệu cho phép tải. Hệ thống truy vấn CSDL và tải tài liệu về máy cá nhân		
134	Quản lý văn bản quy phạm pháp luật	Quản trị hệ thống		B	Trung bình
			Quản trị hệ thống xem danh sách văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống thêm thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống sửa thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Quản trị hệ thống xóa thông tin văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống xóa thông tin khỏi CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
PHẦN II ỨNG DỤNG TRÊN NỀN TẢNG DI ĐỘNG					
I	Cập nhật cá nhân trên ứng dụng nền tảng di động				
135	Đăng nhập, đăng xuất trên ứng dụng nền tảng di động	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống điền các thông tin về tài khoản và mật khẩu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ và đưa ra thông báo		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập và thiết lập phiên làm việc nếu thông tin đăng nhập hợp lệ		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống lưu mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống lưu vào CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đăng xuất khỏi hệ thống phần mềm trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống đăng xuất khỏi phiên làm việc		
136	Đổi mật khẩu trên ứng dụng nền tảng di động	Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống		B	Đơn giản
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu cũ trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống nhập mật khẩu mới, nhập lại mật khẩu mới trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, Doanh nghiệp, Quản trị hệ thống đổi mật khẩu đăng nhập trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra dữ liệu do người dùng nhập vào, lưu thông tin vào CSDL, hiển thị thông		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			báo lưu dữ liệu thành công, cập nhật lại mật khẩu hoặc hiển thị màn hình thông báo thông tin không hợp lệ		
II	Cập nhật thông tin doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động				
137	Dashboard doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thống kê của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem nhắc việc của doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
138	Xem thông báo trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem danh sách thông báo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem thông tin chi tiết thông báo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
139	Thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin tài nguyên trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
140	Thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin môi trường trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
141	Thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin chứng nhận PCCC trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
142	Danh sách người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp cập nhật thông tin người lao động nước ngoài trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
143	Đào tạo tập huấn trên	Doanh nghiệp		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
	ứng dụng nền tảng di động				
			Doanh nghiệp xem danh sách đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp tìm kiếm đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp xem chi tiết đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin đào tạo tập huấn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
144	Đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp tìm kiếm đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp xem chi tiết đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin đăng ký nội quy trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
145	Nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Trung bình

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Doanh nghiệp xem danh sách nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp tìm kiếm nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp xem chi tiết nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin nhu cầu tuyển dụng trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
III	Phản hồi doanh nghiệp trên ứng dụng nền tảng di động				
III.1	Gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động				
146	Gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp thêm mới phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp chọn lĩnh vực phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra điều kiện chọn, lưu điều kiện đã chọn và hiển thị thông báo		
			Doanh nghiệp đính kèm phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống đính kèm phản hồi, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp gửi phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
147	Danh sách phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Trung bình
			Doanh nghiệp xem danh sách phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp tìm kiếm thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện tìm kiếm		
			Doanh nghiệp xem chi tiết thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp sửa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ, lưu thông tin và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xóa thông tin phản hồi trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống xóa dữ liệu và hiển thị kết quả lên màn hình		
IV	Gửi nhận báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động				
IV.1	Gửi báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động				
148	Nhắc việc báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo đến hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
149	Quản lý danh sách báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động	Doanh nghiệp		B	Đơn giản
			Doanh nghiệp xem các biểu mẫu báo cáo cần tạo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Doanh nghiệp lọc các báo cáo theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
IV.2	Nhận báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động				
150	Nhắc việc nhận báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động	Cán bộ quản lý		B	Đơn giản
			Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo quá hạn trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý xem số lượng báo cáo mới nhận trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
151	Quản lý danh sách báo cáo nhận trên ứng dụng nền tảng di động	Cán bộ quản lý		B	Trung bình
			Cán bộ quản lý xem danh sách báo cáo nhận từ các đơn vị trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo biểu mẫu trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo đơn vị báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý lọc báo cáo nhận theo kỳ báo cáo trên ứng dụng nền tảng di động. Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả phù hợp với điều kiện lọc		
			Cán bộ quản lý xem nội dung chi tiết báo cáo nhận trên ứng dụng nền tảng di động.		

TT	Tên Use case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			Hệ thống truy vấn CSDL và hiển thị kết quả lên màn hình		

2.4.5. Yêu cầu phi chức năng

2.4.5.1 Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu

CSDL phải đáp ứng khả năng sao lưu dữ liệu, và đảm bảo dữ liệu được sao lưu và phục hồi bởi người được cấp quyền.

Khả năng giám sát thông minh: Ngoài thông tin giám sát các đối tượng truy cập dữ liệu hơn là bản thân dữ liệu chẳng hạn “ai đăng nhập”, “những quyền nào bị thay đổi”.

Tính năng ổn định cao: CSDL hệ thống phải có tính năng ổn định cao “Sao lưu dữ liệu” giữa hai máy chủ, cho phép cấu hình tự động chống lỗi và tự chuyển đổi phiên kết nối và có cơ chế chống lỗi phụ.

Cho phép quản lý CSDL bằng công cụ và chính sách: Một trong những tác vụ đòi hỏi nhiều kỹ năng và tiêu tốn thời gian nhất cho nhà quản trị CSDL đó chính là tác vụ giám sát và quản lý. Ở các hệ thống CSDL kiểu cũ để giám sát và chẩn đoán hiệu quả đòi hỏi nhà quản trị phải có hiểu biết am tường về sản phẩm CSDL cũng như hiện trạng của hạ tầng liên quan như phần cứng, tải của ứng dụng và các ứng tác động khác trong hệ thống. CSDL hệ thống cho phép công việc quản trị trở nên dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo được tính hiệu quả, cung cấp khả năng quản trị theo chính sách giúp nhà quản trị có thể giám sát chẩn đoán theo một cách tự nhiên nhất chẳng hạn như “Tôi muốn khôi phục hệ thống CSDL trong vòng 1 giờ” chẳng hạn.

Lưu trữ được nhiều loại dữ liệu: Cùng với sự bùng nổ các loại ứng dụng mới đặc biệt là các loại ứng dụng viễn thông trên nền tảng IP thì hàng loạt các định dạng dữ liệu mới cũng ra đời và người ta cũng muốn lưu trữ, tìm kiếm, truy vấn, chia sẻ, đồng bộ chúng. Vì vậy việc lưu trữ những dữ liệu như vậy trên hệ thống là đòi hỏi khả năng lưu trữ hầu hết các loại dữ liệu từ dữ liệu dạng hình ảnh (PDF, JPEG, TIFF) đến các định dạng tập tin điện tử (Word, Excel, PowerPoint...)

Khả năng thao tác song hành trên các bảng dữ liệu phân vùng: CSDL hệ thống phải hỗ trợ việc lưu trữ và thao tác song hành liên bảng ghi CSDL. Điều này có nghĩa là khi người dùng có thể thực hiện một truy vấn mà liên quan đến dữ liệu trên hai phân vùng CSDL sẽ xử lý truy vấn này song hành cùng lúc trên mỗi phân vùng.

Tăng tốc khả năng truy vấn dữ liệu: Cùng với khả năng nén CSDL, hiệu suất truy vấn dữ liệu cũng cần được đảm bảo ở mức cao.

2.4.5.2 Yêu cầu về an toàn thông tin

Xác định chuẩn bảo mật được sử dụng, mô hình kiểm tra, xác thực, bảo mật dữ liệu:

- Đáp ứng khả năng an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều mức: mức mạng, mức xác thực người sử dụng và mức CSDL;
- Hệ thống phải đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong hệ thống;
- Toàn bộ các dữ liệu cần quản lý phải được lưu trong CSDL hoặc thư mục, được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ;
- Các account đăng nhập hệ thống được phân quyền chặt chẽ;
- Giao tiếp với hệ thống khác được bảo mật thông qua mã hóa hoặc xác thực;
- Đảm bảo an ninh dữ liệu của hệ thống, phân quyền chặt chẽ cho các hệ thống tích hợp, không cho tác động vào dữ liệu không cho phép

* Đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ:

Hệ thống Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh được đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ, tuân thủ theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống phần mềm được xác định là cấp độ 3 căn cứ Khoản 9, Nghị định 85/2016/NĐ-CP.

2.4.5.3 Yêu cầu về an toàn bảo mật

- Đáp ứng các yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ tại Quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/04/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với hệ thống thông tin cấp độ 3.
- Hệ thống cần thiết kế cơ chế kiểm soát tên người sử dụng và mật khẩu truy cập hệ thống.
- Có cơ chế phân quyền linh hoạt, cho phép tổ chức/nhóm người dùng, phân quyền theo nhóm, phân quyền theo người sử dụng, theo chức năng. Người sử dụng tùy theo phân quyền có thể thao tác với các chức năng khác nhau, khai thác các vùng dữ liệu khác nhau.
- Hỗ trợ người dùng trao đổi thông tin, dữ liệu với hệ thống trên Internet theo các chuẩn về an toàn thông tin như S/MINE v3.0, SSL v3.0, HTTPS, ...
- Hệ thống có khả năng lưu vết tài khoản người dùng, lưu lại tất cả hoạt động của người dùng khi thay đổi hay thao tác trên bất kỳ tính năng nào của hệ thống.

Hệ thống lưu vết mọi hoạt động diễn ra trong toàn bộ hệ thống để phục vụ theo dõi, giám sát và có phương án nhanh nhất khi hệ thống gặp sự cố.

- An toàn ứng dụng:

+ Có thiết lập yêu cầu bảo đảm mật khẩu trên ứng dụng đủ độ phức tạp cần thiết để hạn chế tấn công dò quét mật khẩu: mật khẩu bao gồm chữ hoa, chữ thường, số và ký tự đặc biệt; có tối thiểu 8 ký tự; các thông tin xác thực phải được lưu trữ dưới dạng mã hóa;

+ Có thiết lập yêu cầu ghi nhật ký truy cập, lỗi phát sinh.

- An toàn dữ liệu: Có phương án sử dụng hệ thống hoặc phương tiện lưu trữ độc lập để sao lưu dự phòng các dữ liệu quan trọng trên máy chủ. Việc sao lưu được thực hiện định kỳ theo quy định của tổ chức;

- Hỗ trợ người sử dụng trao đổi thông tin, dữ liệu với các hệ thống khác trên mạng Internet theo các chuẩn về an toàn thông tin như S/MINE v3.0, SSL v3.0, HTTPS;

- Hệ thống phải đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong hệ thống;

- Có cơ chế theo dõi và giám sát, lưu vết tất cả các hoạt động trên hệ thống;

- Toàn bộ các dữ liệu cần quản lý phải được lưu trong CSDL hoặc thư mục, được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ.

- Có KMS quản lý khóa, token sinh ra để mã hóa dữ liệu trao đổi qua API và data của CSDL người dùng

- Hệ thống cần đảm bảo khả năng an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều mức: mức mạng, mức máy chủ, mức ứng dụng, mức cơ sở dữ liệu, mức người dùng. Thiết lập mã hóa TLS v1.2, HTTPs.

2.4.5.4 Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các phần mềm

Thời gian đáp ứng trung bình đối với các chức năng nghiệp vụ, trong điều kiện bình thường đạt dưới 5 giây.

Thời gian kết xuất các báo cáo tổng hợp trên phạm vi lớn với dữ liệu thống kê tổng hợp báo cáo trong nhiều năm, trên quy mô toàn tỉnh đạt mức trung bình từ dưới 5 phút và không có lỗi timeout.

Khi chương trình có độ trễ quá 15 giây cho tác vụ, hệ thống cần có công cụ hiển thị lời thông báo hoặc biểu tượng hiển thị cho người dùng nhận biết được rằng hệ thống vẫn đang hoạt động để người dùng chờ kết quả thực hiện của tác vụ mà không chuyển sang tác vụ khác.

Hệ thống cần đáp ứng cho ít nhất 1.200 truy cập đồng thời; đảm bảo đáp ứng ít nhất 200 người sử dụng hoạt động đồng thời (có thực hiện các tác vụ khác nhau phát sinh yêu cầu gửi đến phần mềm với mức độ hoạt động như người sử dụng đã sử dụng thành thạo phần mềm).

2.4.5.5 Sử dụng đường truyền

Máy chủ đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh sử dụng đường chung của trung tâm dữ liệu của tỉnh để đảm bảo cho phần mềm vận hành ổn định.

2.4.5.6 Yêu cầu về an toàn vận hành, khai thác, sử dụng

- Mọi thao tác của bất kỳ người sử dụng nào lên hệ thống đều phải được ghi lại gồm các thông tin: Tên người sử dụng, các thao tác lên hệ thống, thời điểm thao tác.

- Hệ thống cung cấp các công cụ cho phép người quản trị có thể dễ dàng kiểm soát theo dõi mọi thao tác của người sử dụng lên hệ thống và bất kỳ thời điểm nào.

- Hệ thống phải thường xuyên sao lưu đủ dữ liệu để đảm bảo an toàn dữ liệu.

- Các quy trình sao lưu định kỳ hệ thống phải được thiết lập và chuyển giao như một thành phần của công việc cần thực hiện.

- Bất kỳ thời điểm nào xảy ra lỗi có thể do các tác nhân bên ngoài người quản trị hệ thống phải có thể phục hồi lại bằng cách dùng các thông tin đã backup trước đó để thực hiện phục hồi đảm bảo hệ thống lại tiếp tục hoạt động bình thường.

- Trong những trường hợp xảy ra hỏng hóc dữ liệu (có thể do người sử dụng vô tình hoặc cố ý xoá hoặc sửa dữ liệu) thì hệ thống phải thiết lập được những cơ chế backup tức thì tất cả các dữ liệu người sử dụng xoá hoặc sửa có thể do cố ý hay vô ý sang một hệ thống có sở dữ liệu khác để đảm bảo tất cả các dữ liệu đó không bao giờ được xoá đi trực tiếp từ hệ thống chính, do đó trong những trường hợp cần lấy lại dữ liệu cũ thì hệ thống Quản lý sẽ cung cấp cho người sử dụng các công cụ hỗ trợ việc này.

- Trong trường hợp hệ thống phần mềm bị hư hỏng toàn bộ do các nguyên nhân khác nhau, nhà cung cấp phải chứng minh được khả năng khôi phục hệ thống để có thể hoạt động bình thường trong thời gian không quá 24 giờ làm việc.

- Tất cả mọi người sử dụng hệ thống đều phải tuân thủ chặt chẽ cơ chế phân chia quyền sử dụng tùy theo nhu cầu và mục đích sử dụng.

- Khi mỗi người sử dụng (nhóm quản lý) muốn truy cập vào hệ thống thì hệ thống sẽ kiểm tra username sử dụng hệ thống và password tương ứng.

- Máy chủ tại trung tâm tích hợp dữ liệu được phân chia tách biệt các vùng dịch vụ, ứng dụng, ... đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành khai thác.

2.4.5.7 Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6

Hệ thống phần mềm tương thích và sẵn sàng với nền tảng mạng bảo mật theo tiêu chuẩn giao thức mạng IPv6.

2.4.5.8 Yêu cầu về môi trường cho phát triển, nâng cấp phần mềm

TT	Các hệ số tác động môi trường	Yêu cầu
1	Có áp dụng qui trình phát triển phần mềm	Yêu cầu số lượng nhân sự đáp ứng đạt: 50%
2	Kinh nghiệm về ứng dụng trong tự	Yêu cầu số lượng nhân sự đáp ứng đạt: 50%
3	Kinh nghiệm về hướng đối tượng	Yêu cầu ít nhất 50% thành viên nhóm phát triển có kinh nghiệm về hướng đối tượng.
4	Kinh nghiệm của trưởng nhóm lập trình	Yêu cầu trưởng nhóm lập trình đã có kinh nghiệm làm trưởng nhóm lập trình 4 dự án/nhiệm vụ.
5	Tính chủ động	Hàng tháng
6	Độ ổn định của các yêu cầu	Độ ổn định yêu cầu mức 3: Các yêu cầu hệ thống tương đối ổn định, có thể có dưới 10% số lượng Use case liên quan đến những yêu cầu nghiệp vụ cần phân tích, đặc tả cụ thể, chi tiết hơn.
7	Sử dụng các nhân viên làm bán thời gian	Không sử dụng nhân viên làm bán thời gian.
8	Kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ lập trình	Yêu cầu tất cả các thành viên trong nhóm lập trình có kinh nghiệm lập trình.

2.4.5.9 Các yêu cầu về độ phức tạp kỹ thuật - công nghệ của phần mềm

TT	Hệ số phức tạp công nghệ	Yêu cầu
1	Xử lý phân tán	Yêu cầu một lớp/thành phần của hệ thống tạo dữ liệu và truyền cho các lớp/thành phần khác của hệ thống để xử lý tự động (không cần con người can thiệp vào việc xử lý).
2	Mức độ quan trọng của hiệu năng	Có yêu cầu về hiệu năng nhưng không cụ thể.
3	Hiệu quả sử dụng cho người dùng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các phím chức năng được cài đặt sẵn (các phím tắt được gán cho các phím hoặc tổ hợp phím cho phép thực hiện tác vụ nào đó, như tổ hợp phím Alt+phím, Ctrl+phím,...); 2. Các ràng buộc đơn giản (ví dụ: tính hợp lệ của trường dữ liệu nhập vào, như dữ liệu kiểu số, dữ liệu ngày tháng,...) được kiểm tra ngay trên màn hình chức năng mà người dùng tương tác;; 3. Sử dụng nhiều màu sắc và hình ảnh nổi bật trong màn hình (hoặc việc sử dụng màu sắc, hình ảnh hoặc hình nền có tính chất tương phản cao để làm nổi bật nội dung); giao diện có nét tương đồng về mặt thiết kế so với các ứng dụng mà người dùng đang sử dụng (đưa ra cụ thể các yêu cầu về giao diện để chứng minh tính tương đồng với các ứng dụng đang sử dụng);

TT	Hệ số phức tạp công nghệ	Yêu cầu
		4. Tối thiểu hóa số lượng giao diện để đạt được các mục tiêu nghiệp vụ (yêu cầu cụ thể số lượng giao diện tối thiểu);
4	Độ phức tạp của xử lý bên trong	1. Yêu cầu kiểm soát dữ liệu và/hoặc xử lý bảo mật riêng;; 2. Yêu cầu xử lý lô-gic mở rộng: là các yêu cầu bổ sung thêm làm các chức năng hoàn thiện hơn (ví dụ: các xử lý kiểm tra tính hợp lý của dữ liệu nhập vào,...); 3. Yêu cầu có sử dụng công thức toán học: Yêu cầu sử dụng các công thức tính toán theo tỷ lệ, theo công thức định nghĩa trước hoặc theo các điều kiện dữ liệu khác nhau,...
5	Khả năng tái sử dụng mã nguồn	Không có yêu cầu về việc tái sử dụng mã nguồn.
6	Dễ cài đặt	Không có yêu cầu cài đặt.
7	Dễ vận hành	Việc vận hành hệ thống thực hiện đơn giản, không yêu cầu lập quy trình vận hành hệ thống.
8	Khả năng chuyển đổi	Có yêu cầu hệ thống vận hành được trên môi trường phần mềm hoặc phần cứng tương tự nhau.
9	Dễ dàng bảo trì	Có yêu cầu về việc chỉnh sửa hệ thống trong tương lai mà không cần lập trình lại từ đầu.
10	Xử lý đồng thời	Yêu cầu truy cập dữ liệu đồng thời nhưng không thường xuyên.
11	Mức độ hỗ trợ bảo mật	Yêu cầu bảo mật mức 3.
12	Sự phụ thuộc vào mã lệnh của bên thứ ba	Không sử dụng mã lệnh sẵn có để phát triển ứng dụng.
13	Mức độ hỗ trợ đào tạo người sử dụng	Không có yêu cầu hỗ trợ của hệ thống về đào tạo người sử dụng.

2.4.6 Các yêu cầu phi chức năng khác

** Yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi lô-gic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào*

- Dữ liệu được kiểm tra ngay thời điểm người dùng nhập dữ liệu vào ô nhập;
- Hiện thị thông báo ngay hoặc không cho nhập khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ;

- Các ô nhập phải hiển thị dấu thông báo ô nhập là bắt buộc hoặc tùy chọn nhập dữ liệu cho người dùng;

- Các ô nhập cần có định dạng của dữ liệu nhập chuyên biệt ví dụ: Ô nhập ngày tháng, Ô nhập số...;

- Thứ tự các ô nhập tuân theo logic của văn bản cần nhập, người dùng hoàn toàn có thể sử dụng bàn phím (không cần chuột) để di chuyển tới các ô nhập này;

- Các ô nhập hỗ trợ phím nóng để di chuyển nhanh tới ô nhập mong muốn;

- Đối với các ô nhập có dữ liệu cố định như: Danh mục, Ngày tháng, Danh sách cụ thể... hỗ trợ hiển thị danh sách để người dùng chọn mà không cần nhập.

*** Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình**

a) Hiệu suất: Hiệu năng liên quan đến tài nguyên được sử dụng trong các điều kiện xác định.

b) Tương thích: Giao diện được trình bày khoa học, hợp lý, thuận tiện cho người sử dụng và đảm bảo mỹ thuật hài hòa, giúp cho các thao tác nhập và khai thác, tra cứu dữ liệu được nhanh chóng. Giao diện cần đảm bảo tương đồng với giao diện hiện tại của hệ thống đảm bảo tính tương thích cho người sử dụng.

c) Tính khả dụng: Mức độ một hệ thống có thể hiểu được, học cách sử dụng được và làm hài lòng người sử dụng trong các trường hợp cụ thể.

d) Tính tin cậy: Mức độ một hệ thống thực hiện các chức năng với những tham số đầu vào xác định trong một khoảng thời gian xác định và trả lại kết quả chính xác trong phạm vi cho phép.

đ) An toàn thông tin: Mức độ hệ thống bảo vệ thông tin, dữ liệu đảm bảo các cá nhân, hệ thống khác có thể truy cập dữ liệu trong phạm vi được cho phép.

e) Duy trì được: Mức độ hiệu suất và hiệu quả mà một hệ thống hỗ trợ các chủ thể xác định thực hiện việc giữ cho hệ thống tiếp tục hoạt động ở trạng thái bình thường sau khi được bàn giao. Sự duy trì có thể bao gồm việc hiệu chỉnh, cải thiện và chỉnh sửa của phần mềm ứng dụng theo các yêu cầu của nghiệp vụ, yêu cầu hệ thống và đặc tả chức năng của hệ thống; việc cài đặt các bản cập nhật và nâng cấp phần mềm ứng dụng. Sự duy trì có thể được hiểu là khả năng các hệ thống tạo sự thuận lợi để các chủ thể thực hiện các hoạt động duy trì/sự hài lòng của những người thực hiện tác nghiệp duy trì hệ thống.

f) Các yêu cầu phi chức năng khác: Công cụ tìm kiếm, thống kê, xây dựng báo cáo; Lưu trữ: là tính đáp ứng của hệ thống đối với danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2.4.7 Yêu cầu về hạ tầng phần cứng

Stt	Máy chủ	Hệ điều hành	vCPU	vRam	Dung lượng lưu trữ	Số lượng	Ghi chú
1.	Database-Server	Windows Server	32 Core	64 Gb	500 Gb	2	
2.	Web-Server	Windows Server	16 Core	32 Gb	250 Gb	2	
3.	Gis server	Linux	16 Core	32 Gb	500 Gb	1	
4.	File-Server	Linux	16 Core	16 Gb	5000 Gb	1	Phụ thuộc dữ liệu số hóa

2.5 Tạo lập cơ sở dữ liệu

2.5.1 Yêu cầu về sản phẩm số hóa 3D

Sản phẩm dữ liệu số hóa phải đạt chất lượng cao, bảo đảm các mô hình 3D phản ánh chính xác từng yêu cầu của khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Các sản phẩm số hóa cần được tích hợp đầy đủ nội dung, trong đó mọi đặc điểm và chi tiết, kể cả nhỏ nhất, đều phải được ghi nhận, lưu trữ và gắn mã định danh (ID) cho từng nhà máy, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Mô hình 3D không gian phải thể hiện đầy đủ thông tin chi tiết về từng hạng mục công trình, bao gồm nhà xưởng, cơ sở sản xuất và các hạng mục thuộc khu, cụm công nghiệp.

Sản phẩm đầu ra có định dạng tệp **.jpg** hoặc **.png**, với độ phân giải tối thiểu **1920×1080**. Tùy theo yêu cầu của phần mềm đầu vào, dữ liệu đầu ra sẽ được kết xuất tương ứng để bảo đảm khả năng tích hợp và khai thác.

2.5.2 Quy trình số hóa 3D theo TCVN 12201:2018

Quy trình số hóa và tạo lập dữ liệu đặc tả cho đối tượng 3D được thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12201:2018, gồm các bước chính sau:

a. Lên kế hoạch

Mục tiêu: Xác định phạm vi, phương pháp và chuẩn kỹ thuật của hoạt động số hóa.

Nội dung thực hiện:

Lựa chọn công nghệ số hóa phù hợp (UAV LiDAR, quét laser mặt đất, photogrammetry...).

Xác định thông số kỹ thuật: độ phân giải, mật độ điểm, tần suất chụp, vùng phủ...

Kết quả: Hồ sơ kế hoạch số hóa 3D.

b. Chuẩn bị

Mục tiêu: Đảm bảo đầy đủ thiết bị, nhân lực và điều kiện hiện trường.

Nội dung:

Chuẩn bị thiết bị bay, máy quét 3D mặt đất, GPS, phần mềm điều khiển – xử lý dữ liệu.

Khảo sát hiện trường, chuẩn bị kỹ thuật viên và phương án triển khai.

Kết quả: Sẵn sàng dữ liệu đầu vào cho bước quét.

c. Thu nhận dữ liệu 3D (Quét dữ liệu)

Mục tiêu: Thu thập dữ liệu thô từ thực địa.

Nội dung: Bay chụp hoặc quét laser để thu nhận đám mây điểm (point cloud), ảnh số 3D; Thực hiện biên đổi dữ liệu theo chuẩn lưu trữ (3D Serialization).

Phân loại kỹ thuật:

Số hóa 3D trên không: sử dụng UAV để chụp/quét khu vực lớn.

Số hóa 3D dưới đất: sử dụng máy quét tĩnh/di động để ghi nhận chi tiết công trình, khu vực hẹp.

Kết quả: Bộ dữ liệu cơ bản 3D.

d. Xử lý dữ liệu 3D

Mục tiêu: Chuẩn hóa, tối ưu dữ liệu phục vụ hiển thị và lưu trữ.

Nội dung: Loại bỏ nhiễu, dựng bề mặt mô hình (meshing), tạo vật liệu – ánh xạ (texturing); Tối ưu dung lượng, hiệu năng hiển thị và tạo bản trình diễn (3D Rendering).

Kết quả: Mô hình 3D đã xử lý, sẵn sàng kiểm tra.

e. Kiểm tra dung sai và chất lượng

Mục tiêu: Kiểm soát độ chính xác của mô hình.

Nội dung: Đối chiếu mô hình với số liệu thực tế để đo sai lệch; Kiểm tra tính đầy đủ và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật.

Kết quả: Bộ dữ liệu đạt chuẩn sử dụng.

f. Lập chỉ mục và dữ liệu đặc tả

Mục tiêu: Gắn metadata để phục vụ tìm kiếm, quản lý và khai thác.

Nội dung: Xây dựng hệ thống chỉ mục theo vị trí, loại công trình, thời điểm số hóa...; Ghi nhận thông tin đặc tả kỹ thuật của từng đối tượng 3D.

Kết quả: Dữ liệu được mô tả và đánh chỉ mục đầy đủ.

g. Lưu trữ và quản lý dữ liệu

Mục tiêu: Bảo quản an toàn và cho phép khai thác lâu dài.

Nội dung: Lựa chọn định dạng lưu trữ (OBJ, PLY, glTF...); Tổ chức hệ thống quản lý có phân quyền, nhật ký truy cập và cơ chế kiểm soát chỉnh sửa.

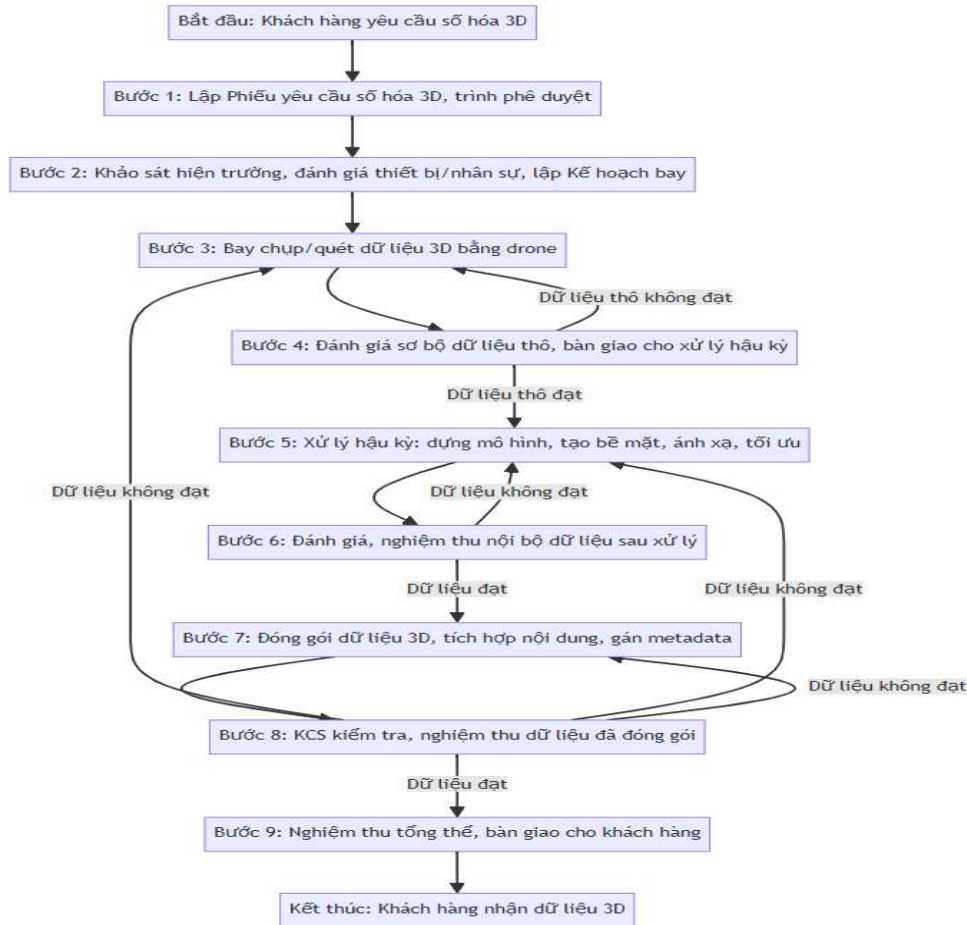
Kết quả: Dữ liệu được lưu trữ an toàn, dễ tra cứu, dễ khai thác.

2.5.3 Các hạng mục công việc trong số hóa 3D

STT	Hạng mục	Nội dung giải pháp – kỹ thuật
1	Số hóa 3D trên không	Sử dụng UAV tích hợp camera hoặc LiDAR để thu thập dữ liệu ở quy mô lớn. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng để tạo mô hình 3D chi tiết khu vực.
2	Số hóa 3D dưới đất	Sử dụng thiết bị quét mặt đất, quét laser tĩnh/di động để thu nhận dữ liệu chi tiết công trình, nhà máy, không gian hẹp; xử lý hậu kỳ để tạo mô hình chính xác phục vụ trình diễn ảo.
3	Điểm tương tác đa phương tiện	Thiết kế giao diện tương tác cho phép người dùng xem, xoay, phóng to mô hình 3D; tra cứu hình ảnh, tư liệu, nghe thuyết minh, xem video minh họa.
4	Phim 3D thực tế ảo (VR360)	Sử dụng thiết bị quay VR chuyên dụng để số hóa toàn cảnh 360°. Dữ liệu được dựng, biên tập theo kịch bản và trình chiếu qua ứng dụng web hoặc kính VR (Oculus, VR Board...).
5	Biên tập – thu âm thuyết minh tiếng Việt	Nội dung thuyết minh (khoảng 300 từ/trang A4) được biên tập bởi chuyên gia, thu âm bởi MC chuyên nghiệp, hậu kỳ âm thanh và lồng nhạc nền.
6	Dịch – thu âm thuyết minh tiếng Anh	Nội dung được chuyên gia tiếng Anh bản ngữ biên dịch và thu âm tại phòng thu, kết hợp hậu kỳ âm thanh và nhạc nền nhằm nâng cao trải nghiệm cho người xem.

2.5.3.1 Số hóa 3D không gian

a. Quy trình số hóa 3D trên không



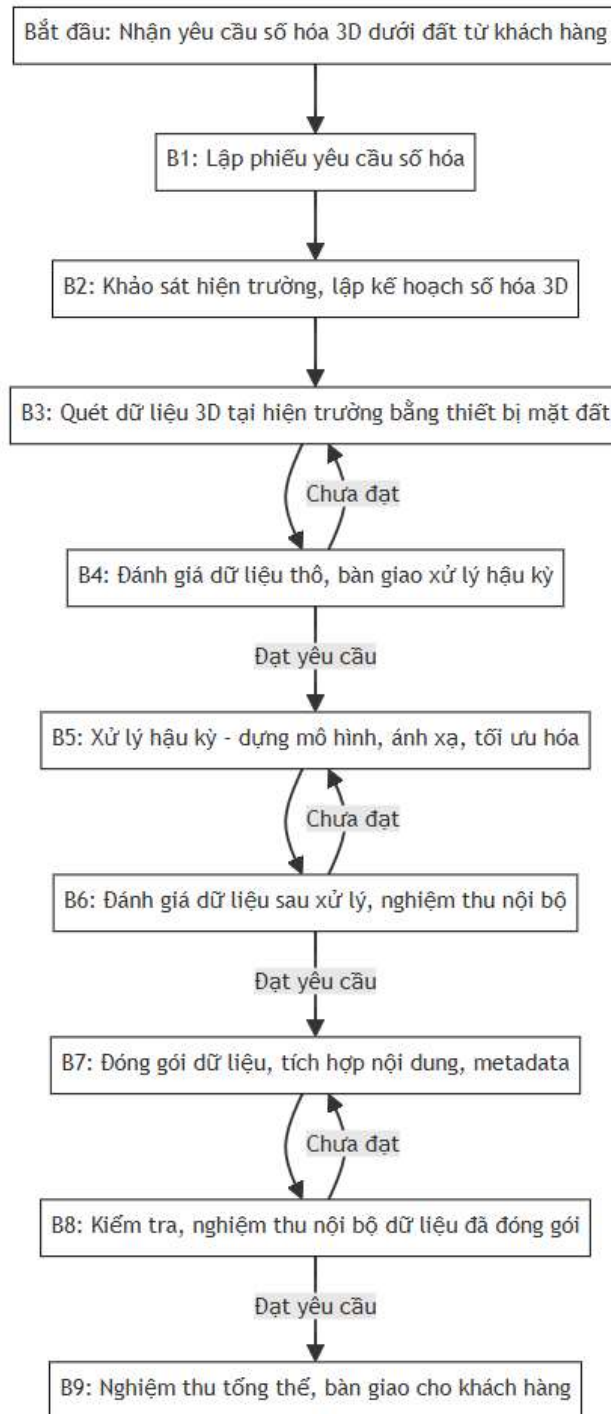
Mô tả quy trình:

Quy trình áp dụng cho việc số hóa không gian ngoài trời, khu vực rộng lớn bằng thiết bị bay không người lái (drone)

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Đơn vị thi công căn cứ yêu cầu số hóa 3D, lập Phiếu yêu cầu số hóa trình người có thẩm quyền phê duyệt	Sau khi có yêu cầu của khách hàng	Phiếu yêu cầu số hóa 3D
2	Bộ phận kỹ thuật bay khảo sát hiện trường, nghiên cứu phiếu yêu cầu, đánh giá mức độ sẵn sàng thiết bị, nhân sự, và phối hợp lập Kế hoạch bay và số hóa	Sau khi có phiếu yêu cầu	Kế hoạch thực hiện số hóa 3D
3	Triển khai bay chụp hoặc quét dữ liệu 3D bằng drone tại hiện trường theo kế hoạch được duyệt	Sau khi kế hoạch thực hiện được phê duyệt	Dữ liệu thô (ảnh hoặc point cloud)

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
4	Dữ liệu thô được đánh giá sơ bộ, bàn giao cho Bộ phận xử lý hậu kỳ	Sau khi hoàn thành bay chụp tại hiện trường	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu thô
4.1	Chuyển sang bước 5	Nếu dữ liệu thô đạt yêu cầu chất lượng	Biên bản nghiệm thu dữ liệu thô
4.2	Quay lại bước 3	Nếu dữ liệu chưa đạt yêu cầu, thực hiện bay lại	
5	Xử lý hậu kỳ dữ liệu: dựng mô hình, tạo bề mặt, ánh xạ chất liệu (meshing, texturing), tối ưu hóa dung lượng	Sau khi dữ liệu thô được nghiệm thu	Dữ liệu 3D đã xử lý
6	Dữ liệu sau xử lý được đánh giá, nghiệm thu nội bộ trước khi chuyển sang bước tích hợp nội dung, tương tác	Sau khi xử lý hậu kỳ	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu sau xử lý
6.1	Chuyển sang bước 7	Nếu dữ liệu đạt chất lượng	Biên bản nghiệm thu dữ liệu sau xử lý
6.2	Quay lại bước 5	Nếu dữ liệu chưa đạt, trả lại xử lý lại	
7	Đóng gói dữ liệu 3D theo định dạng quy định, tích hợp nội dung, gán metadata, chuẩn bị cho triển khai	Sau khi dữ liệu được xử lý đạt chất lượng	Phiếu yêu cầu đóng gói dữ liệu 3D
8	Bộ phận kiểm tra chất lượng (KCS) kiểm tra, nghiệm thu bộ dữ liệu đã đóng gói	Sau khi dữ liệu được đóng gói, tích hợp	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu 3D
8.1	Chuyển sang bước 9	Nếu dữ liệu đạt yêu cầu	Biên bản nghiệm thu nội bộ chất lượng dữ liệu 3D
8.2	Quay lại các bước cần thiết	Nếu chưa đạt yêu cầu	
9 (Kết thúc)	Sản phẩm hoàn thiện được nghiệm thu tổng thể, bàn giao cho khách hàng quản lý, sử dụng	Sau khi đạt nghiệm thu nội bộ	Biên bản nghiệm thu kỹ thuật tổng thể; Biên bản bàn giao dữ liệu đã số hóa

b. Quy trình số hóa 3D dưới đất



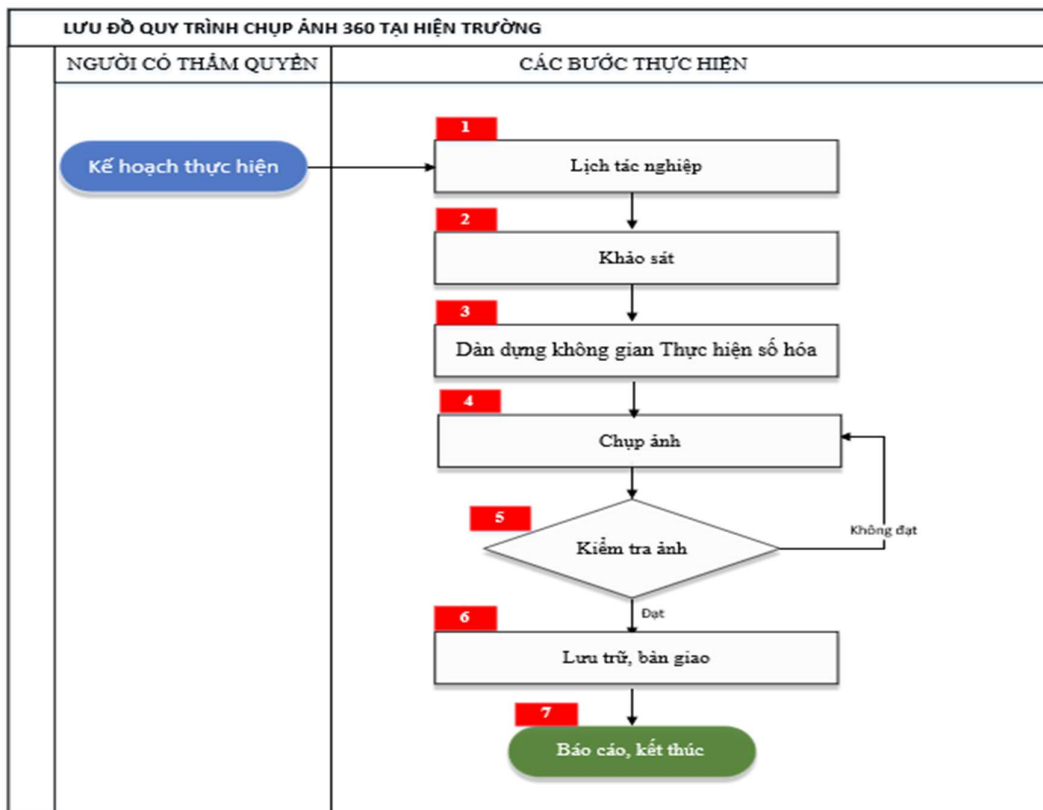
Mô tả quy trình:

Áp dụng cho không gian, hiện vật hoặc công trình cần quét 3D tại chỗ bằng thiết bị mặt đất

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Đơn vị thi công căn cứ yêu cầu số hóa 3D, lập Phiếu yêu cầu số hóa trình người có thẩm quyền phê duyệt	Sau khi có yêu cầu của khách hàng	Phiếu yêu cầu số hóa 3D
2	Bộ phận kỹ thuật khảo sát hiện trường, nghiên cứu phiếu yêu cầu, đánh giá mức độ sẵn sàng của thiết bị, nhân sự, lập kế hoạch số hóa 3D dưới đất	Sau khi có phiếu yêu cầu	Kế hoạch thực hiện số hóa 3D
3	Triển khai quét dữ liệu 3D dưới đất tại hiện trường bằng máy quét laser tĩnh hoặc di động (hoặc các thiết bị tương đương) theo kế hoạch	Sau khi kế hoạch được duyệt	Dữ liệu thô (point cloud, ảnh chụp kết hợp)
4	Dữ liệu thô được đánh giá sơ bộ, bàn giao cho Bộ phận xử lý hậu kỳ	Sau khi hoàn thành quét dữ liệu tại hiện trường	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu thô
4.1	Chuyển sang bước 5	Nếu dữ liệu đạt yêu cầu chất lượng	Biên bản nghiệm thu dữ liệu thô
4.2	Quay lại bước 3	Nếu dữ liệu chưa đạt yêu cầu, thực hiện quét lại	
5	Xử lý hậu kỳ dữ liệu: dựng mô hình 3D, tạo bề mặt (meshing), ánh xạ vật liệu (texturing), tối ưu hóa dung lượng, xử lý ánh sáng	Sau khi dữ liệu thô được nghiệm thu	Dữ liệu 3D đã xử lý
6	Dữ liệu sau xử lý được đánh giá, nghiệm thu nội bộ trước khi chuyển sang bước tích hợp nội dung, tương tác	Sau khi xử lý hậu kỳ	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu sau xử lý
6.1	Chuyển sang bước 7	Nếu dữ liệu đạt chất lượng	Biên bản nghiệm thu dữ liệu sau xử lý
6.2	Quay lại bước 5	Nếu dữ liệu chưa đạt, trả lại cho bộ phận hậu kỳ xử lý lại	
7	Đóng gói dữ liệu 3D theo định dạng quy định, gán metadata, tích hợp nội dung tương tác hoặc thuyết minh nếu có	Sau khi dữ liệu đạt chất lượng	Phiếu yêu cầu đóng gói dữ liệu 3D

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
8	Bộ phận kiểm tra chất lượng (KCS) kiểm tra, nghiệm thu bộ dữ liệu đã đóng gói	Sau khi dữ liệu được đóng gói	Phiếu đề nghị nghiệm thu dữ liệu 3D
8.1	Chuyển sang bước 9	Nếu dữ liệu đạt yêu cầu	Biên bản nghiệm thu nội bộ chất lượng dữ liệu 3D
8.2	Quay lại các bước cần thiết	Nếu dữ liệu không đạt yêu cầu	
9 (Kết thúc)	Sản phẩm hoàn thiện được nghiệm thu tổng thể, bàn giao cho khách hàng quản lý, sử dụng	Sau khi đạt nghiệm thu nội bộ	Biên bản nghiệm thu kỹ thuật tổng thể; Biên bản bàn giao dữ liệu đã số hóa

c. Quy trình chụp ảnh 360 tại hiện trường

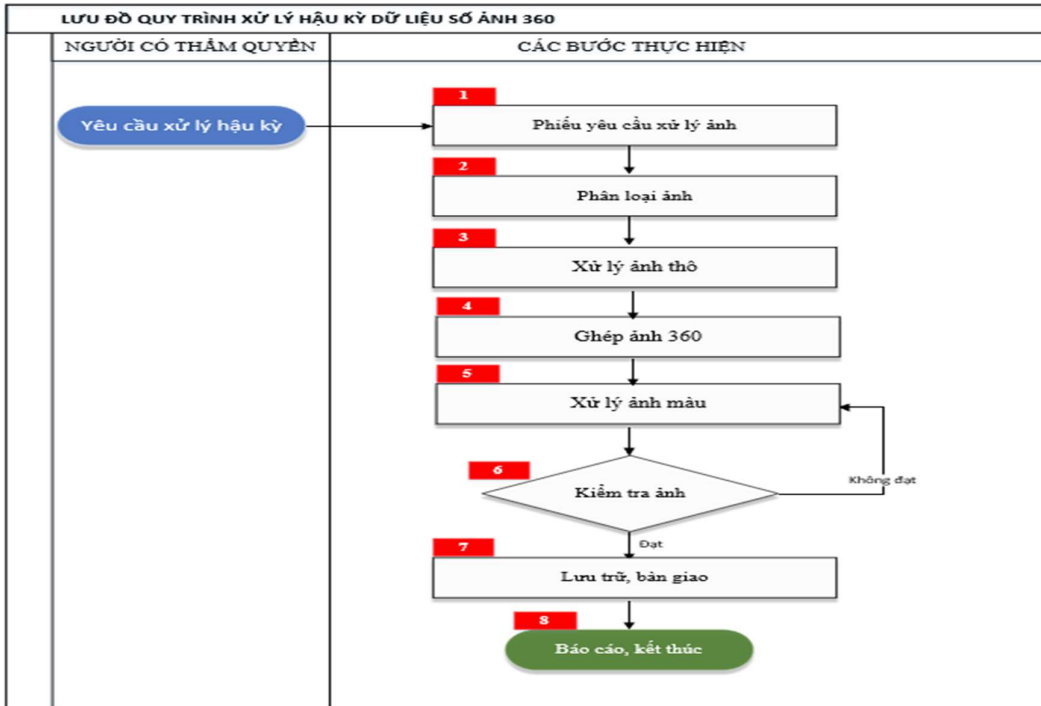


Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận chụp ảnh 360 căn cứ vào yêu cầu tại kế hoạch thực hiện để tiến hành khảo sát, lập lịch trình tác nghiệp tại	Sau khi kế hoạch thực hiện được phê duyệt	Lịch tác nghiệp, phân công nhân sự;

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
	hiện trường và dự kiến nhân sự, trang thiết bị thực hiện, công văn và giấy tờ liên quan		Chuẩn bị trang thiết bị.
2	Khi có mặt tại vị trí cần chụp theo lịch trình tác nghiệp, Bộ phận chụp ảnh 360 tiến hành khảo sát không gian, bối cảnh cần chụp ảnh.	Khi tới hiện trường	
3	Sau khi lựa chọn xong bối cảnh sẽ thực hiện chụp ảnh 360, Bộ phận chụp ảnh tiến hành dàn dựng môi trường không gian (Mặt bằng, ánh sáng...), lắp đặt, cài đặt các thiết bị cần thiết để tác nghiệp	Sau khi khảo sát, lựa chọn bối cảnh	
4	Bộ phận chụp ảnh 360 tiến hành chụp ảnh theo kịch bản yêu cầu	Sau khi dàn dựng môi trường không gian số hóa, lắp đặt, cài đặt đầy đủ các trang thiết bị	Ảnh 360 thô
5	Bộ phận chụp ảnh 360 kiểm tra ảnh đã chụp được để đảm bảo ảnh không bị lỗi	Sau khi chụp ảnh xong tại mỗi điểm hoặc toàn bộ các điểm trong từng ngày	
5.1	Chuyển sang bước 6	Nếu toàn bộ ảnh thô chụp được đáp ứng yêu cầu	
5.2	Quay về thực hiện bước 4	Nếu ảnh thô nào chưa đạt yêu cầu thì Bộ phận chụp ảnh 360 tiến hành chụp lại.	
6	Lưu trữ ảnh đã chụp từ máy ảnh vào máy tính và bàn giao cho bộ phận xử lý ảnh	Sau khi ảnh thô chụp tại hiện trường được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản bàn giao ảnh thô
7 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi ảnh được lưu trữ	Nhật ký và báo cáo công việc

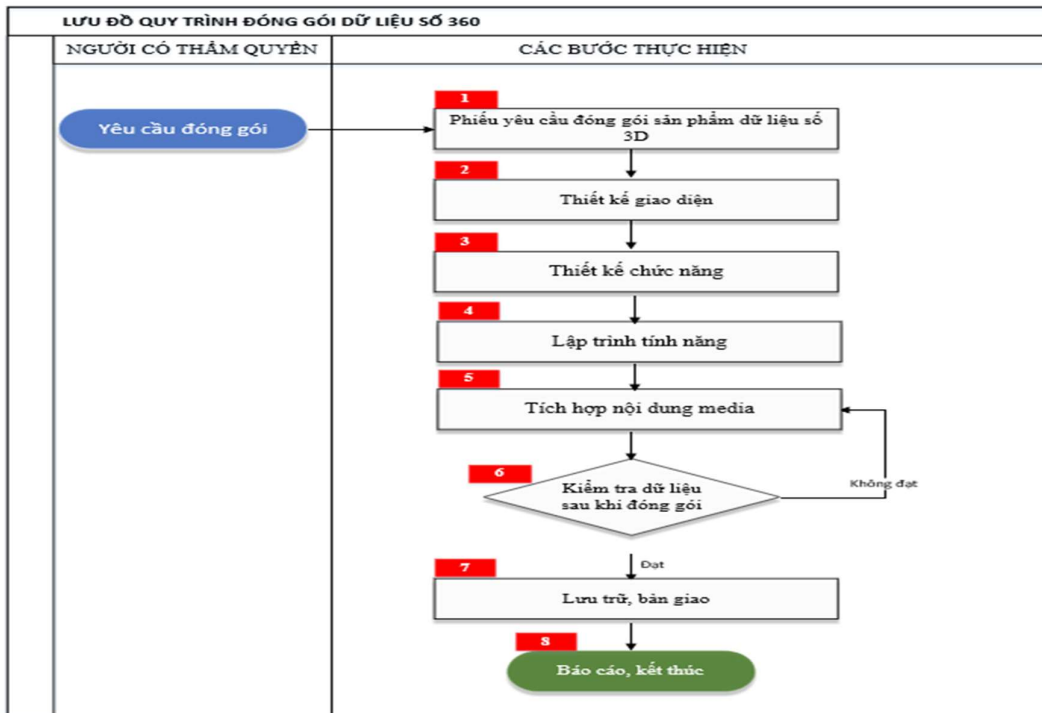
d. Quy trình xử lý hậu kỳ dữ liệu số ảnh 360



Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận xử lý ảnh căn cứ vào yêu cầu của người có thẩm quyền lập phiếu yêu cầu xử lý ảnh	Sau khi có yêu cầu xử lý ảnh	Phiếu yêu cầu xử lý ảnh
2	Bộ phận xử lý ảnh tiến hành phân loại ảnh chụp tại hiện trường vào các khu vực riêng trên máy tính	Sau khi phiếu yêu cầu xử lý ảnh được duyệt	Ảnh thô được phân loại
3	Bộ phận xử lý ảnh tiến hành xử lý ảnh thô (ảnh âm bản) thành định dạng có thể ghép thành dữ liệu số 360	Sau khi phân loại ảnh	
4	Bộ phận xử lý ảnh tiến hành ghép ảnh rời thành Dữ liệu số 360	Sau khi ảnh thô rời đã được xử lý	Dữ liệu số 360
5	Bộ phận xử lý ảnh tiến hành xử lý màu sắc dữ liệu số 360 đã được ghép	Sau khi ghép ảnh rời thành dữ liệu số 360	Dữ liệu số 360 được xử lý hoàn thiện
6	Bộ phận xử lý ảnh tiến hành kiểm tra dữ liệu số 360 sau khi đã được xử lý màu sắc	Sau khi dữ liệu số 360 được xử lý hoàn thiện	
6.1	Chuyển sang bước 7	Nếu toàn bộ ảnh sau khi xử lý đáp ứng yêu cầu	
6.2	Quay về thực hiện bước 5	Nếu ảnh nào sau khi xử lý chưa đáp ứng yêu cầu	
7	Lưu trữ ảnh đã xử lý, bàn giao cho bộ phận IT	Sau khi dữ liệu số 360 sau xử lý được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản nghiệm thu và bàn giao ảnh sau xử lý hậu kỳ
8 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi dữ liệu số 360 được lưu trữ	Báo cáo công việc

e. Quy trình đóng gói dữ liệu số ảnh 360



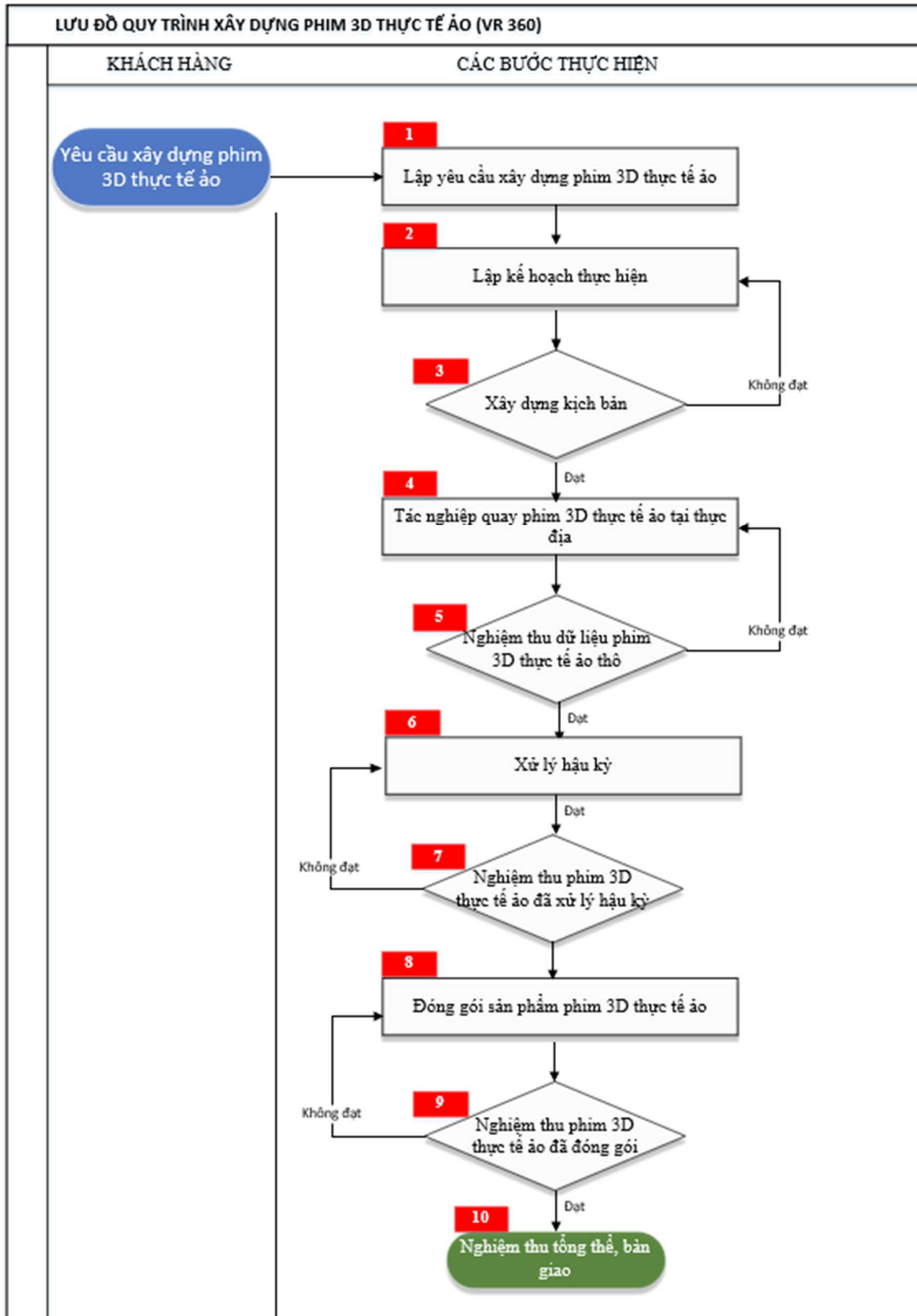
Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận IT căn cứ vào yêu cầu đóng gói của người cố thẩm quyền lập phiếu yêu cầu biên tập, đóng gói để thông qua các nội dung triển khai công việc	Sau khi có yêu cầu đóng gói ảnh	Phiếu yêu cầu đóng gói ảnh
2	Bộ phận IT tiến hành thiết kế giao diện dữ liệu theo yêu cầu biên tập, đóng gói	Sau khi phiếu yêu cầu biên tập, đóng gói được duyệt	Dữ liệu được thiết kế giao diện
3	Bộ phận IT tiến hành thiết kế chức năng dữ liệu theo yêu cầu biên tập, đóng gói	Sau khi thiết kế xong giao diện dữ liệu	Dữ liệu được thiết kế chức năng
4	Bộ phận IT lập trình, đóng gói dữ liệu: + Xây dựng Mô-đun hiển thị tương tác 3D + Thu thập và số hóa thông tin tư liệu số	Sau khi thiết kế xong giao diện và chức năng	Lập trình dữ liệu (Sản phẩm số hóa phải được mô tả đầy đủ các thông tin chi tiết để phục vụ công tác quản lý và khai thác dữ liệu)
5	Bộ phận IT tích hợp nội dung media (nếu có)	Sau khi lập trình xong dữ liệu và bộ phận nội dung bàn giao dữ liệu media	Dữ liệu được đóng gói
6	Bộ phận IT tiến hành kiểm tra dữ liệu sau khi được đóng gói, tích hợp nội dung media	Sau khi số hóa, tích hợp nội dung media	

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
6.1	Chuyển sang bước 7	Nếu toàn bộ dữ liệu sau khi đóng gói đáp ứng yêu cầu	
6.2	Quay về thực hiện bước 5	Nếu còn dữ liệu nào sau khi số hóa chưa đáp ứng yêu cầu	
6	Lưu trữ dữ liệu đã đóng gói, bàn giao cho bộ phận quản lý	Sau khi dữ liệu đóng gói được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản nghiệm thu, bàn giao dữ liệu được đóng gói
7 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi dữ liệu được lưu trữ	Báo cáo công việc

2.5.3.2 Xây dựng phim 3D thực tế ảo (VR360)

a. Quy trình xây dựng phim 3D thực tế ảo (VR360)

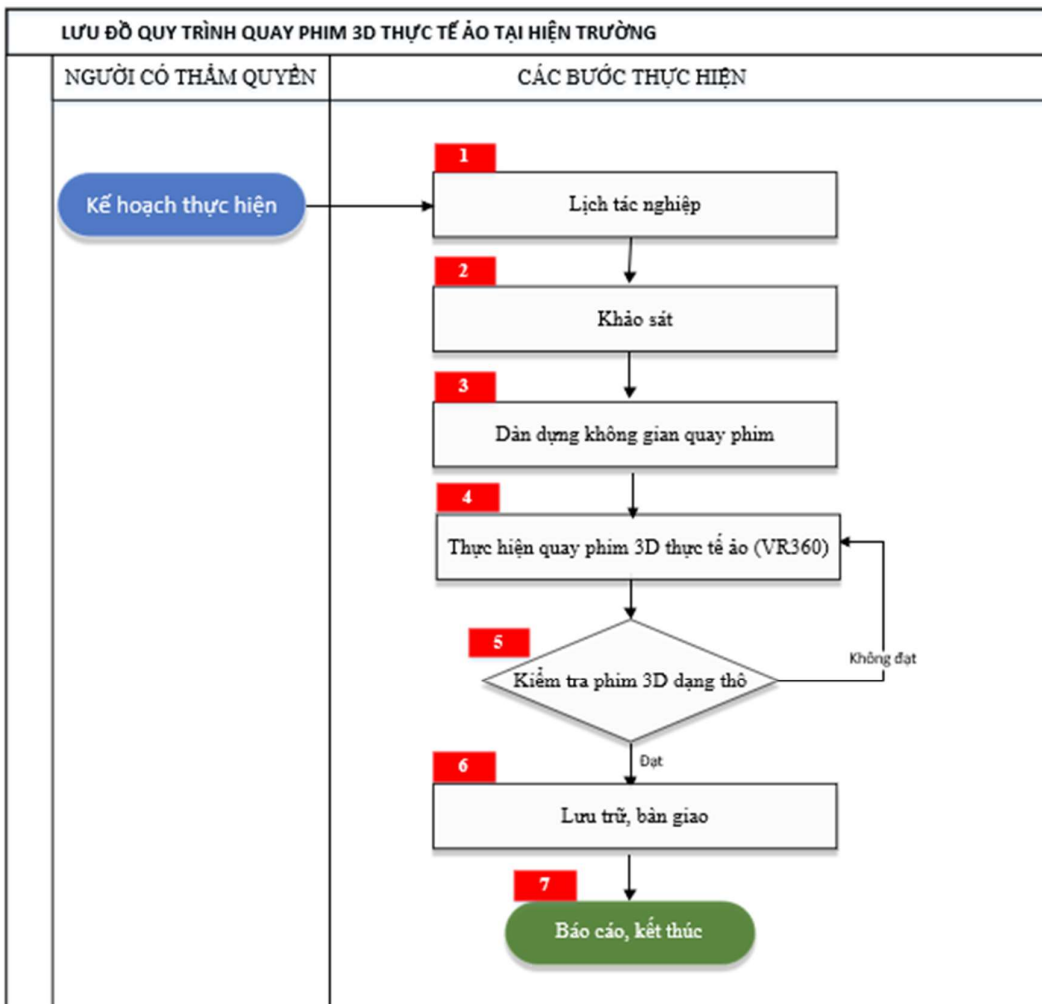


Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Đơn vị thi công căn cứ yêu cầu của khách hàng, lập Phiếu yêu cầu xây dựng phim 3D thực tế ảo trình người có thẩm quyền phê duyệt	Sau khi có yêu cầu của khách hàng	Phiếu yêu cầu xây dựng phim 3D thực tế ảo
2	Bộ phận quay phim nghiên cứu phiếu yêu cầu, đánh giá mức độ sẵn sàng của nhân sự kỹ thuật, phối hợp với các bộ phận liên quan lập kế hoạch triển khai, hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện	Sau khi có phiếu yêu cầu xây dựng phim 3D thực tế ảo	Kế hoạch thực hiện
3	Chuyên gia nội dung xây dựng kịch bản	Sau khi kế hoạch thực hiện được phê duyệt	Nội dung kịch bản
4	Bộ phận quay phim căn cứ kế hoạch thực hiện được duyệt triển khai tác nghiệp tại hiện trường	Sau khi kịch bản được phê duyệt	Dữ liệu phim 3D thô
5	Dữ liệu quay phim thu được tại hiện trường được đánh giá, bàn giao cho Bộ phận Xử lý hậu kỳ	Sau khi thực hiện quay phim 3D thực tế ảo tại hiện trường	
5.1	Chuyển sang thực hiện bước 6	Nếu dữ liệu thô được đánh giá đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản bàn giao, nghiệm thu dữ liệu thô
5.2	Quay về thực hiện bước 4	Nếu dữ liệu thô nào chưa đạt yêu cầu thì Bộ phận quay phim thực hiện lại	
6	Xử lý hậu kỳ dữ liệu phim 3D thực tế ảo	Sau khi dữ liệu thô được bàn giao	
7	Dữ liệu phim 3D thô sau khi được xử lý hậu kỳ sẽ được đánh giá trước khi bàn giao cho bộ phận IT để đóng gói dữ liệu	Sau khi xử lý hậu kỳ phim 3D thực tế ảo	
7.1	Chuyển sang thực hiện bước 8	Nếu phim 3D thực tế ảo được đánh giá đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản bàn giao, nghiệm thu phim 3D thực tế ảo
7.2	Quay về thực hiện bước 6	Nếu phim 3D thực tế ảo nào chưa đạt yêu cầu sẽ được trả lại cho Bộ phận xử lý hậu kỳ	
8	Đóng gói phim 3D thực tế ảo	Sau khi phim 3D thực tế ảo đạt chất lượng	Phiếu yêu cầu đóng gói phim 3D thực tế ảo
9	Bộ phận kiểm tra nội bộ (KCS) có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu phim 3D thực tế ảo sau khi được đóng gói.	Sau khi phim 3D thực tế ảo được đóng gói, lồng ghép nội dung	Phiếu đề nghị nghiệm thu phim 3D thực tế ảo
9.1	Chuyển thực hiện bước 10	Nếu toàn bộ phim 3D thực tế ảo được	Biên bản nghiệm thu nội bộ chất

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
		đánh giá đáp ứng yêu cầu	lượng phim 3D thực tế ảo
9.2	Chuyển thực hiện lại các bước cần thiết nêu trên	Phim 3D thực tế ảo nào không đáp ứng được yêu cầu sẽ được xử lý, hoàn thiện lại	
10 (Kết thúc)	Sản phẩm hoàn thiện sau khi được nghiệm thu nội bộ sẽ được nghiệm thu tổng thể, bàn giao cho KHÁCH HÀNG quản lý, sử dụng.	Sau khi phim 3D thực tế ảo được đánh giá nội bộ đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản nghiệm thu kỹ thuật tổng thể. Biên bản bàn giao phim 3D thực tế ảo

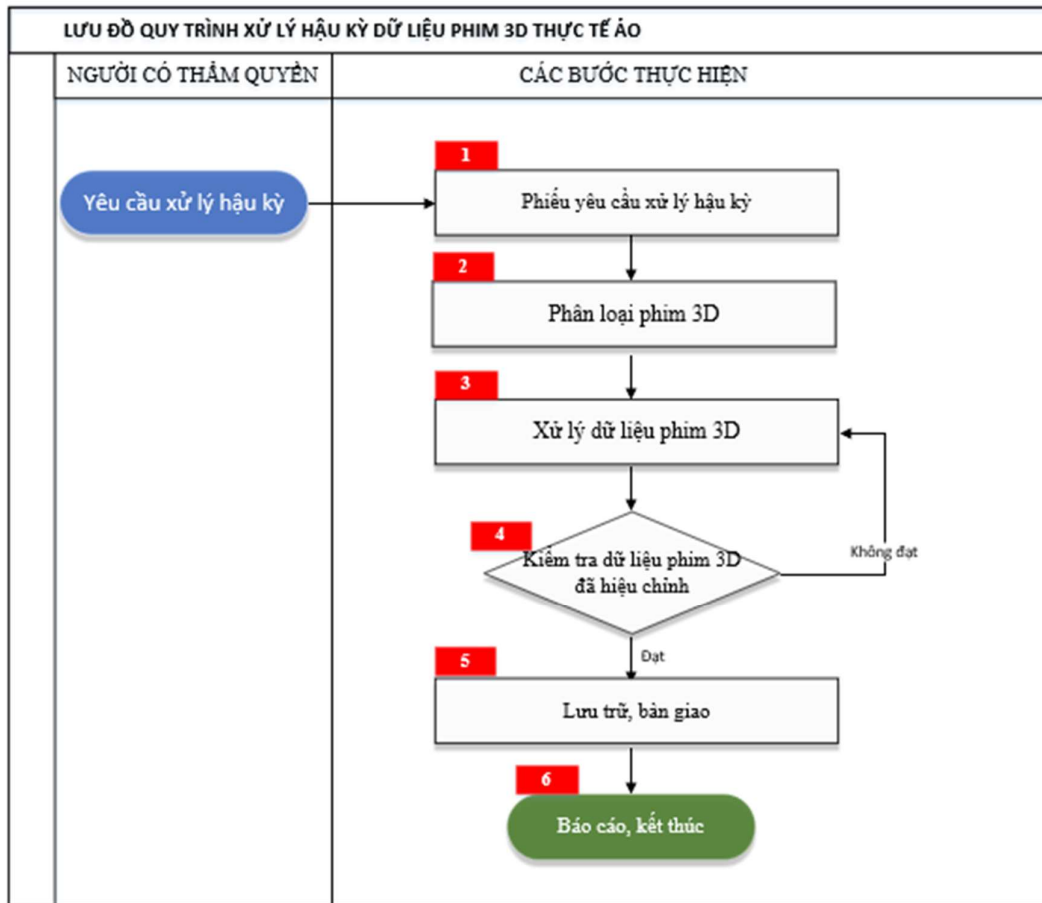
b. Quy trình quay phim 3D thực tế ảo tại hiện trường



Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận quay phim căn cứ vào kế hoạch thực hiện để tiến hành khảo sát, lập lịch trình tác nghiệp tại hiện trường và dự kiến nhân sự, trang thiết bị thực hiện, công văn và giấy tờ liên quan	Sau khi kế hoạch thực hiện được phê duyệt	Lịch tác nghiệp và phân công nhân sự; Chuẩn bị trang thiết bị
2	Khi có mặt tại vị trí cần quay phim theo lịch trình tác nghiệp, Bộ phận quay phim tiến hành khảo sát không gian, bối cảnh cần quay	Khi tới hiện trường	
3	Sau khi lựa chọn xong bối cảnh, Bộ phận quay phim tiến hành dàn dựng môi trường không gian quay phim 3D thực tế ảo (Mặt bằng, ánh sáng...), lắp đặt, cài đặt các thiết bị cần thiết để tác nghiệp (máy quay phim, máy ảnh 360...)	Sau khi khảo sát, lựa chọn bối cảnh	
4	Bộ phận quay phim tiến hành quay phim 3D thực tế ảo theo kịch bản yêu cầu	Sau khi dàn dựng môi trường không gian quay phim, lắp đặt, cài đặt đầy đủ các trang thiết bị	Phim 3D thô
5	Bộ phận quay phim kiểm tra phim đã quay được để đảm bảo dữ liệu không bị lỗi	Sau khi quay phim xong tại mỗi điểm hoặc toàn bộ các điểm trong từng ngày	
5.1	Chuyển sang bước 6	Nếu toàn bộ dữ liệu phim 3D thô đáp ứng yêu cầu	Phiếu đề nghị nghiệm thu phim 3D thô
5.2	Quay về thực hiện bước 4	Nếu dữ liệu phim 3D thô nào chưa đạt yêu cầu thì Bộ phận quay phim tiến hành quay lại	
6	Lưu trữ dữ liệu phim 3D đã quay vào máy tính và bàn giao cho Bộ phận Xử lý hậu trường	Sau khi dữ liệu phim 3D thô tại hiện trường được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản bàn giao dữ liệu phim 3D thô
7 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi dữ liệu phim 3D thô được lưu trữ	Báo cáo công việc

c. Quy trình xử lý hậu kỳ dữ liệu phim 3D thực tế ảo

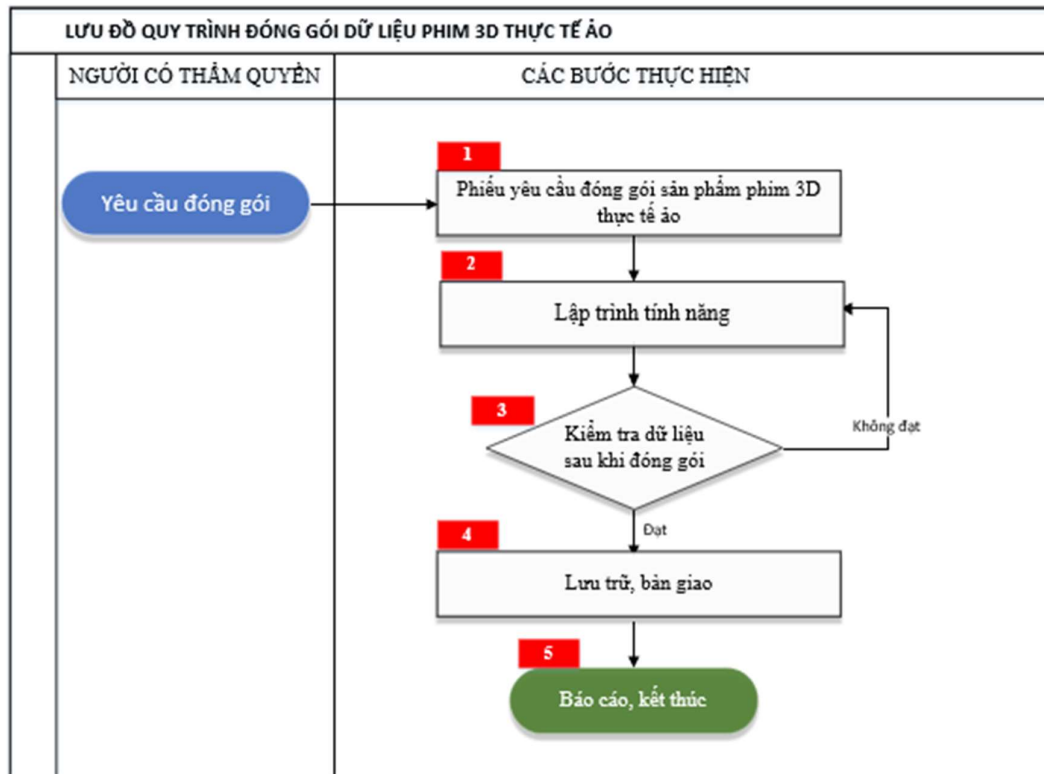


Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận xử lý hậu kỳ căn cứ vào yêu cầu của người có thẩm quyền lập phiếu yêu cầu xử lý phim 3D thực tế ảo để thông qua các nội dung công việc triển khai	Sau khi có yêu cầu của người có thẩm quyền	Phiếu yêu cầu xử lý hậu kỳ phim 3D thực tế ảo
2	Bộ phận xử lý hậu kỳ tiến hành phân loại phim 3D thô vào các khu vực riêng trên máy tính	Sau khi phiếu yêu cầu xử lý hậu kỳ phim 3D thực tế ảo được duyệt	Phiếu yêu cầu xử lý hậu kỳ phim 3D thực tế ảo
3	Bộ phận xử lý hậu kỳ sử dụng máy tính và các phần mềm để chỉnh sửa nội dung, hình ảnh, âm thanh, ánh sáng phù hợp, ăn khớp, thống nhất với nhau, biên tập lồng phụ đề tiếng Anh và ghép vào không gian tham quan 3D tạo ra những kỹ xảo đẹp mắt, hấp dẫn trên màn hình, đồng thời cắt	Sau khi phân loại phim 3D thực tế ảo	Phim 3D thực tế ảo được xử lý hậu kỳ

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
	ghép những phân cảnh không phù hợp, tạo ra sự cân xứng của một thước phim		
4	Bộ phận xử lý hậu kỳ tiến hành kiểm tra phim 3D thực tế ảo sau khi đã được xử lý	Sau khi phim 3D thực tế ảo được xử lý hoàn thiện	
4.1	Chuyển sang bước 5	Nếu toàn bộ phim 3D thực tế ảo sau khi xử lý đáp ứng yêu cầu	Phiếu yêu cầu nghiệm thu phim 3D thực tế ảo đã xử lý hậu kỳ
4.2	Quay về thực hiện bước 3	Nếu còn phim 3D nào sau khi xử lý chưa đáp ứng yêu cầu	
5	Lưu trữ phim 3D đã xử lý, bàn giao cho bộ phận IT	Sau khi phim 3D thực tế ảo sau xử lý được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản nghiệm thu và bàn giao phim 3D thực tế ảo hoàn chỉnh
6 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi phim 3D thực tế ảo được lưu trữ	Báo cáo công việc

d. Quy trình đóng gói dữ liệu phim 3D thực tế ảo



Mô tả quy trình

Bước	Nội dung thực hiện	Thời gian/điều kiện thực hiện	Sản phẩm/Ghi chú
1	Bộ phận IT căn cứ vào yêu cầu của người có thẩm quyền lập phiếu yêu cầu đóng gói để thông qua các nội dung công việc triển khai	Sau khi có yêu cầu của người có thẩm quyền	Phiếu yêu cầu đóng gói phim 3D thực tế ảo
2	Bộ phận IT tiến hành lập trình các tính năng theo yêu cầu đóng gói (các tính năng cho phép du khách trải nghiệm xem VR360 qua ứng dụng kết nối Internet hoặc trải nghiệm, tương tác trên thiết bị kính thực tế một cách sống động chân thực nhất)	Sau khi phiếu yêu cầu đóng gói được duyệt	
3	Bộ phận IT tiến hành kiểm tra dữ liệu đóng gói	Sau khi lập trình các tính năng	
3.1	Chuyển sang bước 4	Nếu toàn bộ phim 3D thực tế ảo đóng gói đáp ứng yêu cầu	Phiếu yêu cầu nghiệm thu đóng gói phim 3D thực tế ảo
3.2	Quay về thực hiện bước 2	Nếu còn phim 3D thực tế ảo nào chưa đáp ứng yêu cầu	
4	Lưu trữ dữ liệu đã đóng gói, bàn giao cho bộ phận quản lý	Sau khi phim 3D thực tế ảo đóng gói được kiểm tra đạt chất lượng yêu cầu	Biên bản bàn giao phim 3D thực tế ảo được đóng gói
5 (Kết thúc)	Thực hiện báo cáo công việc và kết thúc	Sau khi dữ liệu được lưu trữ	Báo cáo công việc

2.5.4 Yêu cầu kết quả cần đạt được hạng mục số hóa bản đồ 3D

Bộ dữ liệu GIS được xây dựng gắn kết chặt chẽ với các nội dung media 3D và VR360 (video 3D, ảnh 360, video 360) cho từng khu, cụm công nghiệp và các nhà máy, cơ sở tiêu biểu. Toàn bộ dữ liệu được liên kết trực tiếp với vị trí không gian trên bản đồ số, bao gồm tọa độ, khu vực, ranh giới, phân khu chức năng và các thông tin liên quan.

Hệ thống tour tham quan ảo VR360 được thiết lập theo dạng chuỗi điểm nhìn, tuyến di chuyển và các điểm thông tin (hotspot), áp dụng cho khoảng 30–50 nhà máy hoặc khu công nghiệp. Các tour này được cấu hình sẵn, tích hợp với hệ thống bản đồ và phần mềm quản lý, cho phép nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp trải nghiệm trực quan, tra cứu thông tin mà không cần đăng nhập.

Bên cạnh đó, xây dựng bộ cấu trúc dữ liệu CSDL GIS phục vụ tour VR360, bao gồm các lớp dữ liệu như: điểm chụp 360, tuyến tour, nhóm tour theo từng khu công nghiệp hoặc nhà máy, cùng các liên kết đến hồ sơ doanh nghiệp và dự án

liên quan. Bộ dữ liệu này tạo nền tảng cho việc quản lý, cập nhật và khai thác tour VR360 một cách đồng bộ và hiệu quả.

Một số hình ảnh minh họa cho kết quả của sản phẩm sau khi hoàn thành:







2.5.5 Yêu cầu đối với số hóa văn bản

Số hóa dữ liệu từ năm 2025 trở về trước để tạo lập CSDL đưa vào hệ thống bao gồm:

+ Số hóa dữ liệu của KCN

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Số hóa tài liệu khổ giấy A4	<i>Trang A4</i>	37,900
2	Nhập dữ liệu		
2.1	Trường thông tin nhập không quá 15 ký tự ($n < 15$)	<i>Trường</i>	530,100
2.2	Trường thông tin nhập từ 15 đến không quá 50 ký tự ($15 < n < 50$)	<i>Trường</i>	32,500
2.3	Trường thông tin nhập trên 50 ký tự ($n > 50$)	<i>Trường</i>	105,600

+ Số hóa dữ liệu của KKT

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Số hóa tài liệu khổ giấy A4	<i>Trang A4</i>	34,800
2	Nhập dữ liệu		
2.1	Trường thông tin nhập không quá 15 ký tự ($n < 15$)	<i>Trường</i>	530,100
2.2	Trường thông tin nhập từ 15 đến không quá 50 ký tự ($15 < n < 50$)	<i>Trường</i>	32,500
2.3	Trường thông tin nhập trên 50 ký tự ($n > 50$)	<i>Trường</i>	105,600

+ Số khóa dữ liệu các CCN

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Số hóa tài liệu khổ giấy A4	<i>Trang A4</i>	33,800
2	Nhập dữ liệu		
2.1	Trường thông tin nhập không quá 15 ký tự ($n < 15$)	<i>Trường</i>	473,200
2.2	Trường thông tin nhập từ 15 đến không quá 50 ký tự ($15 < n < 50$)	<i>Trường</i>	29,000
2.3	Trường thông tin nhập trên 50 ký tự ($n > 50$)	<i>Trường</i>	94,200

Quy trình thực hiện số hóa tài liệu

Bước 1. Chuẩn bị tài liệu

a) Lựa chọn tài liệu

Việc lựa chọn tài liệu thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức. Lựa chọn tài liệu theo thứ tự ưu tiên gồm: Giá trị thông tin, tình trạng vật lý, tần suất khai thác tài liệu (trong đó giá trị thông tin là yếu tố quyết định, tình trạng vật lý và tần suất khai thác tài liệu là yếu tố bổ sung).

b) Giao nhận tài liệu giữa bộ phận lưu trữ và bộ phận số hoá tài liệu theo quy định của cơ quan, tổ chức.

Khi giao nhận phải:

- Kiểm đếm số lượng hồ sơ, số lượng tài liệu, số lượng tờ, số lượng trang trong từng hồ sơ;
- Lập Biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu kèm Danh mục thống kê số lượng tài liệu (gồm các thông tin: Hồ sơ, số đơn vị bảo quản, số tài liệu, số tờ, số trang).

c) Xử lý tài liệu trước khi số hoá

- Căn cứ tình trạng vật lý của tài liệu, có thể phải xử lý tài liệu trước khi số hoá như: Bóc, tách từng tờ tài liệu nếu tài liệu được đóng quyển; loại bỏ ghim, kẹp (nếu có);
- Làm phẳng khi tài liệu bị nhăn, gấp nếp hoặc phục chế nếu có khi tài liệu có tình trạng vật lý kém (cháy xém, rách nát, hư hỏng nặng, mốc, mờ chữ, mối mọt, ghim sắt gỉ lâu ngày, giấy ố vàng, tài liệu bị nhiễm axit nặng).

Bước 2. Thực hiện số hoá

a) Công tác chuẩn bị

- Vệ sinh máy quét bằng cồn và giẻ sạch.
- Kiểm tra nguồn điện, bật thiết bị lưu điện, bật máy quét, máy tính.

b) Số hoá tài liệu

Yêu cầu quét:

- Quét lần lượt từng trang tài liệu theo thứ tự trong hồ sơ (theo chiều đứng của chữ), không xáo trộn trật tự sắp xếp trong tài liệu;
- Đối với tài liệu có tình trạng vật lý tốt, đặt tài liệu trong máy quét cuộn (hay máy quét cuộn - Sheet feed scanner) để máy tự động quét.
- Đối với tài liệu có kích thước không đồng đều, mỏng, giòn dễ rách, đặt nằm từng trang tài liệu trong máy quét phẳng (hay máy quét tĩnh - Flatbed scanner) để quét;
- Đối với tài liệu có kích cỡ vượt quá khổ: Nếu không có máy quét tương ứng với khổ tài liệu có thể sử dụng máy quét phẳng khổ A4 (hoặc A3 nếu có) và chia tài liệu gốc thành từng phần A4 (hoặc A3 nếu có) và quét lần lượt từ trái qua phải, từ trên xuống dưới theo chiều kim đồng hồ, các phần liền kề gối lên nhau ít nhất 10 mm. Số thứ tự của ảnh được xác định theo số thứ tự quét.

Đặt chế độ ảnh trước khi thực hiện lệnh quét:

- Định dạng tệp tin (Format File): Portable Document Format - PDF hoặc PDF/A (.pdf).
 - ✓ PDF, PDF/A: Tệp tin có thể có một trang hoặc nhiều trang tương ứng với số trang của tài liệu lưu trữ giấy.
- Độ phân giải (Resolution): 300 dpi trở lên (hoặc 300 ppi), 600 dpi đối với tài liệu có khổ giấy nhỏ hơn A4 hoặc cỡ chữ văn bản dưới 8.
- Chế độ màu sắc (Colour):
 - ✓ Nếu tài liệu giấy có các thành phần được tô màu hoặc trên nền giấy màu: Ảnh màu (Colour); độ sâu màu (Bit-depth) tối thiểu là 24 bit (8 bit cho mỗi kênh màu); không gian màu (Colour space) là sRGB.
 - ✓ Nếu tài liệu giấy không có các thành phần được tô màu hoặc trên nền giấy không màu: Độ sâu bit (Bit depth) là 8 bit thang độ xám (greyscale); không gian màu (Colour space) là thang độ xám (greyscale).
- Độ nén (Compression):
 - ✓ Đối với định dạng PDF hoặc PDF/A: Có thể sử dụng hệ thống mã hoá lỗi JPEG 2000 phần 1 nén không mất dữ liệu (LZW) với lượng nén ít nhất với chất lượng hình ảnh tối đa.
- Tỷ lệ quét (Scanning ratio): 100% (tức là kích thước gốc), tỷ lệ ảnh 1:1.
- PDF, PDF/A có khả năng tìm kiếm (Searchability): Sử dụng nhận dạng ký tự quang học (OCR) để tìm kiếm tài liệu theo ngôn ngữ tiếng Việt (OCR tuân thủ PDF hoặc PDF/A).

Ngoài ra, tùy theo tình trạng vật lý của tài liệu để điều chỉnh độ tương phản sáng tối, độ bóng của chữ, mức độ màu, chất lượng hình ảnh... hoặc có thể đặt chế độ mặc định theo máy.

c) Lưu tên tệp tin số

Tên tệp tin được đặt thống nhất theo ký hiệu, mã định danh để bảo đảm là duy nhất, có khả năng tham chiếu và nhận diện mối liên hệ giữa tài liệu lưu trữ số với tài liệu lưu trữ giấy.

Bước 3. Kiểm tra chất lượng số hoá, bàn giao tài liệu

a) Kiểm tra chất lượng số hoá

- Phải kiểm tra chất lượng màn hình trước khi kiểm tra hình ảnh của tài liệu, đặt chế độ phân giải màn hình phù hợp, chế độ xem ảnh ở tỉ lệ 1:1 (100%).
- Tiến hành kiểm tra hình ảnh trên màn hình và đối chiếu với tài liệu gốc theo một số thuộc tính sau:
- Kiểm tra tính đầy đủ: Kiểm tra các ảnh của tài liệu theo thứ tự sắp xếp trong tài liệu. Chú ý kiểm tra các tờ tài liệu có hai mặt, các trang tài liệu quá khổ...
- Kiểm tra hình ảnh: Hình ảnh tài liệu bị xiên, lệch; chữ bị cắt ở các lề; độ tương phản, chữ bị mất nét; sự khác biệt so với tài liệu gốc...
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật theo chế độ quét đã thiết lập.

b) Quét lại các tài liệu chưa đạt yêu cầu (nếu có)

Trang tài liệu quét lại phải được kiểm tra, đặt tên tệp tin số (file) theo quy định nêu trên.

c) Bàn giao tài liệu giấy

Việc bàn giao tài liệu giữa bộ phận số hoá và bộ phận lưu trữ theo quy định của cơ quan, đơn vị.

Khi bàn giao phải:

- Sắp xếp tài liệu theo đúng trật tự sắp xếp tài liệu trong hồ sơ.
- Căn cứ Biên bản giao nhận và Danh mục thống kê số lượng tài liệu để kiểm đếm từng trang tài liệu trong hồ sơ, giao nộp số lượng hồ sơ.
- Lập biên bản giao tài liệu (gồm các thông tin: số đơn vị bảo quản, số tài liệu, số tờ, số trang, thứ tự sắp xếp của tài liệu trong hồ sơ).

Bước 4. Tập trung dữ liệu

- Căn cứ Danh mục thống kê số lượng tài liệu để kiểm đếm số lượng thư mục theo hồ sơ, số lượng tệp tin số trong hồ sơ; kiểm tra chất lượng hình ảnh và cách đặt tên;

Bước 5. Cập nhật dữ liệu số hoá vào cơ sở dữ liệu

Nhập liệu các thông tin của hồ sơ vào phần mềm quản lý và đính kèm tệp tin số tương ứng.

2.6 Yêu cầu đào tạo, hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành và các công tác khác có liên quan

2.6.1 Yêu cầu về đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm

- Mục đích: Đào tạo và chuyển giao công nghệ là một trong các khâu quan trọng, góp phần quyết định hiệu quả vận hành của Hệ thống Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu của việc đào tạo, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích hướng dẫn cho người sử dụng với đúng tính năng: Hướng dẫn sử dụng phần mềm; Thực hành sử dụng phần mềm.

- **Phạm vi đào tạo:** Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm cho đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc:

- Sở Công Thương tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp;
- Các cán bộ phụ trách công tác quản lý liên quan tại cấp xã, phường, thị trấn có liên quan đến hoạt động quản lý khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế.

- **Địa điểm đào tạo:** Các lớp đào tạo được tổ chức tại:

- Văn phòng Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp.

- **Đối tượng tham gia đào tạo:**

- Cán bộ phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, lao động, và xúc tiến đầu tư;
- Cán bộ quản trị hệ thống, cán bộ kỹ thuật được phân công vận hành, cập nhật và khai thác dữ liệu trên hệ thống.

- **Yêu cầu đối với giảng viên:**

- Giảng viên phải có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn liên quan đến nội dung đào tạo;
- Có kinh nghiệm thực tế trong việc triển khai, quản trị và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- Có kỹ năng truyền đạt tốt, đảm bảo khả năng hướng dẫn trực quan, dễ hiểu, giúp học viên nắm vững kỹ năng sử dụng hệ thống trong thực tế.

- **Nội dung đào tạo:** Khóa đào tạo tập trung hướng dẫn toàn bộ các chức năng và quy trình nghiệp vụ được xây dựng trên nền tảng ứng dụng của hệ thống, bao gồm:

- **Hướng dẫn sử dụng các chức năng nghiệp vụ:** Giới thiệu chi tiết các phân hệ quản lý trong hệ thống như quản lý hồ sơ pháp lý, đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường, và hạ tầng kỹ thuật.

- **Quy trình vận hành, nhập và cập nhật dữ liệu:** Hướng dẫn cách thức nhập liệu, cập nhật, kiểm tra và đồng bộ thông tin từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan.
- **Chức năng quản lý và khai thác dữ liệu:** Giới thiệu các công cụ tra cứu, thống kê, tổng hợp và xuất báo cáo dữ liệu; hướng dẫn khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và ra quyết định.
- **Chức năng quản trị hệ thống:** Hướng dẫn quản lý người dùng, phân quyền truy cập, sao lưu và bảo mật dữ liệu.
- **Thực hành trực tiếp trên hệ thống:** Tổ chức các bài tập tình huống và thực hành trực quan trên môi trường phần mềm thật nhằm giúp học viên thành thạo trong việc sử dụng và vận hành hệ thống sau đào tạo.

2.6.2 Các lớp đào tạo

a) Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho cán bộ nghiệp vụ, chuyên môn Sở Công thương, Ban Quản lý các KCN tỉnh; Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng 1		Số lượng 2	
		SL 1	ĐVT 1	SL 2	ĐVT 2
	LỚP ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CÁN BỘ NGHIỆP VỤ, CHUYÊN MÔN			3	lớp
	Tổng cộng kinh phí (1 lớp)				
I	Chi giảng viên, trợ giảng, khen thưởng học viên				
1	Chi thù lao cho giảng viên chính	1	Người	1	Buổi
2	Chi phí	1	Người	1	Buổi
II	Chi thuê cơ sở vật chất				
1	Hội trường				
2	Thuê máy tính	1	Ngày	22	Máy
3	Chi phí cài đặt máy tính			22	Máy
III	Chi tài liệu, chứng chỉ, nước uống cho học viên				
1	Chi phí photo tài liệu, đóng quyển			22	Bộ
2	Chi giải khát giữa giờ	1	Buổi	22	Người

b) Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho cán bộ nghiệp vụ các xã, phường, thị trấn

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng 1		Số lượng 2	
		SL 1	ĐVT 1	SL 2	ĐVT 2
	LỚP ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CÁN BỘ NGHIỆP VỤ, CHUYÊN MÔN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN			3	lớp
	Tổng cộng kinh phí (1 lớp)				
I	Chi giảng viên, trợ giảng, khen thưởng học viên				
1	Chi thù lao cho giảng viên chính	1	Người	1	Buổi
2	Chi thù lao cho trợ giảng	2	Người	1	Buổi
II	Chi thuê cơ sở vật chất				
1	Hội trường				
2	Thuê máy tính	1	Ngày	38	Máy
3	Chi phí cài đặt máy tính			38	Máy
III	Chi tài liệu, chứng chỉ, nước uống cho học viên				
1	Chi phí photo tài liệu, đóng quyển			38	Bộ
2	Chi giải khát giữa giờ	1	Buổi	38	Người

c) Đào tạo hướng dẫn sử dụng cho đại diện các doanh nghiệp trong các Khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng 1		Số lượng 2	
		SL 1	ĐVT 1	SL 2	ĐVT 2
	LỚP ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ			16	lớp
	Tổng cộng kinh phí (1 lớp)				
I	Chi giảng viên, trợ giảng, khen thưởng học viên				
1	Chi thù lao cho giảng viên chính	1	Người	1	Buổi
2	Chi thù lao cho trợ giảng	2	Người	1	Buổi
II	Chi thuê cơ sở vật chất				
1	Hội trường				
2	Thuê máy tính	1	Ngày	33	Máy
3	Chi phí cài đặt máy tính			33	Máy
III	Chi tài liệu, chứng chỉ, nước uống cho học viên				

1	Chi phí photo tài liệu, đóng quyển			33	Bộ
2	Chi giải khát giữa giờ	1	Buổi	33	Người

d) đào tạo chuyển giao công nghệ

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng 1		Số lượng 2	
		SL 1	ĐVT 1	SL 2	ĐVT 2
	LỚP ĐÀO TẠO CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ			1	lớp
	Tổng cộng kinh phí (1 lớp)				
I	Chi giảng viên, trợ giảng, khen thưởng học viên				
1	Chi thù lao cho giảng viên chính	1	Người	2	Buổi
2	Chi thù lao cho trợ giảng	1	Người	2	Buổi
II	Chi thuê cơ sở vật chất				
1	Hội trường				
2	Thuê máy tính	1	Ngày	17	Máy
3	Chi phí cài đặt máy tính			17	Máy
III	Chi tài liệu, chứng chỉ, nước uống cho học viên				
1	Chi phí photo tài liệu, đóng quyển			17	Bộ
2	Chi giải khát giữa giờ	2	Buổi	17	Người

2.7 Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Đơn vị thi công phải xây dựng tài liệu quản trị, vận hành; tài liệu bảo trì đối với phần mềm.

- Đơn vị thi công phải cung cấp quy trình bảo hành phần mềm, trong đó nêu rõ địa điểm bảo hành của đơn vị, thời gian trung bình bảo hành khi có yêu cầu, thời gian khắc phục sự cố, số năm bảo hành...

- Đơn vị thi công có trách nhiệm bảo hành, hỗ trợ về mặt kỹ thuật lập trình và triển khai trong thời gian 01 năm, tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Phương tiện hỗ trợ thông qua: email, điện thoại, internet, chuyển phát bưu phẩm và hỗ trợ tại chỗ.

- Đơn vị thi công sẵn sàng cung cấp dịch vụ bảo trì sau khi hết bảo hành nếu chủ đầu tư có nhu cầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Thực hiện kiểm thử chất lượng phần mềm nội bộ bởi đơn vị kiểm thử do chủ đầu tư thuê theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám

sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Chi tiết nội dung công tác triển khai, giám sát công tác triển khai, nghiệm thu đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.